Chương 10
QUAN VẬN - SỰ NGHIỆP

QUAN VẬN - TỐT (1)
ví dụ 1
QUAN VẬN - XẤU (2)
ví dụ 2

Quan là vinh lộc, người làm quan có thiên chức là cai trị dân. Và quan chỉ dành cho nam giới !

Ngày xưa người trí thức, người tài giỏi, thường ra làm quan và được coi là vinh hiển, quí, sang. Và như vậy ông vua trở thành chủ nhân ông duy nhất toàn quyền sinh sát. Có tài cũng chỉ để phục vụ một người.

Ngày nay, người học cao hay có tài không nhất thiết phải làm quan, làm công chức, cán bộ. Họ vẫn có thể làm việc và nắm những chức vụ quan trọng trong các công ty , xí nghiệp tư, và quyền lực của họ rất lớn, đâu cứ phải làm quan ! Cũng có thể gán cho những người này có "Tài vượng", mà Tài cũng là nguyên thần cuả Quan, có nhiều tiền cũng có thể vinh hiển (có quan) vậy.

Vậy chúng ta phải thích ứng quan niệm quan vận này, nới rộng nó ra cả về sự nghiệp nói chung. Sự thích ứng cũng cần được phổ cập trong những cas / câu trong các sách về Tử Bình (hay mệnh học nói chung) như …

- quan văn, quan võ nắm quyền 2 tỉnh; tên tuổi vang xa 6 nước; quan nhất phẩm; làm việc trong triều đình; tất cả nay phải hiểu là quan cao, hay nắm trọng quyền, hay có danh tiếng lớn;
- quan võ trấn ải, hay thủ thành biên giới có thể áp dụng cho cả những sĩ quan điều khiển quân đội ở ngoài nước, chẳng hạn các sĩ quan Mỹ, Pháp, Nga …hay Việt, ở các căn cứ quân sự , hay chiến dịch ở hải ngoại …;
- phụ nữ được quốc phong : được hiểu là quí mệnh, quí phu nhân, hay có tài năng danh tiếng được biết đến không những trong nước mà cả ở nhiều nước….
- mất chức, giáng chức : ngày nay thì cũng vậy, hay trong xí nghiệp tư là thất nghiệp, bị đuổi việc;
- thăng quan tiến chức : ngày nay thì cũng vậy, cả công lẫn tư;
- là quan cận thần phò vua; làm việc trong nội các, triều đình : ngày nay cũng thế có thể là bộ, thứ trưởng, hay làm việc bên cạnh nguyên thủ quốc gia; hoặc trong tư doanh là gần người đầu não, làm việc trong ban Tổng giám đốc của các xí nghiệp; v..v..

Tứ trụ của người ta chính là kho chứa đựng thông tin cả cuộc đời một người, trong đó có quan vận : có quan vận hay không, chức cao hay thấp, làm quan gì, quan văn (chú trong Quan tinh) hay quan võ (chú trong Sát, Thương quan, kình dương), trong bao lâu, là người thanh liêm, hay tham nhũng, là trung thần hay gian thần, khi nào thì thăng chức, khi nào thì mất chức, v..v...

Có người vừa có chức vưà có quyền (Ấn);
Có người chỉ có chức, nhưng không có thực quyền;

Có những tiêu chí và những thông tin chính xác mà ngoài họ không ai biết được ; và cũng có cả những điều mà chính họ cũng không biết được trong tương lai sẽ ra sao, nhưng qua phân tích, dự đoán thì có thể thấy rõ.

Khoa Tử Bình có thể dùng để chọn những người làm quan có phẩm chất tốt và tài trí. Riêng đối với bản thân họ, nếu biết mệnh thì khi ra nắm quyền là kẻ sĩ, khi rút lui là kẻ ẩn, có thể phòng tránh được những tai hoạ của quan trường.

Ngày xưa, những người thông hiểu văn hoá cổ đại đều tin tưởng sâu sắc rằng vận mệnh của con người là có thể dự đoán được, có thể nắm chắc được. Ngày nay cũng thế, không thiếu những quan chức cao cấp tin vào dự đoán.

Có một số người trong mệnh không có quan, nhưng vì không biết mệnh, hay không tin mệnh, chỉ dựa vào sức, vào nhiệt tình, bản lĩnh, dáng vẻ, tức không nắm được vận khí của mình, kết quả gặp tai hoạ vì chức vụ. Thậm chí có trường hợp cá biệt có chức vụ nhưng vì làm những việc không chính đáng, đến lúc nào đó là đổ sụp.

Xem quan vận nên chú trọng Quan, Sát, Tài, Ấn, kình dương, Lộc, mã ; *Đặc biệt phải xem có quan hay không, nếu có thì khi nào sẽ tốt (thăng quan tiến chức), khi nào sẽ xấu (mất chức, giáng chức, tù tội…).* nghiã là luôn luôn kết hợp tiêu chí (TC) và hành vận (HV) / Khi tiêu chí lẫn với hành vận thì dưới đây thường in chữ nghiêng, hoặc thêm chữ (Vận), hoặc câu văn đã hàm ngụ hành vận rồi.
Bạn cũng nên đọc kỹ lại các chương Cát thần, Hung sát, nhất là Thiên ất QN, Lộc, Mã, Khôi canh; Kình dương, Tướng tinh, …và ở trình độ này, nên có cái nhìn tổng hợp.

Đoán về lãnh vực nào cũng có hai mặt *tốt xấu, nên nhớ là tốt hay xấu tuỳ tổ hợp*. Ta sẽ lần lượt nghiên cứu dưới đây :

I. QUAN VẬN TỐT (1)

Xét theo từng trụ *:*

- Trụ năm có quan tinh : ông cha vinh hiển;
- trụ tháng có quan tinh : anh em vinh hiển;
- trụ ngày có quan tinh : mình vinh hiển;
- trụ giờ có quan tinh : con cháu vinh hiển (ngày xưa quan niệm được vinh hiển là được làm quan).
- Trụ tháng gặp ấn thụ, nếu gặp quan tinh là tốt, vận nhập quan thì phúc sẽ có.
- Chính ấn gặp nguyệt lệnh : chức quan ở viện hàn lâm (ý nói uyên bác - Ấn tượng trưng cho học vấn, và cũng là quyền hành).
- Trụ ngày có quan hoặc có quý nhân, hoặc có ấn mà không bị phá : sẽ là bậc phúc thần trị thế.

- Ngày nhâm giờ nhâm, lại gặp nhâm thìn : thăng chức quan cao.
- Trụ ngày, tháng đều có quý nhân, nhưng trụ giờ gặp kỵ thần : quan luôn bị dời chuyển
- Quan ấn tương sinh và đóng ở trụ năm, trụ tháng : là quan chức ở trong triều.
- Thân vượng, Trụ năm có quan tinh, gặp được tài, ấn : phúc khí dồi dào, phát đạt rất sớm.
- Trụ năm chính ấn, trụ tháng chính quan : là quan chức nắm ngành giáo dục cho toàn quốc.

- Can có Quan, Chi có kình dương, trụ giờ trụ tháng đều gặp : là quan vinh hiển.
- Trụ tháng có sát, ấn, trụ giờ có thương quan : sẽ được bổ nhiệm chức quan cao.
- Thân vượng, trụ tháng có thất sát : là bậc tướng.
- Nguyệt lệnh là thất sát, và thân sát đều mạnh : là quan tể tướng.
- Trên trụ giờ có quan tinh, lại gặp mệnh cứng : cuối đời vẫn được phong chức.
- Trụ năm có lộc hội tụ (hành vận gặp lộc) : được thăng quan tiến chức.
- Ngày, giờ gặp mã : là quan thanh liêm VdA05

Xét những tổ hợp đặc biệt :

- Bốn kho (mộ) thìn, tuất, sửu, mùi đều có và thuận : là mệnh của bậc đế vương.
- Bốn xung tý, ngọ, mão, dậu đều có : tài văn võ kinh bang tế thế ;
  nếu còn xung đúng lúc (??) : là mệnh của bậc đế vương.
- Bốn xung dần, thân, tị, hợi đều có : là quan ở cấp cao.
- Mão thìn ngọ sửu (2 cặp tương hại) sinh vượng, nhập quý cách : là người nắm quyền cai ngục.
- Đất thuần âm có thể bao được dương : có binh quyền là chắc chắn (xem ví dụ về mệnh của 1 ông đề đốc - 4t thuần âm);
- Trong trụ quý vượng xung quan lại gặp hợp : là người quan cận thần phò Vua.
- Bính hợp Tân sinh : là tướng nắm quyền, trấn thủ một phương. vdA04
- Mộc thịnh gặp Kim : là bậc quan rường cột (can ngày Mộc, Quan tinh là Kim; lấy ý : gỗ có sắt thép mới xây dựng chắc chắn được; và cái thái quá bị chế ngự).

- Trong trụ kim, thuỷ tương sinh cho nhau : là quan cao trong triều (can ngày là Thuỷ, có Ấn là Kim).

Xét theo 10 thần và thần, sát :

kình dương *tuy là sát (nghiã xấu), nhưng nó cũng tượng trưng cho uy quyền, sự dũng mãnh nên cũng có 1 số tổ hợp tốt.* Nên nhớ là mệnh tốt -quyền quý- thường (nếu không nói là luôn luôn) có Sát, Kình dương, hay có hình , vì nhờ đó mà có uy trấn áp người khác; mệnh có Thương quan thì thuận lợi cho võ nghiệp.

- Thất sát có chế ngự (có Thương quan, hay Thực thần) và có kình dương là tướng, nắm binh quyền (nắm quyền sinh sát) VdA01, vdA05 ; và nếu KD không bị xung thì cực quý .
- Kiếp tài, kình dương lại còn có quan sát : là bậc quan đài các. VdA01
- Kình dương, thất sát xen nhau : là người trấn giữ thành trì. vdA05
- Kình dương gặp quan sát : là người cầm quyền trấn ải biên cương. VdA05
- Thất sát, kình dương đều rõ : uy lừng danh thiên hạ; có thể làm đến chức vương hầu. vdA05
- Kình dương mạnh, sát vượng : là người dũng mãnh, địch ba quân (dĩ nhiên ngày xưa sẽ làm tướng; trong truyện Tàu ta gặp rất nhiều thí dụ);
- Kình dương mạnh, sát yếu : gặp Vận sát sẽ thăng quan.
- Kình dương nhẹ, sát nặng lại không bị chế ngự : chỉ làm quan nhỏ.
- Ấn, kình dương đều gặp : làm quan ở chức cao ;
  nếu Kình dương nhiều : là người đa mưu túc trí.
- Quan tinh lẫn kình dương mà không bị khắc phá thì có thể :
  - hoặc có quyền uy thống lĩnh các tướng,
  - hoặc là người nắm quyền toà án binh ở cấp cao,
  - tất sẽ được phong quan.
- Quan không có kình dương mà có Ấn : nếu không phải là quan cảnh sát thì cũng là quan trấn ải biên phòng.
- Quan, ấn không gặp kình dương, không có sát : chức cao mà thanh liêm.

- Quan ấn tương sinh và đóng ở trụ năm, trụ tháng là quan chức ở trong triều. (nhắc lại)
- Can có quan, Chi có kình dương, trụ giờ trụ tháng đều gặp là quan vinh hiển . (nhắc lại)
- Kình dương gặp lộc mã, tam kỳ, được lệnh nên thấu tài là quan đệ nhất phẩm. (nhắc lại)

- Tài vượng sinh quan, lại được ấn, kình dương trợ giúp : nhất định làm chức quan cao quý ;

- Thương quan lộ, chính quan ẩn (nên không bị khắc), gặp nhiều sát, ấn : quyền cao.
- Thương quan có kình dương : là bậc tướng có tài.VdA01
- Thương quan, kình dương, gặp kiếp hoặc lẫn sát : là bậc làm tướng. VdA01
- Thương quan, thất sát, nam gặp được là thăng quan (có cả 2, rồi khi gặp hành vận).VdA01

- Kim thần cùng với kình dương ở hoả địa (hoả luyện kim thành báu kiếm - tượng trưng cho uy quyền), hay Kim thần có ấn : làm quan trong nội các.
- Thực thần lẫn kình dương đóng ở quan : là quan nhất phẩm (Can là Quan, Chi là Thực thần và có KD).
- Trong trụ có đủ kình dương, tam hình hay tự hình, khôi canh : lập được chiến tích.

Thất sát

- Trong trụ thuần sát lại có chế ngự : làm quan ở nhất phẩm.
- Trong trụ Thuần quan hay thuần sát, thuần tài, thuần mã, và thân không tạp : làm quan đến bậc cực phẩm. vdA06 (thuần là chỉ có 1).
- Trong trụ có một ngôi chính quan : là quý nhân, quân tử; nếu thuần tuý : là quan cương trực, liêm chính.

- Sát vượng, ấn yếu : xuất thân ở văn nhưng cuối cùng là võ tướng.
- Thất sát hoá quyền : nếu làm quan võ thì công danh lừng lẫy; nếu trấn biên cương thì công danh cái thế.
- Thực thần gặp hợp : vừa có chức vừa nắm con dấu (quyền ấn).
- Thực thần chế ngự sát : là anh hùng áp đảo hàng vạn người vdA05 ; dĩ nhiên vợ vinh hiển, con hiển đạt;

nếu trong trụ không có kiêu thần (tức Thực thần không bị cướp đoạt) : là bậc quan quản việc giáo dục trong triều ;

- Thất sát có chế ngự (có Thương quan, Thực thần) : y lộc dồi dào :

  * có sinh : uy trấn biên cương vdA05 ;

  * không gặp kiêu : nếu không nắm quyền sinh sát thì cũng giữ chức toà án binh. vdA05

  * can có thực thần, chi có hợp : con cháu ai cũng làm quan.

- Trụ tháng có sát, ấn, trụ giờ có thương quan là sẽ được bổ nhiệm chức quan cao.	(nhắc lại)
- Thân vượng, trụ tháng có thất sát, là bậc tướng.	(nhắc lại)
- Nguyệt lệnh là thất sát, và thân sát đều mạnh là quan tể tướng.	(nhắc lại)

- thân vượng, Quan sát rất nặng, nếu gặp chế phục : là bậc trung thần.
- Thân vượng gặp thất sát phục ẩn : là quan trấn thủ một vùng.
- thân vượng, sát vượng : là quan thanh liêm cao quý.
- thân vượng, Sát vượng, nhưng bị vận chế ngự : sẽ được điều đi là tướng ở biên giới.
- thân vượng gặp Quan vận : tất sẽ thăng chức.
- thân vượng,Trụ năm có quan tinh, gặp được tài, ấn, là phúc khí dồi dào, phát đạt rất sớm. (nhắc lại)
- Thân nhược, sát yếu, *gặp vận* hoá sát là có chức quyền.

- Kim sát, giáp góc, quý : là sĩ quan tác chiến.
- Sát, ấn đồng ngôi (cùng trụ) : là người táo bạo, vận hanh thông, nhất định cầm quân, chỉ sợ về sau không hiền lành.
- Tướng tinh nếu gặp dụng thần, vong thần : là bậc quan rường cột.
- Quan gặp vong, kiếp kiêm thất sát : là võ tướng.
- Vong thần kiếp sát gặp trường sinh, chi năm nạp âm gặp trường sinh, hay đế vượng : người võ tướng uy dũng,

- Quan sát hỗn tạp (*), cái tốt được giữ lại là tốt, cái xấu nên mất đi (quan võ nên có hợp mất quan, giữ lại sát; quan văn nên có hợp mất sát giữ lại quan) : sẽ được thăng quan tiến chức (nên chú ý tìm hành vận có hợp như thế) . vdA02, vdA04

- Quan sát hỗn tạp (*) nhưng lại gặp *thiên, nguyệt đức* là : lên chức được lộc, chức quan cao.

  (*) luôn luôn xấu (xem quan vận xấu dưới đây), trừ những trường hợp có cứu trên đây.

- Quan tinh gặp thiên đức : là người kinh bang tế thế ;
- Trụ có *thiên đức* quý nhân sinh ấn : văn võ song toàn.
- *Thiên Đức, nguyệt đức* trợ cho thương quan : là tay nắm binh quyền.
- Âm đức *(Thiên Đức, nguyệt đức là âm ?) ,* âm quý (*thiên ất là âm ?*) vượng : vinh hiển.

- Ấn gặp thiên ất : đời đời làm quan.
- Trong trụ ấn nhiều, tài lộ : dù tuổi rất cao vẫn còn hữu dụng;
- Quan tinh trong chi không bị hình phá : nhờ vợ mà được làm quan.
- Quan quý nếu gặp tài quan trợ giúp, còn gặp tam kỳ : làm đến tể tướng.
- Trong trụ chỗ quan hợp : đổi chức quan. *(vận)*
- Trên trụ giờ có quan tinh, lại gặp mệnh cứng : cuối đời vẫn được phong chức. (nhắc lại)
- Trong trụ có đủ tài, quan, ấn : tướng văn thì anh hùng, tướng võ có uy.
- Quan tinh không bị xung phá : được hưởng lộc một mình.
- Quan ấn cả hai đều có : là quan võ.
- Quan, ấn tương sinh, lại *gặp tuế vận* : quan trong triều
- Quan tinh lẫn đào hoa : nhất định là quyền cao chức trọng.
- Quan kho tài kho, khi được xung khai *(vận)*: được hưởng lộc quan.
- Tài vượng sinh quan : tự mình đạt được vinh hiển.
- Tài, quan sinh vượng gặp ấn thụ : sẽ làm quan cảnh sát, hay tư pháp.
- Tài quan đều đẹp, lại thấu tài ấn : sẽ làm thủ trưởng.

- Quý nhân trên đầu lại có quan tinh : nhất định bước trên sân vàng thềm ngọc. (can là Quan, chi là Thiên ất)
- Tứ trụ thuần dương, thiên ấn mạnh : chức cao vinh hiển.
- Trước tài sau ấn : được thăng chức luôn luôn.
- Tài gặp ấn địa *(vận)* : sẽ đổi chức quan.
- Ấn thụ được sinh vượng : lợi cho quan vận.
- Ấn thụ gặp thiên ất : được người đời tôn kính.

- Ấn cách thấu với tài quan : tuổi trẻ đã được bổ nhiệm trấn thủ biên cương.
- Trụ năm chính ấn, trụ tháng chính quan là người nhậm chức ngành giáo dục cho toàn quốc. (nhắc lại)
- Thương quan thương tận (có chế hoá) : một mình nắm quyền cao (có quyền hành). vdA03
- Thương quan cùng với tài, ấn và sinh vượng : là người trụ cột trong triều đình.
- Thương quan có chế ngự : uy trấn biên thuỳ.
- Thương quan được thực thần bổ trợ : là tướng có công.
- Thương quan gặp quý nhân : chức cao mà đầy đủ.
- Thương quan gặp tài : chức cao mà của nhiều (gặp vận Tài : được lên chức) vdA03;
  nếu quan ẩn : sẽ ở chức vụ rất cao.

- Mệnh gặp tam kỳ, có cả tam hợp nhập cục : là lương thần của quốc gia;
  nếu Tam kỳ quý nhân nhiều, lại gặp thiên ất quý nhân : công tích siêu quần;

- Quý áp chế được tam hình : làm quan nắm pháp luật. vdA06
- Tam hình đắc dụng : uy trấn tam quan. vdA06
- Tam hình gặp quý nhân (thiên ất) : được thăng chức luôn (gặp ở LN, ĐV). VdA06

- *Khôi canh* gặp sát xung chiến lẫn nhau : là người lính cứng rắn, nắm quyền sinh sát.
- Trụ ngày có *khôi canh*, thân vượng : làm quan văn.
- Cục canh tân có đủ tỵ dậu sửu : chức trọng quyền cao.
- Cục bính đinh có đủ dần ngọ tuất : chức trọng quyền cao.
- Cục mậu kỷ có đủ thìn tuất : gặp hoả vận là lên chức nhanh.
- *Hoa cái* nhiều là tốt, nếu còn gặp vượng tướng : nhất định là người quyền cao chức trọng.
- *Hoa cái* gặp ấn kiêm vượng tướng : nhất định là quan trong triều.
- Trong trụ có cả *hoa cái* và ấn tinh : sẽ là bậc lương thần của quốc gia.

lộc mã (xem thần sát)

- Lộc nhiều lại có ấn thụ trợ giúp : nhất định làm đến cấp tướng.
- Kiến lộc (ở chi tháng) gặp quan thì quý.
- gặp lộc và được lộc : sẽ làm quan đến chức cao.

- Trong trụ lộc mã phi thiên, hoặc xung quan hợp lộc mã : là bậc đại thần cực quý.
- Củng quý, củng lộc : là bậc tướng; nếu thuần tuý : là bậc vương hầu;
- Trụ có giáp lộc, hay giáp mã : làm quan cao vinh hiển.
- Lộc đến trường sinh, nếu có ấn : sẽ thăng chức.
- Lộc nhiều lại có ấn trợ giúp : quyền cao chức trọng.
- Trụ năm có lộc hội tụ (hành vận gặp lộc) là được thăng quan tiến chức. (nhắc lại)
- 4T có lộc mã : dễ được làm quan ;
  Vận gặp lộc mã : lập công là làm quan ngay.
- Lộc mã ở cùng ngôi : chức quan cao vinh hiển
- Thực thần sinh vượng lại gặp lộc mã : quan văn thì kiêm cả hai tỉnh; quan võ thì trú quân cả hai tỉnh (tỉnh bên Tàu, rất rộng lớn, đông dân, ý nói nắm trọng quyền);
- Mã gặp đế vượng, tứ trụ không có thương quan : sẽ thăng quan tiến chức ;
- Quan, mã hợp nguyệt kiến : kiêm hai chức vụ.
- Trạch mã, học đường ở trường sinh : là quan có tài.
- Mã đầu (trên trụ năm) có cả kiếm (sát) [mã ở biên trại] : là quan trấn thủ biên cương.
  vdA05
- Ngày, giờ gặp mã : là quan thanh liêm VdA05 (nhắc lại)

Ví dụ điển hình 1

VÍ DỤ A01. NAM:

KIẾP	SÁT	NHẬT NGUYÊN	THƯƠNG
Đinh tỵ	Nhâm tý	Bính ngọ	Kỷ hợi
		KD	

Tháng 5 –1986, bị hỏi thách : "có thể biết được người này làm gì không?".

Đáp : "người này tuy đã hơn 70 tuổi, nhưng chức khá to, là người cấp tướng". Đúng là một vị tướng, là vì trong trụ có :

- "kình dương, thất sát lại gặp thương quan (tức có chế ngự), đó là người làm tướng" ;
- hoặc : « Thương quan, kình dương, gặp kiếp hoặc lẫn sát là bậc làm tướng ».

(4t này xem thêm phần bệnh tật)

VÍ DỤ A02. NAM:

KIẾP	ẤN	NHẬT NGUYÊN	SÁT

Kỷ mão	Đinh mão	Mậu thìn	Giáp tuất
Quan	Quan		

Tháng 11 –1988, giám đốc một đại xí nghiệp.

TC : 4t có *"quan sát hỗn tạp, nếu điều tốt (quan) được giữ lại, điều xấu (sát) bị xóa đi thì người võ chức được lên cấp, người văn nhân được lên quan".* Đây là 1 quan văn, nên Sát (điều xấu) bị hợp mất thì tốt (Giáp-Kỷ hợp) / Và ngược lại nếu là quan võ mà Quan bị hợp thì tốt.

HV : năm 40 tuổi hành **Tài** vận. Trong trụ có sát lộ quan tàng, tức quan sát hỗn tạp vốn là xấu (nhưng không nặng, vì 1 cái lộ, 1 cái ẩn). Nhưng năm **kỷ** tỵ 1989, giáp-kỷ tương hợp xoá mất sát giữ lại quan, không có quan sát hỗn tạp nữa, tức không có mối lo tranh giành, **Tài** của vận lại sinh Quan, nên thanh quan được thăng chức.

Năm 1989 quả nhiên ông ấy được đề bạt lên làm quận trưởng ở một quận của thành phố.

VÍ DỤ A03. NAM

KIẾP	**THƯƠNG**	**NHẬT NGUYÊN**	**TÀI**
Ất dậu	Đinh hợi	Giáp thìn	Kỷ tỵ
Tân	nhâm giáp		
Quan	Ấn		

Vào tháng 4 – 1988, một cán bộ muốn xem quan vận.

TC : Trong trụ có đinh hoả *thương quan là không lợi cho quan vận*, nhưng may nhờ có Tài rút khí cuả Thương, tức *"thương quan có chế (Ấn) và có hoá (Tài) là có quyền hành, đến vận tài sẽ được lên chức".*

Quan gặp Thương, nhưng Quan ẩn dưới Chi nên không bị tác hại nặng.

HV : năm 38 tuổi hành đại vận quý thuỷ (Ấn), chế ngự Thương quan đinh hoả (tức là lúc Thương quan bị thương tận : ác tính bị tiêu), nhờ đó Quan tinh tân kim không bị thương, lại được lưu niên kỷ tị (Tài) 1989 sinh cho nên được lên chức. Về sau quả đúng thế.

VÍ DỤ A04. NAM

KIẾP	**TÀI**	**NHẬT NGUYÊN**	**KIẾP**
Đinh mùi	Tân hợi	Bính tý	Đinh dậu
	nhâm giáp	quý	
	Sát	**Quan**	

Tháng 2-1990, một cụ già bình dân đã 83 tuổi.

TC : Trụ này có :

- *"Quan sát xen kẽ nhau (*là hỗn tạp, lý ra không tốt)*, nhưng nhờ có hợp mất sát là quý (Đinh – Nhâm hợp)",*
- *"bính hợp tân sinh là tướng nắm quyền uy" (hợp hóa Thuỷ, có chi tháng = hợi, tức hợp hoá thật).* Bính-Tân : hợp có uy chế ngự.

Xem xong tứ trụ, rồi so với người, TVH rất kinh ngạc nói: cụ hồi trước là chức tướng, vì sao có một thời gian dài bị im hơi lặng tiếng, chín phần chết một phần sống thế này ?

Cụ nói : Đúng, tôi nguyên là tướng Quốc dân đảng, làm việc ở văn phòng, sau giải phóng (1949) bị bắt giam đến năm 1978 mới được tha".

Ông này là quan võ, mà bị hợp mất Sát, nên tuy là đã hoá giải được QS hỗn tạp, nhưng không được tốt lắm. Sau nầy chúng ta sẽ thấy QS hỗn tạp còn là tiêu chí của hoạ lao tù.

Ví dụ A05. NAM

Thực	**Sát**	**Nhật nguyên**	**Tài**
ất hợi	kỷ sửu	quý tị	đinh tị
KD, Mã		Mã	Mã

Người đó đã hơn 50 tuổi, theo tướng mạo hay trang phục mà xét thì đều cảm thấy đó là người rất bình thường. Nhưng khi sắp xếp xong tứ trụ lại thấy ông ta rất khác mọi người: nếu ở trong quân đội thì đó là tướng lĩnh trấn thủ biên cương; nếu làm hành chính thì đó là thủ trưởng một vùng biên giới; là người thanh liêm chính trực; năm gần đây chức vụ có một lần thay đổi lớn, được lên cấp tướng, và tương lai còn thăng cấp nữa..

Đúng, Ông nguyên cán bộ cấp sư đoàn, làm chuyên viên ở một đặc khu biên giới đã 20 năm, nay là Phó Chủ tịch thứ nhất tỉnh chuyên quản việc hành chính.

TC : Ví dụ này ứng với các câu :

"Thực thần chế ngự sát là anh hùng chỉ huy vạn người".
*"Mã gặp biên trại là trấn thủ biên cương", (ở 2 đầu mút - biên - của tứ trụ) **;*
"kình dương, thất sát xen kẽ nhau là trấn giữ thành biên giới",
"ngày , giờ gặp ngôi mã là quan thanh quý" (thanh liêm).

*** và theo bát quái lập từ 4T này, mã ở ngoại quái (biên tái): Ở thí dụ này, dùng bát quái cũng đưa đến những kết luận tương tự , điều đó biểu hiện tính đồng bộ về thông tin của một người (xem phụ lục liên hệ).*

Ví dụ A06 . NAM:

Kiếp	**Tài**	**Nhật nguyên**	**sát**
Bính tuất	Tân sửu	đinh mùi	qúy mão

TC : Tứ trụ này *có tam hình (sửu-tuất-mùi : hình vô ân)*; nhắc lại : quý mệnh thường có hình .

Trong trụ "thuần sát, thuần tài, thân không tạp cho nên quan ở cực phẩm (Thuần ở đây là chỉ có 1, ở CAN, và không bị khắc phá)

HV : năm 28 tuổi gặp đại vận đinh dậu (Thiên ất quý nhân), đúng là *4T có tam hình khi gặp quý (nhân) thì thăng chức ngay"*; do đó nay đã thăng đến chức trưởng ty và còn lên nữa.

Ví dụ A07. NAM:

Tài	**Tài**	**Nhật nguyên**	**Ấn**
Nhâm ngọ	nhâm dần	kỷ hợi	bính dần
	Quan	**Tài**	**Quan**

Người này tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp , sinh năm 1942, và đã công tác 26 năm, nhưng không những lãnh đạo xem thường anh ta, mà ngay học sinh học việc cũng không tôn trọng, tình cảnh thực đáng thương.

Tứ trụ cho thấy là người có tài vì *tài quan ấn đều có* ; chỉ đáng tiếc là bị *thân nhược tài nhiều*, tài địa lại ở phương bắc (Thuỷ) chế ngự ấn (làm cho yếu tố phù trợ thân nhược ở đây - Hoả - bị phá), sinh quan; quan đã nhiều và vượng lại còn được sinh nên thái quá, khắc thân (mà thân vốn nhược) , nên sự nghiệp bị đè nén.

TVH khuyên: "anh nên xin chuyển về phương nam thì mọi chuyện đều thuận lợi, không những được thăng chức luôn mà có thể có cống hiến lớn trong sự nghiệp". Anh ta nghe lời, năm 1986 được chuyển đến phương nam. Về sau vì trong kỹ thuật có những thành tích nổi bật nên được đề bạt là tổng công trình sư, đi nước ngoài để thi kỹ thuật. Đúng là nhờ theo cách hóa giải rồi thời cơ đến, vận chuyển hoá, cứ thế mà lên.

Giải pháp cho cas Thân nhược, và ở phương bất lợi này là phải bổ cứu cho Thân, và tránh xa phương bất lợi.

Trụ này Quan (Mộc) nhiều , vượng, điều đến phương nam là hoả địa để làm cho Ấn (hỏa) vượng lên, và cho quan tinh yếu đi (vì một mặt mất thủy sinh trợ, mặt khác phải sinh Hoả = sinh ấn), ấn sinh thân, làm cho Thân vượng sẽ thắng tài, tài sẽ sinh quan.

Đây chính là một ví dụ về ***hoá giải cho mệnh***, không căn cứ trên dị đoan , cúng kiến, mà chỉ dựa trên ngũ hành sinh khắc.

II. QUAN VẬN - XẤU (2)

Xét tổng quát *:*

- Tứ trụ đều hưu tù : cả đời không làm quan.
- Trong trụ không có quan tinh : khó mà làm quan. vdB05

- Vừa không có quan tinh lại không có tài tinh (hay có Tài nhưng bị Kiếp) : không thể làm quan. vdB05
- Quan tinh bị hợp : không làm quan, hoặc làm nhưng thời gian ngắn; có làm quan cũng không vinh (vì tham hợp vong quan), tức chức vụ thấp . vdB01, vdB03
- Có quan mà không có ấn : chỉ làm quan tạm thời. vdB01
- Quan tinh (ở địa chi / bản khí) gặp hình xung : quý nhưng không bền (quan tinh sợ hình xung phá hại).
- Quan, hay sát rơi vào không vong : lênh đênh không có chức gì ra hồn.
- Người mà quan tinh nhiều, không làm quan sẽ hại.
- Quan ở mộ kho : không làm quan.

- Thất sát tụ : là quan không có lộc.
- Thất sát có chế ngự (tức có Thực thần) : là quân tử [(được làm quan, tốt)]; không có chế ngự : là tiểu nhân [(làm dân)]. *(Nghĩa nguyên thuỷ cuả 2 chữ quân tử, tiểu nhân chỉ có thế, nhưng dần dần nó biến thành « tư cách » của con người ! đã sai lệch đi quá nhiều).*
- Quan sát hỗn tạp : là người không sáng suốt, tiểu nhân (chính tà lẫn lộn), không nên cho làm quan. vdB01 (QS hỗn tạp ở đây chỉ được xác định sau khi đã loại bỏ những trường hợp "tốt" như đã nói trong phần Quan vận tốt trên đây);
  nói chung là mệnh không có quan, nếu có là giặc (ngày nay có thể nói là quan tham nhũng). vdB01

- Thương quan nhiều : khó mà làm quan, nếu có thì cũng chức nhỏ (thương quan vốn có nghiã là thương tổn quan !).
- Trong trụ thương quan gặp quan : vừa không có quan vừa không có của.vdB01
- Thương quan chưa thương tận (tức không bị chế hoá) : khó mà làm quan.
- Tài tinh không có khí : làm quan không bền, được đó mất đó (vì Tài là nguyên thần cuả Quan mà vô khí thì không thể sinh Quan, tức là quan không có gốc).
- Thân nhược gặp quan tinh : thành đạt không lâu (thân đã yếu còn bị khắc).
- Kình dương đóng ở quan : sớm muộn sẽ bị hình phạt.
- Sát, kình dương hưu tù : là người lộc ít, chức kém.

Xét phối hợp với hành vận (đại vận, lưu niên) :

- Quan quá thịnh, gặp vận vượng địa sẽ đổ, hỏng (đã thái quá lại còn đế thêm nữa).
- Quan vượng không nên gặp hai quan, gặp thì mất chức hoặc gặp xấu (*tam quan cùng hội tụ ở vượng địa*).
- Quan nhiều lại gặp tài địa (*Tài vận*) : nên đề phòng tai vạ vì chức quan. vdB04,vdA07
- Tứ Trụ có quan : có chức, nhưng *hành vận* thương quan thì bị bãi miễn hoặc bỏ chức về vườn. vdB01
- 4t có Quan tinh gặp thương quan, khi hành vận gặp thương quan (tức lưu niên) tức ở vượng địa : lập tức mất chức. vdB01, vdB04 , vdB02
- Quan lộc gặp thương : lục thân sẽ khỏi được tai hoạ, nhưng mình gặp điều xấu.
- Tứ trụ có quan tinh, khi hành đến *quan vận* : sẽ bị phá hại. (Thái quá) vdB02
- Tứ trụ có Thương quan, khi gặp *quan vận* (tuế vận) : không mất chức cũng bị ốm nặng. vdB02

(nói chung khi Gặp phá quan - ví dụ gặp Thương quan, hay bị hình, xung, hại - thì nên từ chức, rút về, để tránh tai hoạ).

- Thương quan thương tận : kị nhất lại gặp quan tinh, gặp là bị kẻ thù địch làm hại.
- Thương quan vượng mà không có Tài, khi gặp Quan *(vận)* là gặp tai hoạ. (vì không có Tài để thông quan, nên Thương-quan trực tiếp khắc Quan);
- Dù Tài quan ấn đều có, nhưng trong đó quan tinh (rõ hoặc mờ) bị thương tổn, *tuế vận* lại gặp thương : năm đó sẽ thôi quan, mất chức. vdB03
- Trụ cùng *tuế vận* (các địa chi tam hợp) hợp thành thương-quan cục : sẽ mất chức hoặc gặp tai vạ. vdB06 (copy vdB05 / tài vận)
- Quan, sát gặp mộ lại gặp thương : làm quan gặp họa do báo ứng.
- Quan ở sát địa (tức là gặp tuế vận là Sát): khó mà giữ được chức. *(đó là lúc nó bị hỗn tạp*)
- Thân vượng có sát, *hành vận* ấn thụ là mất chức. (TV, còn được liên tục sinh nên thái quá).
- Thân vượng gặp vượng địa là tài quan *(Vận)* : sẽ tai vạ liên miên.

- Ấn gặp tài địa : mất chức, nếu không cũng nên rút lui thì tốt (vận khắc MC).
- Ấn thụ sinh (hay trên) trụ tháng, thì trụ năm, trụ giờ kị tài tinh, nếu có thì khi gặp tài vận nên xin rút lui, nếu không sẽ bị giáng chức (Ấn bị khắc nặng).
- Tài gặp ấn : bị thuyên chuyển.(MC khắc tuế vận).

- Quan vượng - Tài vượng, nhập mộ thì gặp điều xấu. (dùng bảng TS, phối Quan hay Tài với chi tuế vận).
- Quan chính ngôi, tỷ kiên mạnh : có sự tranh chấp chức quan rất dữ dội (chức vụ bị tranh dành; bị dòm ngó; cần chú ý khi gặp tuế vận là Tỷ kiên).
- *Tuế vận* cùng với thân nhập mộ : nay làm quan, ngày mai chết.
- Địa chi của lưu niên khắc hại nhật nguyên (tức Thái tuế là Quan hay Sát) : là *lúc* quan bị gặp hại.
- Mã yếu, tài yếu : nên thôi chức để giữ mình. (Tài là nguyên thần của Quan mà quá yếu)
- Lộc mã bị trụ giờ khắc, trụ ngày phá : trước sau gì cũng mất chức.

Ví dụ điển hình 2

VÍ DỤ B01. NAM

SÁT	**TỶ**	**NHẬT NGUYÊN**	**QUAN**
Ất dậu	Kỷ mão	Kỷ sửu	Giáp tuất

Tháng 5-1989, giám đốc một công ty.

TC :

"Quan Sát hỗn tạp…",
"Có quan mà không có ấn thì chỉ làm quan tạm thời"; (có chức không có quyền)
"quan tinh bị hợp thì làm quan không lâu" (Giáp hợp Kỷ; quan văn nên được hợp mất Sát, ở đây lại bị hợp mất Quan) .

HV :

Đoán "năm 1990 làm quan gặp hại, không mất quan cũng bị miễn chức". Về sau đúng như thế.

Năm 1990 canh ngọ, đúng là gặp năm thương quan. Ứng với câu: *4t có quan, khi gặp thương quan, không bãi quan cũng mất chức".*

Ông này tham nhũng mà không biết "hạ cánh an toàn" đúng lúc; thấy mồi còn béo bở ông muốn hy sinh ngồi thêm ít lâu nữa !

VÍ DỤ B02. NAM:

QUAN	TÀI	NHẬT NGUYÊN	THƯƠNG
Canh thìn	Kỷ mão	Ất hợi	Bính tý

Tháng 3 – 1990 , một phó chủ tịch thành phố hỏi về quan vận trong năm.
TC : Trong tứ trụ ,
Quan gặp Thương; *hoặc "4T có Quan, hành quan vận sẽ bị phá hại"*

HV :
Đoán :"năm nay nếu ông giữ được chức vụ của mình là giỏi lắm rồi, không có hy vọng thăng chức, hơn nữa còn bị một trận ốm". Về sau đúng là không được thăng chức và còn bị ốm.

Năm canh ngọ (Quan) 1990 chính là :
"4t có thương quan gặp Quan, khi thương quan gặp Quan không mất chức nhất định cũng ốm nặng", hoặc
"4T có Quan, hành Quan vận sẽ bị phá hại".

VÍ DỤ B03. NAM:

ẤN	TÀI	NHẬT NGUYÊN	QUAN
Canh ngọ	Bính tuất	Quý sửu	Mậu ngọ

Năm 1989, một cục trưởng.

TVH xem xong, khuyên "tháng 12 – 1989 ông nên bắt đầu nghỉ, năm 1990 chủ động rút về tuyến hai, cái gì cũng đừng nhận, nếu không gặp hoạ vì chức vụ". Nhưng chức trọng quyền cao không phải ai cũng từ bỏ được nên ông không nghe lời khuyên. Kết quả năm 1990 bị mất chức và thanh tra, chờ xử lý.

TC :
- Thân nhược;
- Tài-quan-ấn đều có , nhưng tiếc là thân nhược, gánh không nổi tài quan;
- và "*quan tinh bị hợp là làm quan không lâu" (mậu hợp quý).*

HV : người này tuổi ngọ, năm 1990 lại là năm ngọ. Gặp năm mệnh (năm tuổi) thì bất cứ ai, nếu không phải mình thì cũng có người trong nhà gặp trắc trở. Trong trụ ông ấy đã có hai ngọ, tiểu vận, lưu niên lại cũng gặp ngọ; bốn ngọ là *thái quá*. *Ngọ ngọ "tự hình, tất có tai vạ"*.

Ông này cũng cùng một duộc như ông ở thí dụ B01 trên đây.

VÍ DỤ B04. NAM:

QUAN	ẤN	NHẬT NGUYÊN	QUAN
Nhâm thân	Giáp thìn	Đinh tỵ	Nhâm dần

Tài

Năm 1988, giám đốc một nhà máy.

TC : Trong tứ trụ này có :
- quan tinh nhiều ;
- *"Quan tinh bị hợp"* (đinh-nhâm hợp);
- *"Tam hình"* (dần-tị-thân) *là* tiêu chí tai hoạ bị giam,

chẳng qua tai ách đó tạm thời chưa đến, tự mình không biết, lại tự mãn, không lo phòng thân.

HV : Trong 4 trụ quan tinh nhiều, năm 54 tuổi lại hành tài vận canh tuất, đúng là: *"quan nhiều gặp tài vận, phải đề phòng tai hoạ vì chức quan"* *(vì Quan đã nhiều, lại còn được Tài nhiều, vượng, sinh thêm nên gây ra tai hoạ);*

kết quả tháng 4 năm 1989 (kỷ tị / thương quan + hình) Quan gặp Thương, vì những lạm (Tài = tiền) mà bị bắt giam.

VÍ DỤ B05. NAM:

THỰC	**THỰC**	**NHẬT NGUYÊN**	**TÀI**
Đinh mão	Đinh mùi	Ất mão	Mậu dần
Kiếp			Giáp,Bính,Mậu
			Kiếp

Tháng 8 – 1988. Một người xin đoán quan vận.

Thoạt nhìn , ông này "có tướng" rất giống là một vị chức cao.
TC : Trong 4t :
- *không có quan tinh*;
- đại vận lại không tốt,
- 4t Kiếp nhiều, *tài bị kiếp*, *mà tài là nguyên thần của quan, bị kiếp thì không thể làm quan*.

Đoán : cả đời ông không làm cán bộ . Quả đúng như thế.
Bài học : *không nên kết luận vội vàng, theo tướng*.

Ví dụ B06: NAM (Thí dụ này copie từ chương - Tài vận (2) - xấu). Tứ trụ của Phó tổng giám đốc một công ty (xem năm 1991).

Kiêu	**Tài**	**Nhật nguyên**	**Sát**
Mậu tý	Giáp tý	Canh thìn	Bính tý
Quý	Quý		Quý
Thương	Thương	Kiêu	Thương

Ông Phó tổng giám đốc này vì không biết mệnh vận của mình nên năm 1991 quyết định xí nghiệp cho người khác vay 2 triệu nhân dân tệ. Người vay tiền vừa nhận được tiền là chạy ra nước ngoài. Do đó năm sau ông bị mất chức, ra tòa. Đó là sự tai hại vì không đoán mệnh trước khi quyết định.

Vì sao ông lại gặp tai hoạ này ? Đó chỉ vì thời gian trước đó vận của ông rất thuận, từ năm 35 tuổi đến năm 44 tuổi là lúc bắt đầu bại vận mà không biết.

TC : 4t Kiêu nhiều;
Thương quan nhiều : không lợi cho quan vận;

HV : Trong trụ có 2 Kiêu, nay gặp Kiêu vận, năm 1991 tân mùi là kiếp tài, kiêu sinh ra kiếp cho nên khó tránh khỏi việc mất của.

Năm nhâm thân 1992 gặp thực thần, kiêu thần đoạt thực thần, tức là chỉ cho sinh hoạt phí thấp nhất (thực là cái ăn). Lại nữa chi năm thân cùng tý-thìn trong tứ trụ tam hợp thuỷ cục, và là *thương quan cục*, Quan gặp Thương cho nên ông ta bị mất chức.

Ví dụ này ứng với câu :

"kiêu gặp thực (kiêu đoạt thực) thì tài vật hao tán",
"trụ cùng tuế vận hợp thành thương quan cục : mất chức hoặc gặp tai vạ".

HẾT

Chương 11
CÔNG DANH

DỰ ĐOÁN VỀ HỌCTẬP, THI CỬ
Ví dụ
DANH TIẾNG
Ví dụ
Sự nghiệp - Nghề nghiệp

Công danh, sự nghiệp là cái thực tế ám ảnh con người ở bất cứ nước nào, nhất là ở Trung hoa, hay Việt nam xưa và nay : học tập , thi cử cố dành dật cho được mảnh bằng làm phương tiện tiến thân, ngày xưa là làm quan, ngày nay thì làm công chức, hay tư chức, lãnh đạo trong chính quyền, đảng phái, xí nghiệp, … đều cần những đầu óc, và trình độ văn hoá cao. Trong số những người thành đạt về một mặt nào đó, dù về trí tuệ, nghệ thuật, khoa học kỹ thuật, hay văn chương v..v.. có những người rất nổi tiếng.

Một người có thể học đại học hay không, hay có trở nên người có nổi tiếng hay không, trong tứ trụ đều đã có sẵn các tiêu chí đó. Có rất nhiều tiêu chí nhưng trong đó: *tài, quan, ấn là ba cái quan trọng nhất*. Có những "thần" đó thì khi gặp vận tương ứng (tài, quan, ấn) sẽ rất có lợi cho thi cử, thành đạt. Ngoài ra còn có các thần-sát như kình dương, văn xương, từ quán, học đường, lộc, mã, thiên ất quí nhân, hoa cái v..v.. cũng tượng trưng cho uy quyền hay học vấn, khoa bảng …

Nghiên cứu dự đoán theo thứ trụ có thể giúp cho công việc :

- tuyển người và dùng người : đúng ngành, đúng khả năng, sở trường, ví dụ :

  * Hành chánh;
  * Giáo dục, nghiên cứu;
  * kỹ thuật , kể cả tài chánh, quản lý v..v..;
  * Quân sự;
  * người ấy chỉ có thể làm việc cá nhân, hay thích hợp với tập thể;
    chỉ làm việc cấp thấp, thừa hành, cá thể, hay có khả năng điều khiển một ê kíp, một đội ngũ ít người, trung bình hay đông người, hay những tập đoàn lớn…

- Được tự do chọn đúng ngành mình có năng khiếu, được giáo dục, hay được sử dụng đúng ngành thì mỗi người sẽ dễ dàng phát huy sở trường của mình, sáng tạo được nhiều trong sự nghiệp khoa học, làm cho đất nước phát triển nhanh. Qua tứ trụ chúng ta cũng thấy được những nghề nghiệp thích hợp cho mệnh, do đó có thể ứng dụng cho việc hướng nghiệp : cho học đúng ngành nghề thích hợp với mệnh; đúng trình độ : có người học được có người không; có người học tới trung cấp là tối đa; có người học đại học hay trên đại học cũng được;

Ví dụ :

* nếu trong tứ trụ là người thích hợp với công tác kinh tế, tài quan ấn lại tốt thì nên chọn nghề làm quản trị, kinh doanh;

* có người thích hợp với văn chương, thi phú, hay nghệ thuật;
* có người thích hợp với công tác giáo dục; hay tư pháp; v..v..

* có người nên chuyên tâm vào nghiên cứu học thuật để công tác ở cơ quan nghiên cứu khoa học, sáng tạo và cống hiến ở đó.

- nếu trong tứ trụ có tiêu chí quân uy thì có thể thi vào các học viện quân sự, học tập cống hiến cho sự nghiệp quốc phòng hiện đại của đất nước (qua tứ trụ những quân nhân người ta thấy không những họ có tiêu chí là quân nhân mà còn có thể thấy được cả cấp bậc) . Vậy nghiên cứu tứ trụ sẽ có lợi cho công tác tuyển quân.

Tóm lại, trên bình diện quốc gia, việc dùng tứ trụ để dự đoán cho từng người có thể giúp cho đất nước có phương hướng bồi dưỡng nhân tài theo trọng điểm, giúp mỗi người phát huy được thế mạnh của mình, có lợi cho việc đẩy nhanh sự phát triển kinh tế, khoa học kỹ thuật của đất nước… Nhưng thôi, ta không nói chuyện có vẻ "quốc gia đại sự" quá làm gì; trước hết chúng ta phải biết xem mệnh cho tốt cái đã.

Về việc sử dụng người đúng khả năng, chúng ta thấy ngay một ứng dụng rất thực tế : ở Tây phương ngày nay, các ban giám đốc nhân viên các hãng lớn khi tuyển người đều xét kỹ khả năng theo bằng cấp, kinh nghiệm đã đành, mà họ còn dụng đến các khoa xem chữ viết, chữ ký (graphologie), và zodiaque (loại chiêm tinh phương Tây, cũng dựa trên năm tháng ngày giờ sinh) … để tham khảo trước khi quyết định mướn người nào đó hay không. Vậy tại sao chúng ta lại không ứng dụng khoa Tứ trụ vào công việc tuyển dụng người ? Mà khoa Tử Bình và khoa Tử vi của trung hoa , với cả hàng ngàn năm tích luỹ kinh nghiệm thì chắc chắn là vô địch !

Học tập, thi cử, đỗ đạt nếu là đại khoa , hay xuất chúng về khoa học, văn chương, nghệ thuật … luôn luôn gắn liền với danh tiếng.

I- DỰ ĐOÁN VỀ HỌC TẬP, THI CỬ

Ngày xưa thì chỉ xếp cử nghiệp theo văn hoặc võ; văn mà hay thì hay nói văn chương nổi tiếng… , còn ngày nay chúng ta phải mở rộng khái niệm này : văn chương nổi tiếng phải hiểu là có trí thức cao về một lãnh vực hay ngành nào đó, chứ không cứ là văn chương thi phú, chi hồ giả giả. Có những người bằng cấp rất cao và rất kêu nhưng cũng không có ích lợi gì mấy cho xã hội; và vì thế chỉ có hư danh, có khi nuôi không nổi thân và vợ/chồng, con cái.

Xem học tập, thi cử, phải chú trọng đến thời gian còn đi học (thường là từ nhỏ đến lúc trưởng thành; cũng có những người đã cao tuổi vẫn còn đỗ dạt, nhưng hiếm hơn; xem thi cử thì phải chú trọng năm đi thi.

Ngoài ra, ở các nước chậm tiến, điều kiện học hành, nghiên cứu thiếu thốn so với trình độ khoa học kỹ thuật tiên tiến ở các cường quốc, nên được du học cũng là một điều may mắn, hứa hẹn về công danh (dĩ nhiên

chúng ta không kể đến bọn con ông cháu cha, các cậu ấm cô chiêu không phải đi du học vì muốn có tri thức cao mà chỉ là để xài phí tiền cuả cha mẹ. Bọn đó thì dù có đi du học phỏng có ích gì cho bản thân, nói chi cho đất nước. Ở Pháp tôi đã gặp không ít các du học sinh loại này).

- Tài-quan-ấn đều có : là quí, do đó có lợi cho thi đỗ. VdI03;
  khi gặp vận tương ứng (tài, quan, ấn) thì rất có lợi cho thi cử, thành đạt. VdI05
- Tài-quan-thực đều có : thông minh tuấn tú, văn chương xuất chúng.
- Quan tinh không bị phá hại (không gặp thương và sát) : thi đỗ cao.
- Trong trụ quan không gặp thương và sát, gặp vận vượng : đỗ đạt sớm từ bé.
- Thân vượng gặp quan : nhất định thi đỗ
- Khôi canh ở quan địa : nhất định là thần đồng.
- Khôi canh tụ hội (có nhiều) : phát phúc phi thường, tính cách thông minh, văn chương xuất chúng.
- Nhật đức gặp khôi canh nhưng lại gặp hình xung : là bần sĩ.
- Năm, tháng có quan tinh : nổi tiếng từ bé.
- Thiên quan nắm quyền : học nhiều mà thành công ít.
- Thiên quan bị chế phục mạnh quá : sẽ là bần nho.
- Kình dương gặp sát : nhất định thi đỗ.
  * nếu Kình dương nhiều : rất tốt, đại quý, đỗ cao. VdI04
- Hình xung kình dương : là người ác mà dốt.

- Thất sát có chế hóa (có Thực hay Ấn) : từ bé đã học giỏi; sẽ có quyền hành.
- Thất sát được ấn hoá (Sát ấn đều có) : tuổi trẻ đã thi đỗ / văn, võ song toàn.
  * Có sát không có ấn thì không có sắc thái,
  * Có ấn không có sát thì thiếu uy phong.
- Sát-ấn lại gặp ấn : tuổi trẻ đã đỗ cao.
- Ấn vượng, sát yếu : thi đỗ. VdI06
- Ấn vượng lại gặp vận đế vượng : chắc chắn thi đỗ.
- Ấn nhiều và/hoặc sinh vượng : thông minh, tài trí (ấn chủ về thông minh). VdI07
- Thân vượng, ấn vượng gặp quan : học rộng tài cao.

- Trụ tháng có ấn, nhật nguyên có tài khí : là người thi đỗ cao; đại khoa; VdI03
- Trụ tháng chỉ có ấn không có tài tinh : học giỏi, thi đỗ.
- Trước ấn sau tài : khi nào thi cũng đỗ.
- Can lộ rõ tài ấn : đến tuổi trung niên mới đỗ cao.
- Ấn bị phá, tài bị thương : thiếu ý chí trong thi cử.
- Thân nhược ,Tài nhiều, ấn nhẹ : người có học vấn nhưng nghèo.
- Ấn thụ gặp lộc : sẽ thi được lên đại học (học cao thì làm việc lợi tức cao; muốn thế dĩ nhiên thời nay phải tốt nghiệp đại học).
- Chính ấn quy lộc (trên trụ giờ) : uyên bác, làm quan nắm quyền thi cử (ngày xưa các ông đại học sĩ thường coi sóc các kỳ thi).
- Quý nhân trùm lên ấn : văn võ song toàn.
- Trụ có hoa cái : có trình độ văn chương, nghệ thuật, có tri tức cao. vdI05
- Ấn (bất cứ chính hay thiên) gặp hoa cái : sức học hàn lâm. vdI05
- Thân suy, ấn nhược : chả đổ đạt gì.

- Thương quan bị chế ngự (tức có Ấn), hoặc thương quan bị hợp (hợp sát) (/ ở vận) : lợi cho thi cử.
- Thương quan được lệnh : tài học đứng đầu.
- Kim thủy thương quan (can ngày là Kim) được lệnh : học giỏi (Thuỷ chủ trí); văn chương hạng nhất. vdI05
- Thương quan trùm lên ấn (hoặc tài) : tốt; thông minh tuấn tú, văn chương, nghệ thuật siêu quần. vdI01 (nói A trùm lên B khi A ở trên Can, B ẩn dưới Chi cùng trụ).
- Đi thi kị nhất thương quan gặp vận Quan / hay gặp vận Thương quan. vdI01
  (Nên xem kỹ hành vận, lưu niên).
- Thực thần sinh Tài : thông minh tuyệt đỉnh (do đó có lợi cho thi cử). vdI02
- Trụ giờ gặp thực thần, lộc, mã : đã thi là đỗ.
- Thân nhược, thực thương nhiều : học dốt, sợ đi học. vdI08

- Trong trụ tài nhiều, tài vượng : học kém. (vì Tài khắc Ấn; nói chung người Tài nhiều thì lười học, không thích đi học)
  * nếu lại không có tỉ kiếp : thi khó đỗ. (cái thái quá không bị chế ngự)
- Tỉ kiếp nhiều : tất có sự tranh giành ngôi thứ trong thi cử.

- Trụ ngày gặp quý địa, gặp lộc mã : tuổi trẻ đã đỗ đầu.
- Thiên đức, nguyệt đức gặp tướng tinh : đã thi là đỗ.
- Tuế đức gặp tài : thi cử từ bé (thần đồng).
- Trong trụ có mộc dục : đã học đi thi là đỗ,

- Mậu kỉ đủ Thìn Tuất Sửu Mùi : vinh hiển.
- Nhâm quý gặp mậu kỉ tương ứng : thông minh; đức tài.
- Nhâm quý (thuỷ) gặp thân, tý, thìn (thuỷ cục) : học giỏi tài nhiều (thuỷ chủ trí).
- Ngày qúy, giờ quý kiêm hợi sửu : đỗ cao, vào bậc hàn lâm.
- Ngày qúy, giờ dần hình hợp : thi thì đỗ.

- Mã tinh hội tụ ở học đường : uyên bác; văn chương hay, đẹp.
- Trạch mã, học đường gặp vượng địa : tài học thông minh. (chú ý : học giỏi, thông minh, nhưng nếu tứ trụ không có Quan tinh thì cũng không có địa vị).
- Trong trụ hỏa thịnh : văn chương sắc sảo. Vd204
- Hỏa mạnh có thủy : là người kế tế. (cái thái quá bị chế ngự bớt)
- Trụ có mộc hỏa : thông minh, thuộc thiên kinh vạn quyển (trí nhớ tốt).
- Mệnh gặp ất bính đinh lẫn không vong mà sinh vượng : là kẻ sĩ ở ẩn.(dù có mộc-hoả, nhưng bị không vong nên không có gì).
- Thân vượng , Hỏa sáng, mộc đẹp : tài ở bậc trạng nguyên. (hoả sáng tượng trưng cho sự thông minh). Vd204
- Một mộc gặp nhiều hỏa : văn chương tản mạn.

- thủy thổ hỗn tạp (Can ngày thổ): dốt, ngốc. Đây là yếu tố lấn át các tổ hợp tốt khác về thi cử, danh tiếng). vdI07
- Văn kho tuất thổ bị xung khai : văn chương phát mạnh.

- Can ngày, lệnh tháng đều mạnh : nhàn hạ.
- Trụ tháng vượng tướng, chi giờ tử tuyệt : có tài nhưng không gặp thời.
- Trụ có hình phá : là bạch diện thư sinh, suốt đời không đỗ.

Về đi du học nước ngoài, không phải là ai cũng có dịp xuất dương du học; những người có tiêu chí du học đồng thời phải đúng vận mới được; ngoài ra đi du học là "đi xa" như vậy nên chú ý đến *trạch mã*; và những cas *gặp xung* : xung thì động, động thì đi xa; ngựa bị xung thì "phi đường xa". Ta có thể kết hợp thông tin trong tứ trụ về học vấn với phương pháp dự đoán du học theo bát quái, kết quả sẽ càng chính xác.

Ví dụ điển hình :

Ở đây, những thí dụ chuyên nghiên cứu việc thi vào đại học, hay thi cử nói chung;

Ví dụ **I-01**- NAM:

Ấn	**Kiếp**	**Nhật nguyên**	**Thương**
Nhâm thân	Giáp thìn	Ất dậu	Bính tý.
			Ấn

(Tháng 5 năm 1985).

TC : Trong tứ trụ này *thương quan trùm phủ lên ấn, thì thông minh tuấn tú*, văn chương nghệ thuật cao.
"Thương quan có chế ngự, lợi cho thi cử".

HV : năm 17 tuổi gặp đại vận thương quan bính ngọ, lưu niên nhâm tuất (1982) ở ấn địa, nên dự đoán năm đó thi đỗ đại học. Quả đúng như thế.

Thi cử (hay bất cứ đoán về việc gì) vốn kị gặp vận thương quan, nhưng năm thi (1982) có hai thương quan gặp hai ấn, nhâm ấn lại gặp vượng địa nó chế ngự được bính thương quan, cho nên *"Thương quan có chế ngự, lợi cho thi cử"*. Nhắc lại : Thái tuế là quân, đại vận là thần.

Ví dụ **I-02**. NAM:

Tỉ	**Thực**	**Nhật nguyên**	**Tài**
Mậu thân	Canh thân	Mậu dần	Quý sửu

Tháng hai năm 1986, một bác sĩ nhờ xem cho con trai thi đại học.

TC : *Thực thần sinh tài thông minh tuyệt đỉnh, nên lợi cho thi cử* (và phú quý tự nhiên đến - xem chương Tài vận).

HV : Trong trụ từ 10 tuổi đến 20 tuổi hành vận tài nhâm tuất..

Đoán : ”Năm nay con ông nhất định đỗ”.

Sau đó lại dùng phép gieo quẻ (bát quái) để so sánh, kết quả vẫn là thi đỗ. Kết quả đúng như dự đoán. (Điều đó chứng tỏ thông tin của một người, cho dù dự đoán theo cách gì đều có sự đồng bộ với nhau).

Ví dụ **I-03**. NỮ:

Tài	**Ấn**	**Nhật nguyên**	**Quan**
Giáp tuất	Kỉ tị	Canh tý	Đinh hợi.
		Tài	

TC : *Trong trụ tài quan ấn đều có*, có lợi cho thi cử.
Trụ tháng có Ấn, Nhật nguyên có Tài khí : thi đỗ cao, đại khoa.

HV : 18 tuổi hành đại vận *quan vận*, nên thi đỗ. Về sau làm cán bộ ở viện nghiên cứu.

Ví dụ **I-04**. NỮ:

Kiếp	**Thương**	**Nhật nguyên**	**Tỉ**
Kỉ hợi	Tân mùi	Mậu tuất	Mậu ngọ.
			KD

Tháng 5 năm 1988.

TC : *tứ trụ có kình dương* ;

HV : Căn cứ năm 28 tuổi cô ấy *hành vận sát* giáp tuất, gặp lưu niên mậu ngọ (KD), nên đoán : “Cô tốt nghiệp đại học đã khá lâu”. Đoán thế là vì đại vận giáp mộc là sát, trong trụ đã có kình dương ngọ hỏa, lưu niên lại gặp kình dương. *“Kình dương nhiều lại gặp sát là đại quý, thi đỗ cao”.* Cô ta nói đúng và rất kinh ngạc.

Chú ý : "gặp" trong hành vận.

Ví dụ **I-05**. NAM:

Thực	**Kiêu**	**Nhật nguyên**	**Thương**
Giáp thìn	Mậu thìn	Canh tuất	Quý sửu
	HC		
Thiên Ấn	Thiên Ấn		

Tháng 11 năm 1987, một sinh viên ở học viện Bắc Kinh trong cuộc sống gặp trắc trở (nhà nghèo quá, bị bồ đá đi lấy người giàu !) nên rất bi quan, muốn tự tử. Nhưng trước khi quyết định đã nhờ đoán vận.

TC : *trong trụ "Kim thuỷ thương quan là người học giỏi",* (can ngày Canh Kim, Thương quan là Thuỷ)
"ấn (chính hay thiên) gặp hoa cái là ở hàn lâm tôn quí".

HV :

Năm 1988 mậu thìn , trong tứ trụ đã có hai thìn, làm thành ba thìn xung một tuất nên là năm có thay đổi lớn. Bị xung là tượng di động; Thìn là "thủy kho", gặp vượng xung khai là tượng có sự lưu động lớn có liên quan tới "nước", nên đoán anh ta có việc phải vượt trùng dương đi xa ; lại gặp tiểu vận Quan tinh đinh mùi (Quan sinh Ấn, vậy tốt cho học vấn – và địa vị).

TVH viết thư khuyên anh ta: "Tiền đồ anh rất rộng mở, có thể làm nên sự nghiệp trong học vấn. Từ nay về sau có thể có cống hiến trong KHKT", đừng vì chuyện tình cảm vặt vảnh mà huỷ đi những tình cảm cao đẹp hơn : công hiến cho dân, cho đất nước.

Đúng là năm 1988 anh ta được du học ở Nhật. Đến cuối năm, anh ta gửi thư về cảm ơn.

Sau khi dự đoán không những anh đã từ dưới vực sâu đi lên mà tiền đồ còn thênh thang để anh có thể đem tài năng cống hiến cho đất nước.

Chú ý : cas 3 xung 1 cho thời gian ứng nghiệm.

Ví dụ **I-06** : NỮ:

Ấn	**Tỉ**	**Nhật nguyên**	**Sát**
Quý mão	Giáp tý	Giáp dần	Canh ngọ

Tháng 7 năm 1988, sinh viên X nhờ đoán xem có được đi du học nước ngoài không.

TC : tứ trụ có " *Ấn vượng, sát yếu thì có tên bảng vàng »* ; ta hãy xem tiếp 4T có Mã hay không;

HV : sinh các năm Hợi-mão-mùi, mã ở tị ; người này sinh năm Mão, vậy có Mã ở Tị, tức năm Tị gặp mã (1989 : kỷ tị), tháng 10 hợi thuỷ là chính mã ; lại Giáp mộc (Thân) trường sinh ở hợi, nên năm nay không những có sự di động (ý nghiã của Mã) mà còn có sự sáng tạo mới mẻ (ý nghiã của Trường sinh) vào tháng Hợi. Do đó khuyên nên nắm chắc thời cơ, tháng 10 năm nay có thể du học. Sau đó đúng là đi Nhật.

Chú ý : Xem xuất hành nên chú trọng dịch mã , và xem lúc muốn đi có gặp mã không / xem thêm dịch mã (hay trạch mã), phần Thần Sát.

Ví dụ **I-07**. NỮ:

Kiếp	**Ấn**	**Nhật nguyên**	**Tài**
Kỉ dậu	Đinh mão	Mậu tuất	Quý sửu

Tân	Ất	Mậu Đinh Tân	Kỷ Tân Quý Kiếp Tài

Tháng 2 năm 1986, một người muốn hỏi con gái có thi vào đại học được không.

TC : *trong tứ trụ* có *" Ấn thụ chủ về thông minh", nhưng "thuỷ thổ hỗn tạp thì tất phải ngốc". (Mậu-Quý; Kỷ-Quý). Ngốc thì làm sao thi vào đại học được.*

HV : *hiện đang hành kiếp vận* (Kỷ thổ với Quý thuỷ là hỗn tạp), nên đoán: "Thi đại học gặp khó khăn đấy ". Về sau thi mấy trường đều không đỗ.

Thuỷ chủ trí, hay sự thông minh; nhưng nay sự thông minh ấy bị Thổ khắc , huỷ diệt; nói nôm na là nước trong , trộn với đất thành bùn mất rồi.

Ví dụ **I-08**. NAM:

Thương	**Thực**	**Nhật nguyên**	**Thực**
Nhâm tý Quý Thực	Quý mão	Tân dậu Tt	Quý tị

Tháng 6 năm 1987, đoán cho 1 cụ già.

TC : Thân nhược vì Tân tuyệt ở lệnh tháng Mão, và còn bị Thương, Thực nhiều rút khí;
"*trong tứ trụ Thân nhược, thương thực nhiều là người sợ đi học"*, vậy : Cụ khi nhỏ chắc không thích đi học. Cụ quả quyết đáp: "Đúng ! Học không vào, toàn trốn học, về sau được mấy tháng thì bỏ học".

Thi cử tốt (*nhắc lại*) :

Tài kho ở đất sinh vượng : thi nhất định đỗ.
Thương quan gặp sát (vận) : nhất định thi đỗ.
Thương quan có thân vượng, tài vượng hoặc ấn vượng : tên treo bảng vàng, quý số một.
Thương quan, kình dương còn có sát : tên treo bảng vàng.
Sát và kình dương vượng : từ bé đã thi đỗ.
Thân vượng gặp quan : tên treo bảng vàng.

II- DANH TIẾNG

- Thương quan thương tận thì danh mới nổi, quyền mới cao.
- Thương quan gặp ấn và tài (là thương tận) : dùng ấn, bỏ tài mới nổi danh.(lấy quí không lấy phú / dùng ở đây là chọn dụng thần).
- Trong trụ có thương quan cùng với ấn, nếu có gan thi thố thì thành công bất ngờ. Vd205; vdI01.
- Thương quan hợp sát : nổi tiếng khắp xa gần. vd203

- Thương quan giáp mộc, gặp dần ngọ (*hỏa sáng, mộc đẹp*) : có thanh danh / thông minh có tiếng.
- Thương quan gặp tài lẫn hợp mới có thanh danh.
- Thương quan nếu gặp tài : thân rất vinh hiển.
  * Khi hành tài vận : công thành danh toại.
- Trụ ngày lộ thương quan, trụ giờ lộ rõ tài : công danh vinh hiển.
- Có thương quan mà không có tài quan : tuy thông minh khéo léo nhưng vẫn không thành đạt gì.

- Thực thần ở trước, sát ở sau : công danh hiển đạt. (*cas Thực thần chế sát*)
- Thực thần có cát tinh trợ giúp : nổi tiếng; giàu có.
- Thực thần vượng gặp tài (Thực thần sinh tài) : chắc chắn sẽ có công danh. vd202
  Thực thần sinh tài phú quý tự nhiên đến / xem Tài vận.
- Can thấu thực thần lại gặp lộc mã : tuổi trẻ đã đỗ đạt.

- Sát ấn tương sinh : có lợi cho công danh; công danh hiển đạt. vd204
- Sát tàng ẩn, quan lộ rõ (tức ác mờ, thiện lộ rõ) : tên tuổi nổi tiếng.
- Thất sát hóa quyền : là võ chức công danh lẫy lừng thiên hạ.
- Sát đóng ở ngày quý : có danh khí lớn; rất nổi tiếng. vd202

- Tỷ kiên gặp lộc : anh em nổi tiếng.
- Lộc gặp thất sát : có thanh danh.
- Thất sát gặp kình dương : công danh hiển đạt.
  * Kình dương nhiều lại gặp sát : nổi tiếng khắp thiên hạ. vd202
- Tháng, ngày, giờ đều có kình dương, lại gặp quan sát : công danh cái thế.
- Trụ tháng gặp sát **và** kình dương : tên tuổi lừng danh.
- Kình dương nhiều lại ở ngôi dương : được cả danh lẫn lợi.

- Quan hoặc thất sát sinh cho năm : lưu danh thiên cổ.
- Hành vận quan sát : có danh khí, nhưng nếu thái quá (vượng quá) thì lại xấu.

- Thân vượng mà tài quan yếu, đến lúc hành vận tài quan : sẽ nổi danh.

- Thân nhược, Tài Quan vượng : phải chờ đến vận làm thân vượng mới nổi danh.
- Tài-quan-ấn đều có : tuổi trẻ đã nổi tiếng, lập công to.
  * nếu còn được lộc mã : tên tuổi lừng danh.

- Tài khí gặp chính quan : tên tuổi vang ra nhiều nước / rất nổi tiếng.

- Quan - ấn vượng : công danh bậc nhất.
- Trụ giờ gặp một ngôi thiên quan : tiếng xa ngàn dặm.
- Trong trụ không có quan tinh, có tài tinh : chờ đến tài vận thì công thành danh toại.
- Mã tinh tương sinh cho tài : nổi danh khắp thiên hạ.
- Thân vượng, Tài tinh ở chính ngôi, nắm quyền : danh lợi song toàn.

- Thân vượng, ấn vượng : hiển đạt cao quý.
- Thân vượng , Ấn ẩn, tài lộ rõ : công danh vinh hiển, phúc đức đều có.
- Mệnh gặp ấn thụ : phúc rất dày, được hưởng âm đức, làm nên công trạng.
- Ấn tinh gặp Quan, gặp lộc : được tạc tên vào bia. (nghiã là được lưu danh)
- Ấn ở trường sinh vượng địa, lại được Sát sinh cho : văn tài xuất chúng. Vd204
  (trên đây đã có cas Sát-Ấn tương sinh - Vd106).
- Trụ năm là Quan gặp quý nhân (Thiên ất) - gọi tắt là trụ năm gặp Quan quí : vừa mới giỏi nghề đã nổi tiếng ngay / nghệ thuật cao nổi tiếng. Vd206
- Năm, tháng có Tài vượng, tuổi trẻ đã bước vào Quan vận : công danh phát sớm.
- Tài nhiều lại hành vận Tài vượng : có thể thành đạt (vì Tài sinh Quan).
- Thiên tài ở trụ giờ gặp Quan : đỗ đạt từ bé; Nếu được thực thần bổ trợ : tuổi trẻ đã ở cạnh vua.
- Trụ ngày, giờ có chính quan : về già sẽ công thành danh toại.

- kiêu thương tỷ Kiếp đều có : khó mà tránh được rủi ro. (4T có nhiều, hay toàn là ác thần).

- Tài ít bị thương kiếp : danh lợi song toàn.
- Tài quan đều bị thương tổn : không nghèo hèn đói rách cũng là người kém cỏi.

- Ngũ hành không bị hung sát : tên tuổi cao sang.
- Thổ (Mậu kỉ) gặp thìn tuất sửu mùi : khi mộc mạnh sẽ thành danh.(lúc ấy cái thái quá bị chế ngự).
- Thổ (Mậu kỉ) gặp thìn tuất sửu mùi : nổi danh hơn mọi người;
  nếu gặp hai đức hoặc tam kỳ : danh tiếng vang bốn phương.
- Kim gặp hỏa : phú quý nổi tiếng thiên hạ.
- Hoả thịnh ở đất bính đinh : danh cao lộc nhiều.
- Mệnh gặp ất bính đinh : tài hoa, xuất chúng, học rộng tài cao.(lại mộc-hoả)
- Ất mộc gặp giờ bính tý (Thực-Ấn), không bị quan xung hại là điều kỳ diệu, nổi tiếng bốn phương. (mộc-hoả tương sinh; *trụ giờ bổ trợ trụ ngày*)
- Hỏa sáng, mộc đẹp : tuổi trẻ đã nổi thanh danh.(lại mộc-hoả) Vd204
- Mộc được kim tu sức thêm : tuổi trẻ đã thành danh.
- Nhâm quý tương sinh thân hợi tý, chờ đến vận hoả thổ : danh tiếng khắp triều đình.

- Ngày canh, giờ thân gặp lộc : danh lợi cao cường.
- Đinh nhâm hợp hoá mộc ở giờ dần : văn chương lừng lẫy. vd201
- Ngày quý, giờ quý, trong trụ còn có hợi sửu : học vị cao; đỗ cao; tài học hàn lâm.
- Trụ ngày, trụ giờ gặp quý : cuối đời nổi tiếng.

  (nhắc lại : vai trò phù trợ của giờ đối với ngày - xem "bàn về năm tháng ngày giờ ")

- Tứ trụ có sáu quý (sáu can quý), trụ ngày không có thổ, sinh giờ giáp dần, lúc gặp dần tị là lúc diệu kì nhất.

- Sinh Muà đông mà tứ trụ ít thuỷ mộc : danh lợi hư vô (không có). Muà đông là hành Thuỷ, và là lúc mộc sinh, 2 hành đó được lợi mà lại vắng bóng thì vô ích - hư vô.

- Không có cách cục mà có tài quan : nổi tiếng trong triều.
- Dậu phá mão, mão phá ngọ : tài danh vẹn toàn. (2 phá lại tốt)
- Dần thân tị hợi nhiều : nổi tiếng, hiển đạt.
- Thân vượng , Vận giáp ất gặp phương tây (canh, tân, thân dậu): sẽ nổi tiếng. (nhắc lại : mộc vượng gặp Kim sẽ thành rường cột).

- Mệnh gặp trạch mã : lợi cho cầu danh cầu lợi. Vd207
- Lộc hay mã khí vượng, lại gặp quý nhân, hình hợp : anh hùng xuất chúng.(*quan quý gặp hợp hình, lộc hay mã khí vượng, thì rất mau nổi tiếng).* Vd207
- Lộc mã đi cùng nhau : là quan rường cột của triều đình.
- Lộc gặp Tài, gặp văn xương : nổi tiếng về nghệ thuật.
- Tháng sinh gặp lộc : văn chương, nghệ thuật hơn người.
- Chính mã đóng ở trụ ngày lại được trợ giúp hoặc được sinh : nổi danh khắp thiên hạ.
- Quý nhân, lộc, mã ở giờ sinh : làm rạng rỡ tổ tông.

- Năm tháng ngày giờ cùng một tuần (xem bảng lục giáp) : tên treo bảng vàng, lừng danh trong thiên hạ. Ví dụ : năm Giáp tý, tháng Bính dần, ngày Kỷ tị, giờ Nhâm thân đều nằm trong cùng 1 tuần Giáp Tý.
- Dương gặp đức, âm gặp quý, vượng thì vinh hiển, nhược thì cũng giữ được thanh danh.
- Chỗ vượng gặp hình : thất bại.
- Từ quán, học đường chủ về khoa danh, nhưng nếu không có quan tinh thì cũng chỉ là hư ảo.

Ví dụ điển hình

VÍ DỤ **2-01** : NAM

QUAN	**TÀI**	**NHẬT NGUYÊN**	**QUAN**
Nhâm ngọ	Canh tuất	Đinh mùi	Nhâm dần

Tháng 8 – 1986, người này đổi nghề, được điều đến hiệp hội nghệ thuật, sau đó không lâu đến nhờ đoán xem trong văn nghiệp có thành đạt gì không?

Đoán : *Ông về sau có thể trở thành một nghệ sĩ vô cùng danh tiếng.*

Quả thực về sau ông viết truyện dài và phóng sự, tiểu thuyết, các tác phẩm về phật giáo nên rất nổi tiếng.

TC nổi tiếng : "*Đinh nhâm hợp hoá mộc ở giờ dần thì văn chương cái thế*"

VÍ DỤ **2-02** : NỮ

THỰC	**TÀI**	**NHẬT NGUYÊN**	**KIÊU**
Ất hợi	Đinh hợi	Quý mùi Kỷ Ất Đinh	Tân dậu
KD	KD	Sát Thực TTài	

Tháng 12 – 1986 .

Đoán : cô "có danh khí lớn, nổi tiếng trong thiên hạ" .
Cô ta và mọi người có mặt ở đó đều gật đầu. Họ cho biết: "cô ta là diễn viên kinh kịch nổi tiếng của Trung Quốc".

TC nổi tiếng : Tứ trụ có quý, kình dương ở hợi
« *Sát đóng ở ngày Quý* » có danh khí lớn, rất nổi tiếng.
"*kình dương nhiều lại gặp Sát thì nổi danh khắp thiên hạ".*
"Thực thần sinh Tài ", chắc chắn sẽ có công danh (phú quí tự nhiên đến).

VÍ DỤ **2-03**: NAM , xem Năm 1988 .

SÁT	**THƯƠNG**	**NHẬT NGUYÊN**	**TÀI**
Tân tị	Bính thân	Ất mão	Kỷ mão

Dự đoán : trong tương lai tiếng tăm của ông rất lớn. Năm 1989 đã ứng nghiệm. Học thuật của ông cao sâu nổi tiếng, có ảnh hưởng rất to lớn.

TC nổi tiếng : "*thương quan hợp với sát thì danh tiếng lẫy lừng thiên hạ*" (Bính hợp Tân)

VÍ DỤ **2-04**: NAM

KIẾP	**ẤN**	**NHẬT NGUYÊN**	**SÁT**
Kỷ mão	Đinh mão	Mậu thìn	Giáp tuất.

Tháng 12 – 1989, một giám đốc nhà máy.

Đoán : "ông là người có danh tiếng", mấy vị giáo sư và những người có mặt ở đó đều nói: "anh ta rất nổi tiếng ; đang là học sinh phổ thông, tiểu thuyết của anh ấy đã in hơn hai triệu bản ; bây giờ lại là nhà quản lý xí nghiệp nổi tiếng toàn quốc".

TC nổi tiếng : "*sát ấn tương sinh thì công danh hiển đạt";*
Trụ tháng Đinh mão là hoả sáng, mộc đẹp (và không bị khắc phá) : tuổi trẻ đã nổi danh. LT là Mộc vượng, sinh cho Can là Đinh hoả.

VÍ DỤ **2-05**: NAM

THƯƠNG	**KIÊU**	**NHẬT NGUYÊN**	**ẤN**
Nhâm thìn	Kỷ dậu	Tân mão	Mậu tuất

(một thanh niên nghệ sỹ rất nổi tiếng).

TC nổi tiếng : Trong tứ trụ có "*Thương quan lẫn với ấn, có gan thi thố thì nổi tiếng bất ngờ*".

Đoán : anh ta sau này sẽ trở thành ngôi sao trong văn đàn đất nước.

VÍ DỤ **2-06**: NAM

QUAN	**KIẾP**	**NHẬT NGUYÊN**	**TÀI**
Đinh hợi	Tân hợi	Canh tý	Ất dậu
TA,VX	TA,VX		TA,VX

(một phó tổng biên tập rất nổi tiếng của một tờ báo).

TC nổi tiếng : "*Trụ Năm gặp Quan quí* (Thiên Ất quí nhân), *nghệ thuật cao nổi tiếng*";
Ngoài ra tứ trụ người này còn có 3 Văn xương (là sao tượng trưng cho học thuật, văn tài) và 3 Thiên Ất quí nhân !

VÍ DỤ **2-07**: NAM

KIẾP	**THƯƠNG**	**NHẬT NGUYÊN**	**QUAN**
hh		hh, hp	hp
Mậu tuất	Canh thân	Kỷ sửu	Giáp tý
			Quý
	TA,MA,VX	TA	TA

(vào tháng 10 – 1989) / Đây là một diễn viên điện ảnh nổi tiếng.

TC nổi tiếng : trong tứ trụ có "*Quan quí* (Thiên Ất quí nhân) *gặp hợp hình; lộc hay mã khí vượng, thì nổi tiếng rất nhanh* ".

(tuất hình sửu ; sửu hợp tý ; giáp hợp kỷ; Mã trên lệnh tháng nên rất vượng; có 3 Thiên ất quí nhân)

NGHỀ NGHIỆP/ SỰ NGHIỆP ĐỊA VỊ

1) Theo 10 thần / DT :

Thương quan làm DT, hay Thất sát làm DT, hay Dương nhận cách có Sát làm DT, hay NC có Sát mạnh và có Ấn : võ nghiệp;

NC Thương quan sinh Tài cách : làm thương mại hay kinh doanh thì phát tài;

Thực thần làm DT : nên học văn hay Y dược;

Chánh quan làm DT , hay Quan Ấn tương sinh : nên chọn về chính trị hay luật khoa;

NC TN, Tài mạnh : nên chọn ngành kỹ sư, kiến trúc, máy móc.

NC nhiều tỉ kiếp : nên chọn nghề tự do;

NC TV,Tài Quan đều tốt : nên chọn Tài chánh hay ngân hàng.
TV, Tài và Quan cũng đắc thời : tự chủ làm nên giàu có; sự nghiệp huy hoàng.

TN không có Ấn; hay Thân quá mạnh mà không có Sát : công danh chả có gì, vậy nên làm việc ăn lương, hay công chức.

2) Theo xung hợp :

Trong bát tự không có xung và không có hợp : sự nghiệp chuyên nhất, ít có biến đổi;

Nêú có nhiều xung hay hợp : cứ cách 2, 3 năm thì đổi nghề; ít thành công lâu dài được.

3) Theo ngũ hành của DT :

- DT là thuỷ : nên chọn nghề có tính cách lưu động;
- DT là Mộc : nên chọn nghề canh nông, trồng tỉa hay nghề có liên quan đến mộc;
- DT là Hoả, hay Kim : nên làm kỹ nghệ, cơ giới, điện, tin học, hay nghề có liên quan đến Hoả, Kim;
- DT là Thổ : nên mua bán nhà đất, hay kinh doanh những gì có liên quan đến Thổ.

Xã hội ngày nay ngày càng phức tạp, nên linh động tìm cách phối ghép ngũ hành với ngành nghề một cách hợp lý theo thời đại để lý luận.

HẾT

Chương 12
BỆNH TẬT, TAI HỌA

Tổng quát ; Tiêu chí	tchi
BỆNH TẬT.	vd1**
THƯƠNG TẬT, TÀN PHẾ	vd2**
TỬ VONG	vd3**
LAO TÙ	vd4**

Trong chương "âm dương – ngũ hành" chúng ta đã nói về sức khoẻ của con người có thể theo dõi qua ngũ tạng lục phủ …

Thiên can địa chi của 4t đã chia theo âm dương ngũ hành, nên người ta có sự thay đổi về phong, nhiệt, táo, hàn, thấp. Khi âm dương ngũ hành của cơ thể không điều hoà thì lục phủ ngũ tạng mất sự thống nhất. Ngũ hành thông với năm tạng, lục phủ thông với chín khiếu. Mười can bị khắc thuộc lục phủ, mười hai chi bị khắc thuộc ngũ tạng. Do đó căn cứ theo sự biến hoá thịnh suy của âm dương ngũ hành mười can, mười hai chi mà biết được sự thịnh suy của tạng phủ (bệnh hay không).

BỆNH TẬT

ngũ hành bình thì thân thể khoẻ mạnh;

Lấy ngũ hành phối với ngũ tạng :

Mộc : gan, mật;
Hoả : Tim;
Thổ : Tỳ vị, ruột;
Kim : phổi;
Thuỷ : thận.

Trong NC Mộc quá mạnh hay quá yếu : gan có bệnh;
Trong NC Hỏa quá mạnh hay quá yếu : tim có bệnh;
Trong NC Thổ quá mạnh hay quá yếu : bao tử có bệnh;
Trong NC Kim quá mạnh hay quá yếu : phổi có bệnh;
Trong NC Thuỷ quá mạnh hay quá yếu : thận có bệnh;

Trong NC các hành phối hợp trung hoà : thân thể mạnh, ít bệnh.

Hành của muà sinh cũng ảnh hưởng đến sức khoẻ con người :

Sinh muà xuân hoặc muà thu : khí hậu không lạnh, không nóng, bịnh hoạn cũng ít.

Sinh muà hạ nóng nực : phần nhiều có bệnh bao tử; Nếu hành Hoả quá thịnh, hành Thổ quá khô, không gặp Kim, Thuỷ : chắc có bệnh ung thư.

Sinh muà đông, Thuỷ quá mạnh, hạn gặp nhiều Kim, Thuỷ, mà không có hành Hoả hay Thổ : nhiều bịnh phong thấp, hay đái đường, hoặc bịnh tim khó chữa.

Hoả chủ về Tim : nhiều thì huyết áp cao, ưng thư, nhức đầu; ít : thiếu máu, tim yếu, hồi hộp;

Thổ chủ về bao tử. Nhiều hay ít đều ăn uống khó tiêu, không ngon miệng; người mệt mỏi; nếu Thổ quá nhiều thì bệnh phong thấp (vì Thổ hoá Thấp);

Kim chủ về phổi và ruột già. Nhiều : suyễn, ho, táo bón; Ít : nấc ngược, tiêu chảy;

Thuỷ chủ về Thận và bàng quang. Nhiều : di tinh, mộng tinh, đái đường, phong thấp (thấp là ẩm ướt, mà Thuỷ là nước); Ít : tiểu tiện khó, nước tiểu đục;

Mộc chủ về gan, mật. Nhiều hay ít : mắc bệnh gan.

Đời người - qua mệnh - có phúc, có hoạ. Ở đây chúng ta đang nhấn mạnh về tai hoạ.

- Những tai hoạ trong hôn nhân, tài vận, quan vận đã được xét riêng trong những chương chuyên đề.

- Ở đây chỉ xét các loại tai họa khác : bệnh tật, thương tật, tai họa, tù ngục - kiện tụng, tử vong. Dĩ nhiên không có tai hoạ nào nặng bằng tử vong (cho mình, hay cho người thân).

Nguyên tắc :

- Trước hết phải tìm ra các tiêu chí của tai họa, rồi kết hợp với hành vận để xác định khi nào tai hoạ có thể xãy ra (quand ?); rồi xem ứng vào việc gì (quoi ?), xãy ra cho ai (qui ?), dĩ nhiên trước hết là xem cho đương số, sau đó là tới thân nhân của y.
- Về tiêu chí, chú ý KD, thương, sát, kiêu (ác tinh), và những cas thái quá, bất cập.
- Về thời gian ứng nghiệm, chú ý hành vận (tuế vận) làm cho ác tinh thêm cường mạnh.
- Trong tứ trụ có bệnh thì nó đeo đẳng suốt đời, đến cuối đời vẫn khó khỏi; bệnh ở trong vận, qua khỏi vận thì khỏi.

Các bạn cần có bảng tóm lược về tương quan ngũ hành với nhân thể : tạng phủ là nội ngũ hành, và đầu mình chân tay … là ngoại ngũ hành, để hiểu về mệnh lý trên sức khoẻ.

Sau đây là các tiêu chí để xác định có tai họa hay không:

Thân vượng : cuộc đời ít bệnh;

Thân vượng, ấn lại vượng : ít bệnh.

Tỷ kiên nhiều : người ít bệnh.

Ấn thụ nhiều sinh thân (trụ ngày) : người khỏe.

Trụ ngày trường sinh : người khỏe, bệnh ít.

Tứ trụ có thiên, nguyệt đức : suốt đời ít bệnh.

Vận gặp tỷ kiếp : coi chừng vì bệnh tật, tai nạn mà hết của. (vì tỷ kiếp phá Tài)

thân nhược, kiêu thần nhiều : bị bệnh lao.

thân nhược Tài nhiều lại hành vận tài : nhiều bệnh tật ;

thân nhược Tài Quan vượng : dễ bi tai nạn, bệnh tật lúc hành vận tài quan vượng; vd202, vd305

Thân vượng, tài quan thịnh : chân tay bị gãy hay bị thương.

Kim yếu gặp hỏa vượng : có bệnh về máu.

Kim chủ về phổi, nếu bị hỏa xung khắc : bị bệnh về tửu sắc ;

mộc bị kim làm thương tổn : có bệnh đau gân cốt ; vùng thắt lưng bị bệnh; đau gan. vd109

Thổ khắc thuỷ : các tạng vùng bụng bị bệnh ;

Thổ vượng gặp hỏa : bệnh đau mắt vì nhiệt.

Thổ hư thuỷ thịnh : phải đề phòng bị thương thành tật. vd103

Thổ hư gặp mộc vượng : tỳ vị bị tổn thương.

Hoả (can ngày) bị thuỷ khắc (Thuỷ nhiều, Thuỷ vượng) : bị bệnh về mắt (vd101, vd203) và/hoặc tim mạch, huyết áp cao. Vd106 , Vd107 (hoả là ánh sáng / tương ứng với mắt ; hoả cũng là tim, màu đỏ của máu).

Hỏa thổ đốt khô quý thuỷ : Hai mắt không có đồng tử (mù);

sinh vào mùa đông mà không gặp hoả : Chi dưới hàn lạnh ;

Tam hợp hoả cục thịnh vượng : bị bệnh về máu.

Hỏa khắc kim : phổi bị bệnh ;

Bính đinh khắc hại canh kim : đại tràng có bệnh.

Hỏa thổ ấn thụ (can ngày là Thổ): nhiệt thì phong đờm, táo thì người ngứa.

Kim thuỷ thương quan (can ngày là Kim) : hàn thì ho vì lạnh, nhiệt thì bị đờm vì hỏa.
Bệnh vì kim thuỷ : thường bệnh bị độc ; bệnh ở kinh thận ; vd101
Thuỷ mộc tương sinh (làm mộc vượng sẽ khắc thổ) : tỳ vị bị tổn thương ;
Bệnh vì thuỷ mộc : thường bệnh tỳ vị ;(thuỷ sinh Mộc, mộc khắc Thổ, mà Thổ là Tỳ vị).
Bệnh vì mộc hỏa : thường bệnh đờm do hỏa.
Bính đinh hỏa vượng : khó tránh khỏi bệnh hoặc cấm khẩu do trúng phong.
Nhâm quý thêm thổ vượng : chi dưới bị thương tổn ;
Kim gặp vượng thuỷ : bệnh gân cốt bị thương ;
Giáp mộc gặp hoả nhiều : bệnh về thần kinh ; (Giáp là đầu / thần kinh)
Giáp mộc bị (Kim) khắc : đầu bị thương . vd204, vd207
Tứ trụ hỏa nhiều : tuổi trẻ hay bị viêm mủ ;
Tứ trụ đinh, ngọ nhiều còn có mùi : đầu có sẹo hoặc sẹo làm hói một lối đầu.
Kim thần gặp thuỷ : vừa nghèo đói vừa bệnh tật. (nhắc lại : Kim thần gặp hoả thì rất tốt, vì có hoả luyện kim ; ngược lại nếu gặp thuỷ thì Kim bị tiết khí, thuỷ nhiều còn làm kim chìm, nên rất xấu)
Khi lộc (hay củng lộc) bị xung phá : dễ xãy ra tai nạn . vd305
Khi vận thân (Can Ngày) nhập mộ : dễ chết. vd305
Mệnh phạm hình xung lẫn hợp : phần nhiều do tửu sắc hay tang gia mà thành bệnh / dễ có tai họa lao tù. Vd402

4T có kình dương : vd104
- khi gặp tuế vận kình dương : nhiều chuyện hung hiểm có thể xãy ra, dễ bị tai nạn lao tù. Cần chú ý nếu nhiều KD hội với (nhiều) Kiêu : dễ chết. vd104 vd305; vd401
- khi Kình dương xung tuế quân (LN) : tai nạn rất nặng . vd207

Kình dương gặp ấn thụ : cuối đời bị bệnh.
Kình dương ở bại địa (MD) : bệnh tràng nhạc ;
Kình dương kiếp tài : bệnh tật dày vò ; dễ có tai nạn .vd207
kình dương kiếp tài, mà không có tài : không nghèo cũng tàn tật.
Người phạm kình dương sát : đề phòng mù mắt ; dễ phạm lao tù.
Trong trụ gặp đến ba bốn lần kình dương : đề phòng bị bệnh mù hoặc điếc.

4t có Thương quan và Quan : dễ có tai hoạ bất ngờ (vd205). Chú ý hành vận thương quan hay Quan. Vd106

4T có (nhiều) Quan tinh, khi gặp tuế/vận Thương quan : không bị bệnh cũng bị tai họa. vd107, vd202.

4 Trụ gặp thương quan nhiều : lưng, chân, gân cốt bị thương ; hoặc tàn phế. Vd201, vd103

Trụ ngaỳ phạm thương quan : đề phòng tàn tật ; Vd103

Thương quan gặp thương vận, hay gặp vượng địa (hay gặp đất TS,ĐV) : bệnh tật liên miên. Vd103, vd107 vd201, vd205

Trụ tháng có sát hoặc thương quan, hành đến vận thương quan : đề phòng bệnh mắt / có tai nạn bị thương / tai hoạ . vd402

Thương Sát nhiều, không có quan tinh, khi vận nhập vào quan địa lại gặp tuế quân, nếu không bị bệnh về mắt thì sẽ gặp điều rủi ro khác.(*đây chẳng qua cũng chỉ là cas Thương quan gặp Quan, hay QS hỗn tạp*).

Tỷ kiếp nhiều : khắc vợ (Tài), do đó cần chú ý hành vận Tỷ kiếp là lúc vợ có thể bị tai nạn, bệnh tật, tử vong, hao tiền tốn của.

Ngày, giờ có cả quan, sát hỗn tạp : nhiều bệnh xen nhau phức tạp.

4t nhiều Kiêu, hay Kiêu vượng : không bị ốm cũng gặp tai họa.

4t có Kiêu và Kiếp (Kiêu sinh Kiếp) : dễ bị tai hoạ.

4t có Kiêu và Thực (Kiêu đoạt Thực) : dễ bị tai hoạ.

Kiêu gặp kiêu vượng (hành vận) : nếu không bị ốm cũng gặp tai họa. vd102, vd104, vd206.

Kiêu Thương đều gặp : dễ bị tai nạn, bệnh tật. vd206

Kiêu đoạt thực thần / Kiêu gặp tuế vận Thực thần) : có tật. vd104 / không ốm cũng tai họa. vd401, vd404

Kiêu thần đóng ở trụ ngày, hoặc tứ trụ nhiều kiêu thần : vì ăn mà bị bệnh. vd104 (Kiêu đoạt Thực, mà Thực nôm na là ăn).

(Nam) kiêu thần hoặc Thất sát đóng ở trụ ngày : vợ nhiều mà đẻ ít, khí huyết không điều hoà; bị bệnh.vd101, vd104

4Trụ gặp một sát, ba tài, hai hỏa : đề phòng mù mắt ;

4T có Sát Kiêu tương sinh : tất có tai họa bị thương ; không bệnh tật cũng tai họa. vd101, vd102, vd204

Thiên quan chế phục thái quá : đề phòng đau hỏng mắt ; hoặc bệnh ở mắt cá chân.

Sát nhiều lại được Tài sinh : ốm nặng (vd101, vd105) ; có tai hoạ (vd401).

Thân nhược gặp sát vượng, hoặc gặp sát địa : nếu không chết cũng tai hoạ nặng, hay bị thương thành tật.vd101, vd105 / vd403

Thân suy, quan vượng : chân tay bị thương thành tật. vd202 (nói chung là mệnh không tốt, dễ bị bệnh tật, tai nạn, vì Thân đã yếu lại còn bị khắc mạnh).

Thân nhược , thực thương nhiều : bệnh choáng đầu.

Hợi tý còn gặp thân tị, ngọ : bệnh về mắt.

Hợi, tý nhiều : bệnh thủng ruột non, nhất là sinh vào giờ bính tý, nhâm tý . (Thuỷ khắc Hoả ; bính là ruột non).

Trụ ngày, trụ giờ ở suy địa : bệnh khó khỏi.

Trụ (Can) ngày (Thân) ở Tử địa : dễ bị bệnh (cơ quan bị bệnh tương ứng là chi ngày). Vd109

Mệnh nữ thì về bệnh, hoạ cũng không khác mệnh Nam, nhưng nữ thì ta cần đế ý thêm về sinh đẻ, bệnh đàn bà , như kinh nguyệt, sản hậu :

Nữ gặp thiên đức, nguyệt đức : dễ sinh. (Thiên đức, nguyệt đức có thể giải những tổ hợp xấu dưới đây).

Nữ trụ năm gặp thương quan : đẻ khó. / xấu . vd206

Nữ Can năm có thương quan, hoặc trụ giờ gặp kình dương hình phạt, hoặc tuế vận hợp với kiêu thần, kình dương : tượng đẻ khó.

Nữ gặp kiêu thần : không tốt vd206 / rất khó đẻ, gặp bệnh cũng hay nguy.

Nữ Thực thần gặp kiêu thần nhiều : đẻ khó.

Nữ Ngày giờ phạm cấu giảo : đẻ khó, bệnh kinh nguyệt nhiều ; đến lúc đứng tuổi : mắc bệnh hàn lạnh ;

Nữ phạm mão dậu (xung) : dễ sẩy thai khắc con ; đau nhức liên sườn.

4T và Tuế vận hợp thành 3 xung khắc 1, hay 1 xung 3 : khó tránh khỏi cái chết. vd304

Tuế vận cùng gặp (can chi đại vận = can chi lưu niên) : không chết mình cũng chết người thân. Vd301, vd302, vd303.

Mão dậu xung phá : đề phòng bại chân ; (trong xung có khắc)

Năm tháng dần thân tương xung : coi chừng bị câm điếc ; (trong xung có khắc)

Tam hình làm tan hợp : coi chừng dễ bị thương ;

Gặp hình nhiều : khó tránh khỏi bị thương ;

Thìn tuất sửu mùi tương hình : đề phòng bị câm điếc.

I. BỆNH TẬT. CÁC VÍ DỤ

VÍ DỤ 101: NAM

SÁT	TÀI	NHẬT NGUYÊN	KIÊU
Nhâm dần	Canh tuất	Bính tý	Giáp ngọ
		Sát	

Năm 1985, 4t của một sĩ quan.

TC : Trong 4T có
Sát Kiêu tương sinh : tất có tai hoạ bị tương ; không bệnh tật cũng tai hoạ ;
nhâm thuỷ khắc can ngày (Bính) hỏa thì bị bệnh mắt", và còn bị bệnh khác (ví dụ tim mạch).
Sát nhiều được Tài sinh : ốm nặng ; có tai hoạ ;

HV :
đại vận 2 tuổi tân hợi (kim thuỷ /Tài-Quan), gặp lưu niên nhâm tý (Sát-Sát) 1972, là Thuỷ vượng còn được Kim sinh thêm nên Thuỷ quá vượng, thì can ngày là bính bị khắc nặng, do đó bị bệnh ; nên "Năm 1972 có bệnh đau mắt, và còn bị bệnh khác". "Đúng, năm ấy mắt anh ta suýt bị mù. Ngoài ra còn bị bệnh nằm viện"

VÍ DỤ 102: NAM

SÁT	TÀI	NHẬT NGUYÊN	KIÊU
Bính ngọ	Ất mùi	Canh thìn	Mậu dần

Tháng giêng năm 1986.

TC : *trong trụ sát kiêu tương sinh*, tất có tai hoạ bị tương ; không bệnh tật cũng tai hoạ .

HV : Năm 78 là mậu ngọ (Kiêu), *"kiêu gặp kiêu vượng, không bệnh thì tai họa".*
nên "năm 78 không bị bệnh mật thì cũng bị bệnh gan". Bị bệnh gan, vì Dần mộc tử ở ngọ, mà Dần là gan.
"Đúng, bị viêm gan, nằm viện".

VÍ DỤ 103: NAM

TÀI	TÀI	NHẬT NGUYÊN	TÀI
Nhâm tý	Quý sửu	Kỷ dậu	Quý dậu
		Thương	Thương

Tháng 7 – 1987.

TC : *4T nhiều Thương quan* : lưng, chân, gân cốt bị thương, hoặc tàn phế ;
trong trụ dậu sửu bán hợp kim cục (Thương quan cục*), khắc mộc nên gan dễ bị bệnh*.

HV : Năm canh ngọ 1990, canh là *thương quan , tức Thương quan gặp Thương qua, hay Thương quan lại gặp vượng địa nên có tai nạn bị thương*.
Nên đóan năm ấy vừa bị bệnh, vưà bị thương ; bệnh thì chắc bệnh gan.
Đúng là năm ấy đầu tiên là bệnh gan nằm viện (Năm canh ngọ là lúc kim vượng mộc chết - Mộc tử ở Ngọ theo bảng TS, nên bị bệnh gan bộc phát), sau đó đi xe máy lại bị thương.

VÍ DỤ 104: NỮ

THỰC	TÀI	NHẬT NGUYÊN	TỶ
Ất mùi	Đinh hợi	Quý dậu	Quý hợi
Sát, Thực	KD	Kiêu	KD

Tháng 7 – 1987.

TC :
4t có nhiều KD là xấu ;
trong *tứ trụ có kiêu thần gặp thực thần*;

HV : Đang trong đại vận kiêu thần. Năm Đinh mão 1987 *"Trụ ngày quý dậu xung khắc trực diện với lưu niên thái tuế"* . Mão cũng là Thực; Đoán: năm 1987 bà này bị bệnh nặng. Đúng thế, bà ấy ốm hơn nửa năm nay, giờ vẫn chưa khỏi.

Điều đó ứng với câu*: "kiêu, hay thực đóng ở trụ ngày, can chi tuế vận (ở đây là đại vận) lại gặp kiêu nữa, kiêu đoạt thực tất bị bệnh" ;*
và nhiều KD hội với nhiều Kiêu : coi chừng dễ chết.

VÍ DỤ 105: NAM

TÀI	SÁT	NHẬT NGUYÊN	SÁT
Mậu ngọ	Tân dậu	Ất dậu	Tân tị
	Sát	Sát	

Tháng 3 – 1989, một người có con ốm luôn, không biết nguyên nhân gì nên nhờ đoán.

TC : *trong trụ TN, Sát vượng ; hay thất sát nhiều và vượng, lại gặp tài sinh* : hay bệnh tật và có tai hoạ.
HV : Năm 1980, 1981 là canh thân, tân dậu, là sát vượng gặp đất sát nên ốm nặng.
Điều đó ứng với câu: *"thân nhược, sát vượng và nhiều, lại gặp sát địa thì nhất định ốm".*
Đúng là ốm nặng, suýt nữa thì chết.

VÍ DỤ 106: NAM

SÁT	QUAN	NHẬT NGUYÊN	THƯƠNG
Nhâm ngọ	Quý mão	Bính tuất	Kỷ hợi
		Thực	Quan

Tháng 3 – 1985.

Ông này bị bệnh cao huyết áp lâu ngày không thể đi làm. Khi ở nhà thì huyết áp bình thường nhưng cứ hễ đến nhà máy thì huyết áp lên vùn vụt, nhà máy lại đành cử người đưa ông về. Ông không hiểu tại sao, cứ tưởng bị ma tà nên nhờ đoán.

Xem qua tứ trụ ta thấy rất rõ nguyên nhân.
TC : 4t thuỷ nhiều , khắc Hoả nên bị bệnh tim mạch ;
Quan Sát hỗn tạp ;
Quan gặp Thương ;

Giải thích :
"*trong trụ thuỷ nhiều*, nhà máy lại ở phía bắc nhà ở (phương bắc Thuỷ vượng) là không có lợi cho sức khỏe, vì *thuỷ vượng khắc hỏa (của can ngày) nên huyết áp cao*. Nếu ông được chuyển công tác về phía nam chỗ ở, hoặc nghỉ ở nhà thì bình yên vô sự. Vấn đề là thế chứ không có ma tà nào cả".

Đây là 1 ví dụ về giải nạn theo ngũ hành.

VÍ DỤ 107: NAM

QUAN	QUAN	NHẬT NGUYÊN	KIẾP
Quý tị	Quý hợi	Bính tý	Đinh dậu
	Quan	Sát	Thương

Tháng 7 – 1990.

TC :
4t có Thương quan;
Trong trụ TN, quan tinh vượng và trùng lặp ;
Thuỷ nhiều và Vượng, khắc Bính hoả (can ngày) : bệnh tim ;
HV :
đoán: "ông này tháng 10 – 1989 bị nạn, may mà thoát chết". Đúng, năm ngoái vì bệnh tim bột phát, tý nữa thì chết, may mà cứu được.

đại vận lưu niên lại gặp thương quan (Năm 1989 là năm kỷ tị *thương quan)*. Điều đó đúng với câu *"4T có quan tinh, khi gặp thương quan, không bệnh cũng tai họa"*.
hay « Thương quan gặp vận Thương quan : bệnh tật liên miên ».
Tháng 10 là quý hợi, *chính xung với thái tuế* (thiên khắc địa xung) kỷ tị, do đó mà ốm.

VÍ DỤ 108: NAM

THỰC	THƯƠNG	NHẬT NGUYÊN	THƯƠNG
Quý mùi	Nhâm tuất	Tân hợi	Nhâm thìn
		Thực	

Tháng 4 – 1991,

Đoán: "ông thường mắc bệnh váng đầu". "Đúng, mỗi lần nổi cơn lên là bệnh rất lâu". Như thế là vì *"TN, trong trụ thương thực nhiều, tất có bệnh đau đầu".*

VÍ DỤ 109: NỮ

QUAN	KIÊU	NHẬT NGUYÊN	ẤN
Kỷ mão	Canh ngọ	Nhâm dần	Tân sửu
		Tử	

Tháng 5 – 1991,

TC : Can ngày nhâm sinh vào tháng 5 (ngọ) là *Thân ở tử địa ;*
HV : Đoán "năm 1950 cô mắc bệnh gan". Đúng . Sở dĩ như thế là vì *Thân vốn ở tử địa*, lại năm 1950 (canh dần) nằm trong *đại vận* nhâm thân (Thân gặp Tử), và cũng chính là lúc thân kim *xung khắc thái tuế* canh dần (thái tuế là Vua, không được vô lễ xung khắc nó);

chi ngày là Dần ; *dần là gan*, nên gan bị bệnh.

II. THƯƠNG TẬT, TÀN PHẾ

VÍ DỤ 201: NỮ

KIẾP	**TÀI**	**NHẬT NGUYÊN**	**TỶ**
Tân sửu	Giáp ngọ	Canh ngọ	Canh thìn
Kỷ Tân Quý			Mậu Ất Quý
Thương			Thương

Tháng 4 – 1986, 4t một cô gái bại liệt cả hai chân. Chúng ta thử tìm nguyên nhân.

TC : trong trụ, thổ sửu thìn tàng Quý (thương quan), đúng với câu: *"thương quan nhiều thì chân tay, gân cốt bị thương hoặc tàn phế";*
4t có ngọ - ngọ là tự hình ; nhiều Tỷ-Kiếp : xấu, nhiều rủi ro, tai nạn, thương tật.

HV : năm 1963 là thái tuế quý mão, tiểu vận gặp quý mùi, quý thủy *thương quan gặp đất trường sinh (ở Mão)* ; *"Thương quan gặp Thương vận thì bệnh tật liên miên".*

Đúng là năm quý mão 1963 cô ta bị sốt tê liệt làm bại liệt hai chân.

VÍ DỤ 202: NỮ

KIẾP	**QUAN**	**NHẬT NGUYÊN**	**Kiếp**
Kỷ dậu	Ất hợi	Mậu tuất	Kỷ mão

Tỷ Quan

Tháng 8 – 1990

TC : 4t nhiều Tỷ Kiếp , xấu ; "*trong trụ TN, Quan nhiều* " : xấu ;

HV : Đoán năm 1971 cô ta bị tàn phế. Quả đúng như thế. Đó là vì "*trong trụ Quan nhiều* " năm 1971 (tân hợi) *thương quan ; 4t có Quan, khi hành vận gặp Thương quan thì tật bệnh, tàn phế"*

VÍ DỤ 203: NAM

KIẾP	**SÁT**	**NHẬT NGUYÊN**	**THƯƠNG**
Đinh tị	Nhâm tý	Bính ngọ	Kỷ hợi
Kiếp	Sát	Tỷ	Sát

Tứ trụ này trong chương quan vận đã có đưa ra.
Ở đây xem bệnh-hoạ ; đoán "người này nhất định mù một mắt". Đúng thế. Đó là vì:
TC : *"Can ngày Hoả gặp thuỷ (nhiều) khắc thì mắt mờ" ;*
4t Thương quan ; Tỷ kiếp, Sát đều có, lại nhiều và vượng (toàn là ác tinh);

VÍ DỤ 204: NAM

KIÊU	**KIẾP**	**NHẬT NGUYÊN**	**SÁT**
Giáp thân	Đinh sửu	Bính tuất	Nhâm thìn

Tháng 9 – 1986.

TC : Trong trụ, sát kiêu tương sinh tất có tai họa bị thương.
Đoán : "khi cậu ấy 6 tuổi, tức là năm 1950, đầu bị thương nặng ».

HV : Năm 1950 là năm canh dần, chính là năm trụ năm giáp thân xung khắc với thái tuế (tkđx) ; canh kim khắc Giáp mộc, mà Giáp là đầu, nên đầu bị thương. Đúng với câu *"giáp mộc bị khắc thì trên đầu bị thương".*

"Đúng, năm ấy ông bố trèo cây chặt cành, em chơi ở dưới, rìu rơi từ trên cao xuống đúng vào đầu, chém thành một nhát, may mà không chết".

VÍ DỤ 205: NAM

QUAN	**THƯƠNG**	**NHẬT NGUYÊN**	**TỶ**
Canh tuất	Bính tuất	Ất dậu	Ất tị
		Sát	Thương

Tháng 9 – 1986,

TC : trong trụ bính là thương quan, trên trụ năm lại có quan tinh, *"thương quan gặp quan, là có tai hoạ bất ngờ" ;*

HV : năm 1986 lại vừa đúng năm bính dần thương quan. Cho nên *"thương gặp thương lại gặp vượng địa, tất sẽ có cái khổ vì bị thương"*; hay 4t có Quan, nay gặp Thương quan.

Đúng, tháng 9 năm ấy, thiếu niên này vì cãi cọ với một người bán thịt mà sinh đánh nhau, bị y dùng dao chém bị thương cánh tay.

VÍ DỤ 206: NỮ

THƯƠNG	**TỶ**	**NHẬT NGUYÊN**	**SÁT**
Mậu tý	Đinh tị	Đinh tị	Quý mão
	Kiếp	Kiếp	**kiêu**

Tháng 2 – 1987

TC : *Trong trụ kiêu thương tỷ kiếp đều gặp nên dễ bị tai nạn, bệnh tật ;*
TV , Tỷ Kiếp nhiều ;
4t có quá nhiều ác tinh.

Đoán "năm 1983 nếu không ốm nặng thì cũng gặp tai nạn".

HV : Năm 1983 là năm quý hợi (Sát-Sát), đúng là năm kiêu vượng (Sát-Kiêu tương sinh ; Mão mộc TS ở Hợi), đúng với câu: *"Kiêu gặp kiêu vượng, không ốm thì cũng bị thương".*

"Đúng, năm 1983 bà ta bị sụp hầm, tí nữa mất mạng".

VÍ DỤ 207: NỮ

QUAN	**KIẾP**	**NHẬT NGUYÊN**	**THỰC**
Kỷ hợi	Quý dậu	Nhâm tý	Giáp thìn
Tỷ		Kiếp, KD	

Tháng 4 – 1991

TC : Trong trụ có KD, nhiều Tỷ kiếp nên dễ có tai nạn, bệnh tật;

HV : năm 1990 là năm canh ngọ (Kiêu) « *trụ ngày* nhâm tý *kình dương xung tuế quân, là tai nạn rất nặng".* Canh kim khắc giáp mộc (Kiêu đoạt Thực), giáp mộc là đầu, nên đầu bị thương.

"đúng thế, năm 1990 bà bị xe đâm, đầu bị thương".

VÍ DỤ 208: NAM

TỶ	**KIÊU**	**NHẬT NGUYÊN**	**KIÊU**
Mậu tý	Bính thìn	Mậu dần	Bính thìn
Thực	Tỷ	Sát	Tỷ

Tháng 3 năm 1992

TC: 4t có *hai kiêu* ; Kiêu gặp Thực ; *thân vượng, kiêu vượng, có kiêu sinh tỷ kiếp ;*

Đoán "năm 1980 hoặc năm 1989 nhất định bị thương hoặc gặp tai nạn gì đó".

HV : lại gặp *đại vận thực thần* canh thân, là Kiêu đoạt Thực, nên dẫn đến tai nạn. Năm 1989 có tai nạn vì vận thân, lưu niên tị thêm ngày dần tạo thành tam hình dần-tị-thân.
(Chú ý **lúc** 4T, Đại vận, LN hợp thành tam hình).

Đúng ; năm 1989 anh ta từ khách sạn đi ra, vội vội vàng vàng đã đập đầu làm vỡ cửa kính, đầu đầy máu me, xương ống chân lòi ra miệng vết thương, bệnh viện phải khâu mười mấy mũi".

III. TỬ VONG

Tứ trụ là kho chứa đựng thông tin của cả đời người. Tổ hợp của nó vừa khống chế trình tự của đời người, vừa như một loạt phản ứng hoá học. Nó kết hợp với đại vận, tiểu vận, lưu niên nếu tổ hợp cân bằng thì biểu hiện trên cơ thể con người là sự mạnh khoẻ, bình yên, vận khí bình thường, thuận lợi, tốt ; nếu tổ hợp mất cân bằng hoặc nổ bùng là không thuận, là tai hoạ.

Hệ từ của "Chu dịch" nói: "bắt đầu và kết thúc là thuyết biết về cái sống và cái chết". "Bắt đầu là kết quả của âm dương giao hợp, kết thúc là kết quả của âm dương phân chia". Trong "Hoàng đế nội kinh - ngọc bản kí yếu biên" chỉ rõ: "Trùng lặp dương thì chết, trùng lặp âm cũng chết". Người ta một kiểu sống nhưng hàng trăm kiểu chết, trong chết lại chia ra chết vì bệnh, chết vì tai nạn.
Chết vì bệnh thì mệnh học và y học hiện đại cũng đều đồng ý là do âm dương ngũ hành sinh khắc giữ vai trò quyết định.
Nhưng mệnh học còn bổ túc khi tiên đoán hay xác định những cái **chết vì tai nạn** cũng đều là do âm dương ngũ hành sinh khắc mà ra.

Nói chung, dù thế nào thì mệnh cũng đã hết.

Việc dự đoán thời gian chết của con người là vô cùng phức tạp ; về nguyên nhân chết, từ mệnh học mà nói đã có vô số loại hình, song thường gặp nhất, dễ nắm vững nhất là: "Cùng gặp tuế vận". Đó là năm can chi của lưu niên = can-chi đại vận. Ví dụ khi đại vận mười năm một đi đến "bính dần", lưu niên cũng vừa đúng là năm "bính dần. "*Tuế, vận cùng gặp, không chết mình thì cũng chết người thân khác".*

VÍ DỤ 301: Vì sao Mao Trạch Đông lại mất năm 1976 ?

Người Hồ - Nam Trung quốc có câu nói cửa miệng : "bảy ba, tám tư Diêm vương không mời cũng tự mình đi" .

Thật ra câu đó đã từ mệnh học tổng kết ra. Khi người ta đến 73, 84 tuổi thì thường chết.

Mao Trạch Đông sinh ngày 26 – 12 – 1893, âm lịch là ngày 19 – 11 – 1893. Tứ trụ là:

SÁT	**ẤN**	**NHẬT NGUYÊN**	**??**
QUÝ TỴ	GIÁP TÝ	ĐINH DẬU	??

Tứ trụ này tuy không có giờ nhưng không ảnh hưởng đến tính đại vận và lưu niên. 7 tuổi bắt đầu đại vận. Từ 77 tuổi đến 86 tuổi hành đại vận bính thìn. Năm 1976 là năm Bính thìn, can chi của đại vận, lưu niên giống nhau, cho nên ứng với câu: *"Tuế vận gặp nhau, mình không chết thì người thân cũng chết".* Do đó, Mao mất năm 1976, đúng là năm 84 tuổi.

VÍ DỤ 302: NAM

TỶ	**TỶ**	**NHẬT NGUYÊN**	**QUAN**
Kỷ mão	Kỷ tị	Kỷ dậu	Giáp tý

Tháng 6 – 1986,

TC : "*4T có Tỷ Kiếp nhiều là khắc vợ",* vậy vợ có thể mất sớm.

Đoán : "vợ ông mất năm 1985". Ông ta rất đau buồn nói: đúng!

HV : năm 42 tuổi hành đại vận ất sửu, lưu niên 1985 cũng là ất sửu, vừa *đúng "tuế vận cùng gặp", nên không chết mình thì chết người thân*, ông ta nay còn sống, vậy phải xét đến thân nhân, mà tiêu chí của ông ta là khắc vợ, nay cung vợ (chi ngày) dậu Kim nhập mộ ở sửu nên vợ chết.

VÍ DỤ 303: NỮ

KIẾP	**TÀI**	**NHẬT NGUYÊN**	**SÁT**
Đinh tị	Tân hợi	Bính tý	Nhâm thìn

Năm 1986, một người nhờ xem tuổi thọ cho bà mẹ.

Bà này từ 53 tuổi đến 62 tuổi hành đại vận đinh tị, gặp năm 1977 là đinh tị, tức *tuế vận cùng gặp* ; lại còn *tháng sinh bị xung* mà tháng sinh là cương lĩnh, không thể bị xung, nếu đã xung là mười phần nguy hiểm chín. Bà đó cha mẹ mất sớm, chỉ có một người em gái, con cái đều không có nguy hiểm gì, do đó đoán : " Mẹ anh mất năm 1977".

Không ngờ người ấy cười nói rằng: "Đã mấy người xem mệnh đều nói mẹ tôi mất năm 1977. Tôi nói bà còn khỏe họ đều lấy làm lạ. Quả thực năm 1977 bà bị bệnh nặng, chết đi sống lại mấy lần nhưng không chết. Vậy tại sao ?

Nghiên cứu kỹ 4t này, ta thấy có *hoa cái*, vậy là người có căn tu hành : " mẹ anh là tín đồ phật giáo, cả đời ăn chay niệm phật, tích thiện tích đức, làm nhiều việc tốt; Bà ta suốt đời thắp hương cầu nguyện, nên đã cải được số (đức năng thắng số)".

"Người gặp tuế, vận cùng gặp, phần lớn nếu không chết thì vợ chết, hoặc cha mẹ, con cái chết. Nhưng có một số ít trường hợp không ai chết cả, trong đó có nguyên nhân chung là những người đó là tín đồ của một đạo nào đó, suốt đời tích âm đức.

"Tuế vận cùng gặp" tuy là vận hung của mệnh, nhưng chỉ cần đoán được trước thì có thể hoá giải. Có người sau khi được hoá giải không những bình an vô sự mà còn chuyển hung thành cát. Do đó chỉ cần nắm vững mệnh vận, cửa ải sống chết có thể vượt qua. Chỉ sợ là không tin mệnh vận, lại cũng không tin hoá giải được nên không chịu đề phòng.

VÍ DỤ 304: NAM

SÁT	**QUAN**	**NHẬT NGUYÊN**	**TỶ**
Tân sửu	Canh tý	Ất dậu	Ất dậu
		Sát	Sát

Tháng 6 – 1990

TC : 4t này từ 24 đến 33 tuổi hành đại vận đinh dậu ; Trong trụ đã có hai dậu. Năm 1987 lại gặp thái tuế đinh mão, *tứ trụ và Tuế vận làm thành ba dậu khắc một mão, một mão xung ba dậu*. Đúng là*: "Ba dậu xung khắc một mão, chưa từng thấy ai không chết".*

Đúng, đây là một công an, tháng 5 – 1987 đi công tác phá án bị tai nạn mà chết. Tuổi thọ anh ta chỉ có thế, nếu không đi công tác thì ở nhà cũng không tránh được.

VÍ DỤ 305: NỮ

QUAN	**ẤN**	**NHẬT NGUYÊN**	**KIÊU**
Kỉ mão	Tân mùi	Nhâm tý	Canh tuất
		KD	

Tháng 5 – 1988.

TC : 4t có kình dương, lại gặp Kiêu ;
thân nhược, tài quan vượng ;
Tý cách Tuất 1 chi (Hợi), nên Tý - Tuất củng Hợi ;

HV : Bà ta từ 48 đến 57 tuổi hành đại vận bính tý KD, tiểu vận canh tý KD / Kiêu, như thế gọi là kình dương lại trùng lặp với hung vận kình dương; trong trụ thân nhược tài quan vượng, năm 1989 là năm kỷ tị, đúng là tài quan ở vượng địa khắc thân. Hợi là Lộc của Nhâm, vậy là củng Lộc (*). Gặp năm Tị xung Hợi, *củng lộc bị xung phá*. Tháng 3 – 1989 là tháng mậu thìn là thuỷ mộ kho, *Thân nhập mộ (Nhâm mộ ở Thìn)*, nên chết (chết vì ung thư).

Đúng với câu: *"Kình dương - kiêu gặp kình dương - kiêu, ba kình dương hội với hai kiêu, chắc chắn là chết không nghi ngờ gì nữa"*

(*) xem lại chương Thần – Sát : Lộc rất kỵ xung.

VÍ DỤ 306: NỮ, sinh năm 1964

Ấn	Thương	Nhật nguyên	Sát
Giáp thìn	**Mậu thìn**	**ngày Đinh dậu**	**Quý mão**

Đại vận :

Tỷ	Kiếp	Kiêu	
5 Đinh mão	15 Bính dần Tử	25 Ất sửu	...

Trong 4T , tru ngày và trụ tháng thiên khắc địa xung.

Ta chú trọng xem trong đại vận hiện tại của cô ấy (Bính dần) :
Can ngày Đinh (TA) tử ở Dần : đại vận gặp tử địa nên rất xấu ;

Tiểu vận 1987 : Kỷ mão
Lưu niên 1987 : Đinh mão

Năm 1987, Chi ngày Dậu xung khắc Mão mộc thái tuế ; phạm thái tuế nên rất nghiêm trọng (đại hung);

Lại 3 Mão (Chi ngày, tiểu vận, lưu niên) xung 1 dậu : chưa từng thấy ai không chết !

Vì thế TVH khuyên cô nầy tháng 3, tháng 4 DL năm 1987 không nên đi về hướng Tây Bắc ; vì
trụ năm giáp thìn, trụ tháng là Mậu thìn ; tháng 3 năm 1987 là tháng giáp thìn, hướng Tây Bắc là hướng Tuất ; như vậy sẽ tạo thành 3 Thìn xung 1 Tuất, cũng là điểm đại hung.

Kết quả : Cô này không nghe, đúng vào tháng 3 lại đi công tác về hướng Tây Bắc , chẳng may bị tai nạn xe hơi nát thân. Vậy nêu có thể « tránh voi chả xấu mặt nào » thì nên tránh. Và muốn thế phải biết vận mệnh cuả mình, và phải tin.

VÍ DỤ 307 : Nam, sinh năm 1952

Kiếp	Quan		Kiếp
Nhâm thìn	**Kỷ dậu**	**ngày Nhâm ngọ**	**Nhâm dần**

Đại vận : Quý sửu
Suy

đại vận gặp Suy địa nên rất xấu ;

Tiểu vận 1988 : Canh thìn ; Thìn là Mộ kho cuả Thuỷ , Nhâm (TA) ;
Lưu niên 1988 : Mậu thìn, cũng là Mộ kho cuả Thuỷ , Nhâm (TA) ;

Tiêu chí : Trong 4T
có Thìn, Dậu, Hợi là 3 tự hình ; tự mình gây hoạ.
Có 3 Nhâm là Kiếp tài ; vậy sẽ vì của cải hay đàn bà mà mang hoạ ;

Can ngày là Nhâm thuỷ, sợ Thổ khắc. Nay đại vận (Sửu thổ), Tiểu vận Thìn (thổ), lưu niên Thìn (thổ), là 3 Thổ chồng chất lên nhau khắc Thuỷ, trong khi đó không có cái gì sinh cho Thuỷ cả.

Chi năm là Thìn thổ ; tiểu vận và lưu niên đều là Thìn thổ ; 3 Thổ khắc 3 Thuỷ, lại khắc nhập mộ, cho nên đó là tai hoạ chết người.

Kết quả : Người này vì ham tiền, buôn lậu đồ cổ có giá trị lớn, năm 1988 bị đồng bọn sát hại để đoạt cuả, vất xác xuống vực sâu.

* * *

Ngoài ra, bạn có thể đọc thêm Phụ lục « Tính đồng bộ của thông tin », trong đó có thêm 6 ví dụ về lúc chết.

IV. LAO TÙ hay có Chuyện liên quan đến pháp luật.

Có người trong tứ trụ có tiêu chí thông tin lao tù, điều đó thực ra không đáng sợ. Chỉ sợ là sau khi dự đoán ra mà vẫn không nghe lời khuyến cáo, cứ tiếp tục làm bậy, không sợ phạm pháp nên khó tránh khỏi tai hoạ. Còn một khi đã dự đóan được tai họa lao tù, thì cũng giống như bệnh tật, nếu tìm cách hoá giải để phòng tránh là có thể vượt qua được.

VÍ DỤ 401: NAM

TÀI	**SÁT**	**NHẬT NGUYÊN**	**QUAN**
BÍNH NGỌ	MẬU TUẤT	NHÂM TÝ	KỶ DẬU
Tài	Sát	Kiếp,KD	

Tháng giêng – 1984, 1 người nhờ đoán vận cho con trai.

TC : *TN Sát vượng ; Sát nhiều còn được Tài sinh ; Quan Sát hỗn tạp ; KD trên trụ ngày, đó đều là những tiêu chí xấu, nhất là có hoạ lao tù.*

Đoán: "Con ông năm nay có họa tù ngục, nửa năm đầu phải tăng cường quản lý giáo dục mới được". Ông nói: "Con tôi có thể bị tù à? Cháu nó rất thật thà cơ mà. Chắc chắn nó không làm việc xấu đâu". Tôi thấy ông có vẻ coi thường, nói: "Trong tứ trụ nó có việc đó, chẳng qua là thời gian chưa đến đấy thôi. Năm nay bại vận đến, rất có thể xảy ra việc ấy"

HV : Cậu này 17 tuổi hành đại vận canh tý Kiêu/KD, lại là kiêu thần gặp kình dương, năm 1984 là năm giáp tý Thực/KD là thực thần gặp kình dương, ba kình dương hội tụ lại, còn gặp kiêu thần đoạt thực thần. Ứng với câu: *"Kình dương gặp tuế quân, họa sẽ ập đến", "kiêu gặp thực không ốm thì tai họa".*

Năm 1984, kết quả do cướp giật (Kiếp Tài) nên con ông bị tù.

VÍ DỤ 402: NAM

KIẾP	**SÁT**	**NHẬT NGUYÊN**	**QUAN**
MẬU DẦN	ẤT SỬU	KỶ MÙI	GIÁP TUẤT
Quan	Tỷ	Tỷ	Kiếp

Tháng 12 – 1986 – 1 giáo sư đại học.

Đoán : "năm 1984 (Giáp Tý – Quan/Tài) có chuyện : 3 Quan hội tụ lại được Tài sinh. Năm 1985 (Ất sửu – Sát/Tỷ - trụ ngày thiên khắc địa xung thái tuế - 3 Tỷ nên kiếp Tài rất dữ) vì chuyện tiền tài mà bị giam ". Đúng thế.

TC : 4t này có những tiêu chí xấu :
"Quan tinh bị hợp" : làm quan không lâu;
Quan Sát hỗn tạp :
Tỷ Kiếp trùng trùng : kiếp tài là dính dáng đến tiền bạc ;
"Chi tháng và chi ngày tương xung, tương hình"; 4t có Tam hình (Sửu - Tuất – Mùi) ; *quan sát hỗn tạp, lại hành vận thương quan, nên có họa lao tù.*

4t này cho thấy không phải đại khoa bảng là không làm bậy đâu.

VÍ DỤ 403: NAM

SÁT	**KIẾP**	**NHẬT NGUYÊN**	**THỰC**
MẬU THÂN	QUÝ HỢI	NHÂM THÌN	GIÁP THÌN
Kiêu	Kiếp	Sát	Sát

Tháng 5 – 1988, một người mẹ nghi con làm bậy, nhờ đoán vận.

TC : 4t Sát nhiều ; Kiếp nhiều ; Kiêu gặp Thực ;

Đoán "Năm nay nó có họa lao tù. Có thể bây giờ nó đang làm chuyện phạm pháp ; vậy cần quản lý chặt chẽ, nếu không ngừng ngay thì tháng 9 năm nay sẽ bị bắt". Vậy "nhất định yêu cầu nó không được làm điều gì phạm pháp ».

HV : 1988 là Mậu Thìn / Sát-Sát ; tháng 9 là tuất / 3 Thìn xung 1 Tuất.

Cậu này rất may nghe lời khuyên của mẹ, tháng nguy hiểm lại được quản lý chặt chẽ nên dần dần hồi phục bình thường, tuy có đau nhẹ nhưng tránh được bị giam.

VÍ DỤ 404: NAM

KIẾP	**TỶ**	**NHẬT NGUYÊN**	**TỶ**
TÂN TỊ	CANH DẦN	CANH TÝ	CANH THÌN
Sát	Tài	Thương	Kiêu

Tháng 5 – 1991

TC : 4t có Kiêu , Thương, Tỷ kiép, Sát, toàn là ác tinh !

Đoán: "ông là người trải qua nhiều gập ghềnh. Năm 1988 vì tiền tài mà bị giam" . "Đúng! Vì hối lộ mà bị tù".

HV : năm 46 đến 55 tuổi hành tài vận ất dậu. *Trong trụ tỷ kiếp nhiều*, cho nên *"tỷ kiếp gặp tài tất có tai họa"*. Năm 1988 mậu thìn (Kiêu-kiêu) ngồi tù là vì Kiêu sinh Kiếp, và *nhật nguyên tý thuỷ nhập hai lần mộ (ở Mậu và ở Thìn Thổ)*.

VÍ DỤ 405: NAM

KIÊU	**ẤN**	**NHẬT NGUYÊN**	**KIÊU**
BÍNH TUẤT	ĐINH DẬU	MẬU TUẤT	BÍNH **Thìn**
Tỷ	Thực	Tỷ	Tỷ

Tháng 3 – 1992,

TC : 4t Tỷ nhiều, Kiêu nhiều (*trong trụ 2 kiêu ở 2 đầu 4t như hai con hổ*), và gặp Thực ; 2 Tuất xung 1 Thìn.

Đoán: "Anh năm 1980 gay go, vừa bị tai hoạ vì chức vụ, vừa bị ốm nặng, suýt nữa thì mất chức". "Quả thực có thế, vì việc của cha mà anh ta phải đi kiện khắp nơi, lại còn bị viêm ruột thừa năm viện mổ, suýt nữa bị mất chức ».

HV : từ 26 đến 35 tuổi hành đại vận thực thần canh **tý**, năm 1980 lại là năm canh **thân** gặp thực địa. Đúng là lúc *"Kiêu thần đoạt thực, không ốm cũng tai họa". Ngoài ra Thân – Tý- Thìn tam hợp Thuỷ cục, khắc Ấn (Đinh hoả) ;* mà Ấn tượng trưng cho chức vụ, nên nói bị hoạ về chức vụ.

HẾT

Chương 13
TÍNH CÁCH

I – TÍNH CÁCH TỐT
II – TÍNH CÁCH XẤU
Xét riêng nam / nữ

Tính cách của một người có mừng, giận, buồn, vui, có hiền, ác, có kẻ hời hợt, có người làm việc cẩn trọng, nghiêm túc, có kẻ ba hoa 10 voi chẳng được chén nước xáo… nên tạm thời chúng ta chia ra tính cách tốt và tính cách xấu. Nếu biết được tính cách sẽ có lợi cho việc tuyển dụng nhân viên, và trong xã giao cũng rất có lợi cho việc kết bạn.

Tính cách của con người, theo ngũ hành đại để chia ra : mộc chủ về nhân đức; hỏa chủ về lễ độ; thổ chủ về tín; kim chủ về nghĩa; thủy chủ về trí. Người đời thường nói : "tri nhân tri diện bất tri tâm" (biết người, biết mặt, biết lòng ư !). Song lòng người tốt hay xấu, lành hay dữ đều có thể thấy được trong tứ trụ.

Trong quyển 1, chương 9 "**nguyên cục ngũ hành của 4t (*)** , thể tính và cách cục" chúng ta đã biết xác định nguyên cục ngũ hành cuả tứ trụ, và biết là từ đó người ta có thể suy ra tính tình và bệnh tật của một người .

(*) là tổng số khí 5 hành của tứ trụ.

Ví dụ tứ trụ (nhắc lại) :

Quý mùi Mậu ngọ ngày Nhâm Tý Giáp Thìn

Có nguyên cục ngũ hành là :

kim	mộc	thuỷ	hoả	thổ
0	4	3	2	4

Chúng ta thường nghe nói, hay đọc thấy : hoả nhiều thì …, mộc ít thì …., nhưng chỉ qua nguyên cục ngũ hành ta mới biết được hành nào nhiều, ít, hay thiếu khuyết, và nên chú trọng đến những cas thiếu khuyết, hay quá nhiều, hay quá ít;

Trong ví dụ trên, người này thiếu hẳn hành kim, còn hành hoả hơi ít nhưng được cái là sinh mùa hè nên hoả vượng.

rồi kết hợp với phương pháp xác định vượng suy, cường nhược cuả các can như ta đã biết (dùng thời lệnh, hay bảng TS), thì ta sẽ thấy ngay các mặt tính tình hay bệnh tật của một người.

TÍNH TÌNH

Khoa Tử Bình xét tính tình con người theo ngũ hành, hay theo 10 thần (nhưng theo 10 thần thì một dạng khái quát cao hơn, không còn câu nệ trên hành nọ hành kia nữa, 2 cái bổ túc cho nhau) , hay theo cách cục.

Ngoài ra, như đã có đề cập trong khi xét bảng "60 hoa giáp", trụ năm quyết định "mệnh" của 1 người, như sa trung **kim**, bình địa **mộc** v..v.., bạn chỉ cần lấy **hành** đó, tìm trong phụ lục "Tính tình theo mệnh" cũng có được một số khái niệm. Chúng ta sắp nó riêng trong một phụ lục vì nó có tính cách "ngoại khoa ", không chính thống.

I- Theo ngũ hành, nói chung thì :

Mộc chủ nhân
Kim chủ nghiã
Hoả chủ lễ
Thuỷ chủ trí
Thổ chủ tín;

(ta thấy ở đây ảnh hưởng của nho gia : ghép ngũ hành với ngũ thường).

NC ngũ hành thuần tuý được trung hoà (5 hành tổng số khá đều nhau) : người hiền hoà, cư xử đứng đắn, tính tình khiêm nhượng, có lòng trắc ẩn, thành thật, có hiếu;

Nếu hổn tạp, thiên khô, thái quá hay bất cập : nhiều thị phi; bạo ngược, liều lĩnh; kiêu căng.

1) Nếu nhiều mà không bị chế ngự :

Hoả chủ lễ : Hoả nhiều , thuỷ lại không có hoặc quá ít, không có gì chế hoả : là người nóng nảy, hành động thiếu suy xét, hay nóng giận, ngang bướng *(hoả thái quá trở thành vô lễ).*

nếu can ngày sinh thuộc dương và thuộc Hoả như Bính , thì sự cương mãnh càng tăng; sinh tháng Ngọ đặc tính trên càng nhiều;
nếu có nhiều hành Mộc, Mộc sinh Hoả, đặc tính trên cũng tăng;
nếu có nhiều hành Thuỷ, Hoả sẽ bị chế ngự bớt, vì Thuỷ khắc Hoả;
nếu có nhiều hành Kim và Thổ, cũng giảm bớt, vì Hoả khắc Kim, và Hoả sinh Thổ;

Tương tự suy ra vớI các hành khác, như :

Thổ chủ tín (trung hậu, thủ tín) : Thổ nhiều, không có Mộc, hoặc Mộc quá ít : quá trung hậu nên câu chấp, gàn dở, chậm chạp, thiếu quyết đoán; ưa tĩnh, ít động.

Kim chủ nghiã , Kim nhiều, không có Hoả, hoặc Hoả quá ít : quá hào hiệp nên hiếu thắng, cương cường, thích được người ta khen tặng, háo danh;

Trong thí dụ trên, người đó thiếu hẳn hành Kim, vậy bạn hãy rút ra kết luận.

Thuỷ chủ trí , Thuỷ nhiều, không có Thổ, hoặc Thổ quá ít : rất thông minh, hay suy tư, bản tính yếu đuối, không quyết đoán được việc gì; tính tình thâm hiểm;

Mộc chủ nhân , Mộc nhiều, không có Kim, hoặc Kim quá ít : quá nhân hậu, hay nghe lời người xung quanh, không chỉ huy được ai, thiếu ý chí; thường bị chi phối về tình cảm; thường bại sự.

2) Theo ngũ hành của can ngày :

Trên đây là đại cương, chung chung về tính tình con người theo ngũ hành, nhưng xét tường tận hơn, ta phải thấy rằng trong MC, hành của nhật nguyên (TA / Can ngày) phải chịu tác động của những hành khác , làm cho tính tình của TA có biến chuyển. Đại khái mỗi hành của can ngày được chia thành 8 loại : Vượng thịnh, Thái quá, Bất cập, Kim nhiều, Mộc nhiều, Thuỷ nhiều, Hoả nhiều, Thổ nhiều.

Kim (Canh, Tân) :

1- Vượng thịnh : tức sinh tháng Thân, Dậu : trọng nghiã, có danh giá, thân thể tráng kiện, mặt có oai nghi, tính cang cường bất khuất, làm việc quả quyết; không nghi hoặc.

2- Thái quá : cũng sinh tháng Thân, Dậu , nhưng thêm nhiều tỉ-kiếp và/hoặc Ấn : hữu dũng vô mưu; nhiều dục vọng; tính nết độc ác; dâm dục; ưa sát phạt.

3- Bất cập : sinh trong những tháng Tử, Tuyệt, Mộ : ưa suy nghĩ nhiều, ít quả quyết, làm việc trước siêng sau lười; tính cũng ưa làm việc nghiã nhưng không bền.

4- Kim nhiều : dũng mãnh, cương trực, làm việc nghiã, hiếu thắng; tự đắc; bản thân có nhiều khuyết điểm mà không tự biết.

5- Mộc nhiều : biết suy xét, phán đoán trước sau mọi việc hay, dỡ; thi ơn không cầu báo; thường xích mích với bằng hữu.

6- Thuỷ nhiều : có tài ăn nói; bề ngoài lễ độ, đi đứng ung dung, nhưng trong lòng ích kỷ, nhiều quỷ kế hại người.

7- Hỏa nhiều : tính toán nhiều, ưa suy xét nhưng không kỹ lưỡng; đối với người thì vô duyên; khi gặp chuyện thì do dự chẳng quyết; muốn làm mà không làm.

8- Thổ nhiều : ít nói nhưng trong lòng rất hiền; làm việc thầm kín nhưng ưa chiêu thị phi hay làm cho người ta hiềm nghi mình; có khi gặp việc vô tâm mà lại được thành công.

Mộc (Giáp, Ất)

1- Vượng thịnh : tức sinh trong muà xuân : nhân từ, hảo tâm, có lòng trắc ẩn; hình thái thanh tú; khảng khái; không ích kỷ; thường cứu giúp kẻ khốn cùng.

2- Thái quá : cũng sinh trong muà xuân, nhưng thêm nhiều tỉ-kiếp và/hoặc Ấn : cố chấp; đố kỵ; hay có tính bất nhân; nhiều mưu kế nhưng rất hỗn loạn; ưa thích những việc linh tinh; thích tiểu lợi.

3- Bất cập : sinh trong những tháng Tử, Tuyệt, Mộ : cố chấp mà rất nhu nhược; làm việc không có qui củ; lòng bất chính; hành vi thô bỉ; rất tiết kiệm.

4- Kim nhiều : Can ngày bị khắc chế nên dung nhan suy nhược không được tươi nhuận; tính cang cường nhưng không quả đoán; trước khi hành động thì ưa suy nghĩ, nhưng khi lâm sự thì lại hối tiếc; làm nghiã không trọn vẹn.

5- Mộc nhiều : nhu nhược; không có bạn thân; ưa độc hành , độc đoán; học nhiều mà không giỏi; tuy thông minh nhưng ít sáng kiến.

6- Thuỷ nhiều : phiêu lưu bất định, rày đây mai đó; lời nói không đi đôi với việc làm; không bền chí.

7- Hỏa nhiều : thông minh lỗi lạc; ưa học nhưng không đến chốn; đã biết phạm pháp mà còn dấn thân vào ; gặp chuyện không thích thì nói ra liền; cũng không kín miệng, dễ tiết lộ những chuyện kín, bí mật..

8- Thổ nhiều : tự tin, làm việc có thứ tự; có nhu có cương; có suy xét trước khi phát ngôn.

Thuỷ (Nhâm , Quý)

1- Vượng thịnh : tức sinh muà đông: trí óc cao xa, nhiều mưu kế; rất thông minh; học rộng biết nhiều; cố chấp.

2- Thái quá : cũng sinh muà đông, nhưng thêm nhiều tỉ-kiếp và/hoặc Ấn : ưa hoạt động; thường chiêu thị phi; đa dâm đa dục; có cơ mưu xảo trá; hay tàn nhẫn.

3- Bất cập : sinh trong những tháng Tử, Tuyệt, Mộ : phản phúc; ý chí bất định; không có mưu lược; tính hôn mê, trí thức u muội; thiếu can đảm; vô lại.

4- Kim nhiều : ưa làm việc nghiã; có chí lớn; có nhiều trí thức, và rất thông minh; đa dâm dục.

5- Mộc nhiều : thích lưu động; tính khí mềm dẽo; làm việc trước siêng sau lười; ưa lãng phí; cố chấp.

6- Thuỷ nhiều : có linh tính; thông minh, nhưng ưa khoác lác; tốt xấu lẩn lộn; cả đời lưu đãng.

7- Hỏa nhiều : có lễ độ ; tham nhũng; thường ưa suy nghĩ xa xôi; có nhiều sự buồn bực; làm việc thường có sự ăn năn; cả đời lao tâm lao lực.

8- Thổ nhiều : tham trầm; bề trong thông minh nhưng ngoài mặt giả đò ngu muội; không có tín nghĩa; ưa tiểu lợi.

Hoả (Bính, Đinh)

1- Vượng thịnh : tức sinh trong muà hạ : ưa làm việc mau chóng; quan sát tỉ mỉ;văn chương hay; viết mau; ưa trang điểm; việc thực hành kém thành công.

2- Thái quá : cũng sinh trong muà hạ, nhưng thêm nhiều tỉ-kiếp và/hoặc Ấn : nóng nãy, tàn nhẫn; hoang huỷ phá hoại; rất ngoan cố; lúc vui lúc buồn; tính không quân bình; chết một cách thê thảm.

3- Bất cập : sinh trong những tháng Tử, Tuyệt, Mộ : gian xảo quỷ quyệt; có biện tài; hay sợ sệt; khi làm đại sự thì thiếu quả quyết.

4- Kim nhiều : thường có sự canh cải; hùng biện, thao thao bất tuyệt; lễ nghiã thiếu quân bình; thường chiêu thị phi, tai tiếng.

5- Mộc nhiều : tự cao tự đại; kiêu căng tự đắc; thông minh nhưng không có đại chí; ưa tranh luận.

6- Thuỷ nhiều : đức độ không quân bình; xảo trá; không có lễ độ; khi dễ khi khó; nhiều cơ mưu thủ đoạn nhưng không thành công mà lại hại mình.

7- Hỏa nhiều : có lễ độ nhưng thiếu nghiã; bề ngoài sáng suốt, bề trong u muội; làm việc tuy mau chóng nhưng ít thành công.

8- Thổ nhiều : trầm tĩnh, nhiều mưu kế; dám làm việc bất nghiã; nói thì hay làm thì dở; cố chấp không chịu sửa sai.

Thổ (Mậu, Kỷ)

1- Vượng thịnh : tức sinh những tháng Thìn, Tuất, Sửu, Mùi : có tín ngưỡng, thủ tín; không phản bội; trung hậu lão thành; hiếu với cha mẹ.

2- Thái quá : cũng sinh những tháng Thìn, Tuất, Sửu, Mùi , nhưng thêm nhiều tỉ-kiếp và/hoặc Ấn : cố chấp khó sửa đổi; không thông minh; bế tắc ngu muội; không có tài cán gì.

3- Bất cập : sinh trong những tháng Tử, Tuyệt, Mộ : không dung hoà được với người ta; xử lý không minh bạch; lòng độc ác; ưa làm bậy.

4- Kim nhiều : có tín nghĩa nhưng bản tính cang cường táo bạo; xử trí không đại lượng.

5- Mộc nhiều : có chí lớn, nhưng lao tâm lao lực; thiếu tín nghiã; làm việc có chánh có tà; không bền chí.

6- Thuỷ nhiều : thích an nhàn; tham lam; ác độc; thiếu nghiã.

7- Hỏa nhiều : ưa bố thí; có chí hướng thiện; có khi ngu muội; ngoài miệng ưa nói lễ nghiã, nhưng khi hành sự không thiệt tình.

8- Thổ nhiều : cẩn thận; thủ tín; rộng lượng; tuy có chiêu thị phi nhưng thường làm việc chính đạo.

II- Theo Dụng thần :

Ngoài ngũ hành ra, Dụng thần thuộc THẦN nào cũng có ảnh hưởng tới tính tình:

Chánh ấn : nhân từ, đoan chính.
nếu Ấn quá nhiều : nhu nhược; không thể thành đại sự.

Thiên ấn : thông minh tinh xảo; làm việc có thứ tự;
nếu quá nhiều : tham lam thô bỉ.

Chánh quan : quang minh chính đại;
nếu quá nhiều : kiêu căng tự đắc.

Thiên quan (thất sát) : hào hiệp, hiếu thắng
nếu quá nhiều : yếu đuối.

Thương quan : anh minh; nhận xét kỹ lưỡng.
nếu quá nhiều : kiêu ngạo; vô lễ; tự tin thái quá.

Thực thần : ôn hoà đôn hậu;
nếu quá nhiều : cố chấp; làm việc không có thứ tự.

Tỷ : ổn định, bình hoà;
nếu quá nhiều : tính buồn tẻ; ít thích hợp với ai.

Kiếp : ngay thẳng;
nếu quá nhiều : thường làm bậy và ngu si.

Thiên tài : làm việc mau lẹ và khéo léo.
nếu quá nhiều : ưa chơi bời phóng đãng.

Chánh tài : cần kiệm lão thành;
nếu quá nhiều : vô năng; làm việc chậm chạp.

III- Theo cách cục :

Mộc cách (Khúc trực) : nhân hậu, từ thiện.
Kim cách (Tùng cách) : biết nhận xét; ưa làm việc nghiã.
Thuỷ cách (Nhuận hạ) : linh hoạt; có đầu óc hay.
Hoả cách (Viêm thượng) : hào hiệp; làm việc mau lẹ.

Tùng tài, tùng sát, tùng nhi cách : ôn lương, đôn hậu.
Tùng vượng, tùng cường cách : cang cường; khó tính.

Hoá khí ngũ cách (thiên can ngũ hợp) : trí óc cao xa; linh hoạt.

* * *

Để phán đoán tính cách tốt hay xấu của một mênh, những cách xét cục bộ như trên không đủ mà phải được phối hợp với nhau, và phối hợp cả với các Thần Sát nữa thì mới có được những kết luận toàn diện hơn.

I – TÍNH CÁCH TỐT

- Ấn tinh và thiên đức cùng cung : thành thật, hiền lành.
- Thiên đức, nguyệt đức được ấn tinh : hay làm việc ân đức.
- Thiên đức, nguyệt đức không bị phá : nam trung hiếu, nữ hiền lành.
- Nhật đức : tính cách từ thiện.

- Chính ấn nhiều : thông minh, ung dung tự tại, hiền từ (Ấn tinh tượng trưng cho học vấn -> thông minh; và là mẹ, nên bao giờ cũng hiền !).
- Tài, quan, ấn, thực đều có : có đức rất rõ.

- Mệnh nữ thân nhược : thuần túy mà ôn nhu, kính trọng cha mẹ, giúp chồng (theo quan niệm khổng giáo, nữ kê tác quái - hay nôm na là gà mái gáy - thân vượng quá thì xấu).

- Khôi canh : tính nghiêm, quả đoán, ưa sát phạt, hiếu kỳ, tiết tháo, thông minh, nhạy cảm.

- tứ trụ có tuất hợi : có tín ngưỡng. (có căn tu)
- Dần thân tị hợi sinh vượng : trong sáng, đẹp, ham tranh đấu.

- Bính gặp tân kim : tuy nghèo nhưng có đức.

- Giờ sinh gặp tướng tinh : mưu lược.

Nhắc lại : Tính cách của con người, theo ngũ hành đại để chia ra : mộc chủ về nhân đức; hỏa chủ về lễ độ; thổ chủ về tín; kim chủ về nghĩa; thủy chủ về trí. Chủ yếu là xem hành CAN NGÀY.

- Kim vượng : danh cao nghĩa trọng.
- kim nhiều : uy vũ cứng rắn, chí khí kiên cường, dám hy sinh vì nghĩa.
- Ất hợp canh sát (hoá kim) : (nam) hiền hòa, chan hòa với mọi người.

- Ất gặp canh (hoá kim) vượng, ngũ hành không bị xung phá : thường nhân nghĩa.
- Can ngày Kim, có thủy (là thương quan) : thông minh, hiếu thắng.
- Kim trắng thủy xanh (ý nói không bị hình, xung, khắc, hại) : thông minh hiển đạt.

- Mộc vượng : nhân từ; có lòng trắc ẩn.
- Can ngày Giáp mộc sinh vào tháng mùa xuân (dần, mão - tức mộc vượng) : ôn hòa hiền hậu.
- Đinh (can ngày) và nhâm hợp hóa Mộc : nhân từ, thông minh.
- Giáp ất thuận (theo chiều năm, tháng, ngày , giờ) : nhân từ đại lượng.

- Thủy vượng : người túc trí đa mưu.
- Thủy nhiều : thông minh khéo léo.
- Nhâm quý thủy thịnh : thông minh, trí tuệ.

- Thổ vượng : thủ tín,
- Giáp gặp kỷ (hoá thổ) mà sinh vượng : có lòng trung chính.

- Hỏa vượng : tính nóng; hùng biện,
- Hỏa mạnh, thổ táo : thích lễ nghĩa.

- Tứ trụ bình hòa : không đố kỵ.
- Ngũ hành tương sinh : trung hiếu.

- không vong gặp được sinh vượng : khoan thai hào phóng (KV ở đây nôm na là coi tất cả như pha !).
- Các can-chi của năm, tháng, ngày, giờ đều cùng trong một tuần (trong lục giáp) : tính vui, ít lo buồn.

- Quan vượng, mã vượng : khảng khái trong tình bạn.

- Mộc quan gặp chi năm là ngọ (tuổi ngọ) : thông minh phong nhã.

- Thực thần là hỷ dụng thần, hay thực thần cách : béo mập (nên dễ tính, ôn hoà, nẫn nại, có khoa ăn nói, dễ thân cận); thích hưởng thụ (ăn nhậu); thích ca hát, nhảy múa.
- Tháng có Thực thần là Thiên trù , toạ kiến lộc là Thiên trù lộc; thiên trù là "bếp trời" nên tượng trưng cho ăn nhậu, hưởng thụ (thiện ẩm); nếu Thân vượng thì đại phúc.
- Thực thần và văn xương cùng cung : hùng biện, thao thao bất tuyệt.

- Đinh hỏa thương quan : tính ngạo mạn, nhiều mưu.

- Trụ tháng có quan ấn : khảng khái (quan), thông minh, kiến thức cao (ấn), có công trong phò tá người khác (quan / tận tuỵ trong công việc, trọng tín nghĩa).

- Trụ có thiên tài : thanh cao, khảng khái.
- Trụ giờ có thiên tài : hay giúp người nghèo.
- Tài thấu ra (ở trên CAN) : khảng khái, hào phóng;
- tài tàng ẩn (trong địa chi) : nhỏ nhen, biển lận, keo kiệt;
- Tài vượng thân nhược : kẻ sĩ trung chính, hiền lành lộ rõ.
- Thiên quan là hỷ dụng thần hoặc Thiên quan cách : tính cách nghiêm nghị, uy nghiêm; tích cực tiến thủ; có khí phách (phù hợp với việc xông pha đi đầu, khai mở doanh nghiệp; nhưng thừơng thái quá, đa nghi.
- Sát có ấn : có uy
- Sát không có ấn : không có uy , nhát gan, nhưng đôn hậu, đa tình, đa sầu đa cảm; hòa nhã, dễ thân.

- Trong trụ hợp nhiều : tuy sơ nhưng thân (hoà hợp với mọi người; nhưng nữ mà như thế thì bị cho là dâm !).

II- TÍNH CÁCH XẤU

- Trụ năm, trụ tháng có quan, sát hỗn tạp : tiểu nhân.
- Quan, sát hỗn tạp, quan tinh bị hợp : vô tình.

- Quan, sát hỗn tạp, Thân nhược : khó có thể làm việc lớn (vậy không nên giao trọng trách); nếu Thân vượng thì không sao.

- Tứ trụ không có quan tinh : thích tự do, không chịu sự ràng buộc.(nói thêm : nữ như thế thì hoặc không có chồng, hoặc làm vợ lẻ; nhưng rồi cũng "tự do" đi / về một mình).
- Quan ấn ở đất hình xung : tính rối (quan tượng trưng cho sự chân chính; ấn tượng trưng cho thông minh, sáng suốt, mà cả hai bị phá hoại).

- Thất sát hiện rõ : tính nóng, lòng dạ ác.
- Thất sát đóng ở trụ ngày : tính nóng gấp, linh lợi thông minh khéo léo nhưng ác.
- Trụ có thiên quan : tính cứng, ít lễ độ, ham tửu sắc, đấu tranh.
  * Có thêm kình dương : thô bỉ, gian lận.
- thất sát, kiêu thần nặng : tha phương cầu thực.
- Tứ trụ chỉ có một ngôi thất sát (và không có Chính quan): quí, thông minh, linh lợi;
- Tứ trụ có hai ba ngôi thất sát (hay chính quan): ban đầu trong sau đục; nhu nhược, dễ xúc động. (nhiều thì luôn luôn xấu).
- Thiên quan không bị chế ngự : tiểu nhân, không biết điều, thô bạo.
- Thiên quan bị chế sát thái quá : (mất đi cái quý), đầu siêng sau lười; hành động không nhất định; hay cãi vã.
- Thất sát gặp kình dương : lỗ mạng, cứng rắn, hiếu sát, giàu không bền.

- Có Thiên ấn : làm việc có đầu, không có đuôi, thích làm việc phi pháp, bề ngoài nhã nhặn nhưng bên trong hiểm độc.
- Trong trụ gặp kiêu thần : không nhân nghĩa.
- Thiên ấn (Kiêu), kiếp, kình dương : lòng lang dạ thú, xa rời tổ tiên, xanh vỏ đỏ lòng, vô ý thức.
- Thiên ấn, tài lộ rõ : coi thường tiền của, thích nghệ thuật, ưa nịnh, hay thị phi cãi cọ, ham tửu sắc.
- Kiêu nhiều, thương nhiều : hay gây chuyện thị phi, dèm pha.
- Kiêu, thực đều gặp : do dự, hành động rụt rè, đầu voi đuôi chuột.

- Ấn lộ rõ : thông minh,
- Chính ấn lẫn với thực thần : không có khoa ăn nói .
- Ấn thụ bị hình xung : lòng rối loạn.
- Ấn vượng thân mạnh : hay rượu chè (thân đã vượng còn được đế thêm là xấu).
- ấn hưu tù : lười biếng.

- Kiếp tài (bại tài) : lòng dạ thay đổi, tham lam.
- Tứ trụ có tỉ kiếp : nhát gan, tính không thuần, không nhận ra sai sót.
- Kiếp tài, kình dương đứng ở hai đầu : bề ngoài màu mè nhưng bên trong rỗng tuếch.

- Tứ trụ có thương quan : phần nhiều tính kiêu ngạo; nhiều tài nghệ, thích làm to, bị bậc quan không ưa, tiểu nhân thì đố kị.
- Thương quan mà không có tài, lại có kình dương : gian dối.
- thương quan gặp quan : tính giả dối, gian xảo.

- Trụ có thực thần : hiếu thắng,
  * có cả sát : làm việc tỉ mỉ.
- Thực thần bị chế ngự : hay bị khuất phục, không tự lập.
- Thực thần thái quá : tửu sắc, phóng túng; ba hoa; dễ bị vạ miệng.

- Tài tinh bị can ngày hợp làm cho suy : bên ngoài hớn hở mà bên trong gian trá.
- Tài nhiều thân nhược : (nam) sợ vợ; dễ bị xúi dục.
- Tài tinh nặng quá : cô đơn, khắc người khác.
- Tài tinh lấn kiếm (tức có Kim của canh, tân, thân, dậu), Thân nhược : bên ngoài thơn thớt, bên trong đối trá (đầu môi chót lưỡi).

§§§§

- Hoa cái gặp không vong : hà khắc, bất cận nhân tình; (người có hoa cái thường cô độc).

- Dương mộc, kim nhiều mà không có hỏa chế ngự : tính cương bạo, hung ác.
- Giáp mộc suy gặp kim vượng : không có nhân nghĩa.
- Kim mộc giao xen nhau hình phạt nhau : không có nhân nghĩa.
- Canh tân và giáp ất xen kẽ : bất nhân bất nghĩa.
  (tất cả 4 cas trên đây : vì mộc chủ về nhân mà bị suy, bị khắc).

- Thủy nhiều, mộc ít, thân lại nhược : lênh đênh phiêu bạt khắp nơi (thuỷ chỉ sự lênh đênh, Thủy nhiều mộc bị trôi dạt).
- Thủy chủ về trí, nếu bị thổ hỗn tạp : ngu (ngốc, đần), lỗ mãng.

- Mậu, kỉ nhiều : kỹ tính, nhỏ nhen không khoáng đạt. (thái quá)
- Thổ gặp ngôi mão (bị khắc) : mới ở tuổi trung niên đã có nhiều việc hối hận.

- Bính đinh đóng ở ngọ mà không bị kiềm chế (không có thuỷ) : không tôn trọng lễ phép, tính hung bạo, hoang huỷ (vì hoả chủ lễ - tiết độ, nhưng hoả thái quá thì ngược lại).

- Kim gặp hỏa (bị khắc) : tuy lúc thiếu thời mạnh mẽ nhưng về sau nhụt chí dần.(vì hoả luyện kim; khi kim khoẻ thì nó luyện, Kim già yếu - về già - thì nó khắc).

- Năm khắc ngày : hay bị người trên lăng mạ) theo tôn ti gốc của mệnh , cha mẹ,
- ngày khắc năm : hay phạm thượng.) tổ tiên, tức người trên / và TA

- Trụ ngày yếu, thủy hỏa tương tranh : hay chuốc lấy thị phi.
- Trụ ngày quá yếu : buồn nhiều vui ít.
- Trụ ngày gặp đất tử tuyệt : ngu xuẩn, cố chấp.
- Ngày, giờ ở mộ kho : lo buồn nhiều, vui ít.

- Kình dương, đào hoa ở ngày, giờ : tính khéo léo (nhờ đào hoa), nếu vượng là người tính nóng vội, suy là người tính chậm.
- Kình dương bị thương quan xung chiến : hung ác, bất hòa với xung quanh.

- Trụ có kình dương : liều, to gan, cương nghị quả cảm, không có lòng trắc ẩn; oán lại ân nhân, tính thô bạo mà tham; râu dài, mắt lồi, tính nóng, hùng hổ, ưa giao du với người ác.

- Khôi canh lẫn sát : bình sinh tính ngạo mạn cang cường.
- Một ngôi khôi canh đóng trên trụ ngày, bị xung nhiều : tiểu nhân.

- Dương thủy (can ngày nhâm ?) gặp mậu thổ (là Sát): tính nóng như hổ, thường bất bình, thích đấu tranh.

- Vong thần, tỉ kiếp trùng lặp : khẩu phật tâm xà.
- Vong thần có thêm sát : đồ trộm cướp.

- Mão-thìn, ngọ-sửu sinh vượng : hiếu thắng, hay tự ái. (địa chi tương hại)
- Tí ngọ đối xung (qua trụ ngày ?) : không có con đức độ (trụ giờ là cung con cái, cháu xung lại ông bà, cố chú bác là ... mất dạy – theo đạo đức Á đông).

- Can chi hình, khắc, hợp : vui biến thành buồn.
- Tí mão tương hình nhau : không đức độ.
- Trong trụ nhiều hình (phạt) : không có nghĩa.

- Đào hoa lẫn hợp : phong lưu nho nhã; dâm (ong bướm dập diù / nữ rất kỵ);
- Lục hợp nhiều : vong ân bội nghĩa.
- Hợp nhiều quá : có tình nhưng không có chí lớn.
- Quý hợp với mậu : hợp vô tình.

- Trạch mã vô cương (ngựa bị xung thì chạy lung tung) : làm khách của bốn phương; lưu lạc tha phương.
- Mã nhiều lộc ít : bôn ba, dối trá.
- Mã rơi vào không vong : tính nóng, ác.

- Tứ trụ thuần dương : tính cương mà bạo,
- Tứ trụ thuần âm : tính nhu.
- Tứ trụ quân bình : tính ôn hoà;

- Ngũ hành làm thương tổn lẫn nhau : bất nhân bất nghĩa.
- Ngũ hành thái quá : thái quá thì dễ gãy; lòng bất chính, lưu manh.
- Ngũ hành vượng quá : hay hành động vô lễ; không hàm dưỡng

§§§§

Ngoài ra, khoa Tứ trụ cũng từ những tương quan giữa đương số với lục thân mà rút ra những kết luận giúp ta hiểu rõ thêm về người ấy một cách toàn diện hơn.

- Nam:
  - tài mạnh, kiếp mạnh : vợ có dục vọng riêng (Tài mạnh : vợ xỏ mũi chồng ; Kiếp mạnh : bạn bè, đồng nghiệp, người khác chiếm thượng phong trên anh chồng, nên ...).

- gặp thương quan, kình dương, thất sát : sứt mẻ tình cảm với anh em hoặc bạn bè.
- Thất sát đóng ở trụ ngày : có vợ ác (Chi ngày là vợ, mà là bà thất sát : bị vợ khắc chế).

- Mệnh nữ :
  - thân mạnh (không ngán Quan) : hay lừa chồng, không hiếu kính cha chồng, nhiều thị phi, tính nóng.
  - ấn bị thương : đố kị cha chồng.
  - thương quan đóng ở trụ ngày : hay chửi chồng; bắt nạt chồng.
  - gặp tỉ kiếp : chị em khó hợp, hay tranh cãi, điêu ngoa (tỷ kiếp tượng trưng cho sự tranh dành).
  - đào hoa lẫn thất sát : đa dâm.
  - không có quan tinh : không có chồng, tự do (nếu có chỉ là vợ bé hoặc tì thiếp, trên đây đã có nói).

***

Về tính cách con người, thiện ác, tốt xấu, xanh vỏ đỏ lòng, ngoài khiêm tốn, trong kiêu ngạo… những điều đã nêu ra ở trên khá ứng nghiệm.

HẾT

Chương 15
XEM TRẺ EM

Ngày xưa, điều kiện khoa học và vệ sinh còn sơ khai, trong việc theo dõi người mẹ lúc mang thai, hay khi sinh, hoặc sau khi sinh không có việc chủng ngừa bệnh tật và nuôi dưỡng tốt, nên trẻ em rất dễ bị tử vong hoặc những tai hoạ khác. Do đó người ta chỉ cầu nơi trời, phật, may rủi, hay tin vào phước đức ông bà v..v..

Vì thế mà xem mệnh cho trẻ em đã được người ta thêm thắt các thần sát đặc biệt xem cho trẻ em, gọi là các "tiểu nhi quan sát" (cũng như ở thôn quê chúng ta còn nghe : thằng bé nọ *"bị quan sát chụp"* …, khá nhảm nhí, nên chúng ta không nên đi sâu vào làm gì. Có ích gì khi biết đứa bé hay khóc đêm , hay đái dầm !!

Chúng ta chỉ giữ lại những gì còn có tính lý luận, căn cứ trên ngũ hành, âm dương,…
Nói chung, khi đoán vận thì dựa vào đại vận và luận các đại vận so với dụng thần ; nhưng khi trẻ em chưa vào đại vận thì làm thế nào ?

Trong trường hợp đó, người ta dùng Tiểu vận, tức là vận từng năm theo Can-Chi ảo.
Thường thì sau khi sinh con, cha mẹ, ông bà muốn biết nó sẽ :

- dễ nuôi hay khó nuôi ;
- thọ, yểu ; nếu thọ thì khi vào đại vận ta xem nó như một mệnh bình thường (*);
- có khắc cha mẹ hay không ; đứa bé khắc cha mẹ mạnh thường mồ côi hay làm con nuôi.
- nếu không yểu mệnh thì tiền đồ nó như thế nào ? (vậy là xem mệnh bình thường rồi, không phải cho con nít nữa).

(*) dù có vào đại vận mà ở tuổi vị thành niên thì cũng nên chú ý xem như mệnh trẻ em.

Cách luận theo Tiểu vận thì cũng căn cứ vào dụng thần.

Trẻ em cũng là 1 con người, do đó ngoài hành vận lúc bé thơ thì các lãnh vực khác cũng giống như các lãnh vực mà ta đã biết. Do đó chúng ta chỉ chú trọng đến thời gian trước khi vào đại vận mà thôi, chú trọng luận kết hợp lưu niên, tiểu vận. Những khiá cạnh khác nếu có đề cập cũng chỉ khái quát.

Khái quát thì trẻ em sinh ra nếu can ngày có khí, được lệnh tháng sinh phù, trụ năm (cha mẹ) tốt, ấn tinh (cha mẹ) không bị thương tổn, tài quan có chế ngự, thất sát được hóa giải, thương quan có hợp khí trung hòa, không gặp hình xung khắc hại thì tốt, em bé đó dễ nuôi và sống lâu.

(*bạn có thể tham chiếu mục này để xem mệnh của 1 tứ trụ, nhất là thời thơ ấu của họ).*

Thành thực mà nói, có rất nhiều mục dưới đây tôi cho là nhảm nhí, bạn nên giữ lại phần nào có tính lý luận mà thôi (theo chủ quan của tôi thì các giòng có dấu * ở đầu câu).

tứ trụ có tài, quan : đứa con sinh ở nhà giàu sang ;
tứ trụ có thiên quan : đứa con sinh ở nhà bình thường.

* tứ trụ có năm, tháng là tài quan, ấn thụ : đứa bé sinh ở nhà phú quý.

* tứ trụ có năm, tháng là thương quan, kiếp tài : đứa con sinh ở nhà nghèo hèn.
(vì trụ năm , tháng là Cung cha mẹ cuả đương số).

* Thai nguyên (tháng thụ thai) có Thiên ất quí nhân (QN) thì người đó có âm phúc;
* Thai nguyên có Lộc là sinh vào nhà giàu sang.
* nên để ý trong 4T có các cát thần như Thiên ất quí nhân ; hay Thiên đức, Nguyệt đức hay không ; nếu có thì thường gặp hung hoá cát ;

Sinh vào ngày, giờ giáp ất : mặt có ấn đường rộng, mắt có thần, nhân trung dài, lông mày đẹp.

Sinh vào ngày giờ bính, đinh : mắt to, râu dài, trán hẹp, tuổi trẻ nhiều bệnh hoạn.

Sinh vào ngày giờ mậu, kỉ : đầu to, trán rộng,

Sinh vào ngày giờ canh : mặt vuông, trán rộng.

Sinh vào ngày giờ tân : mắt phượng, tai chầu miệng, có dái tai to.

Sinh vào ngày giờ nhâm, quý : mắt to, ham rượu, tính liều.

* Mệnh mộc sinh vào mùa xuân, mệnh hỏa, thổ sinh vào hạ, mệnh kim sinh mùa thu, mệnh thủy sinh mùa đông là được mùa sinh (đắc thời) thì khoẻ mạnh, thông minh, tuấn tú, dễ nuôi.

Trong tứ trụ dần, sửu hoặc tuất, hợi nhiều là người chân to, chân nhỏ.

Tứ trụ có ba, bốn chữ mão hoặc chữ thìn là người thuận tay trái.

* Tứ trụ tài nhiều thì sẽ khắc cha mẹ (Ấn); lúc sinh ra mẹ đẻ khó; hoặc làm con nuôi; khó có con.
* Tứ trụ có thiên tài, thiên quan, thiên ấn : là con nuôi, nếu không thì cũng là con thứ 3, thứ tư về cuối.
* Trong trụ mẹ (Ấn) sáng, cha (Thiên tài) mờ : phần nhiều là con vô thừa nhận;
* Thân không có nơi nương tựa (không có TTài/cha, Ấn/mẹ, Tỷ Kiếp/anh chị em) : là con nuôi.
* Năm, tháng tương xung : nếu không phải là con nuôi thì cũng là con đỡ đầu.
* Năm, tháng thương quan, kiếp tài : đứa con sinh ra ở nhà nghèo, hoặc con nuôi.

* Trụ năm làm thương tổn can ngày : cha và con không thân nhau.
* Thực gặp kiêu : trẻ con gặp phải thì đói sữa; (người lớn gặp phải thì thiếu ăn) vì Kiêu đoạt Thực - mất cái ăn không đủ ăn.
* Trẻ em (hay bất cứ ai) *thân nhược lại gặp sát vượng* : không chết cũng tàn phế. Vdb102
* Trong trụ có thìn, tuất, sửu, mùi là khắc cha mẹ : thìn tuất khắc cha ; sửu mùi khắc mẹ.

* Giờ sinh ở thìn, tuất, sửu, mùi : phần nhiều là con nuôi ;
nếu lại gặp không vong : đó là con nuôi.

* Trong trụ tị, ngọ nhiều : trước năm 18, 19 tuổi phải đề phòng khắc cha mẹ.
* Trong trụ quan sát hỗn tạp, lại còn có tam hình, không có tài tinh : đứa con hoang (vô thừa nhận).
* Trong trụ có tam sát, tam hợp : bản thân không những là con nuôi mà con cháu cũng sẽ có đứa là con nuôi.
* Trong trụ có tam hợp, tam kỳ : người đẹp mà béo, nếu không là con nuôi thì cũng con riêng của mẹ (ý nói mẹ có hơn 1 đời chồng, có hơn 1 giòng con).
* Quan, ấn gặp thiên quan : là con nuôi.
* Trong tứ trụ có song thìn giáp góc : là đứa con nuôi.
* Trụ ngày lâm tử tuyệt : trước 7 tuổi bệnh nhiều, sau 7 tuổi mới đỡ.

* Giờ sinh ở thìn, tuất, sửu, mùi : phần nhiều là con nuôi. (lặp lại ở đây để chú trọng trụ giờ).
* Giờ sinh gặp tang môn : mẹ khó đẻ, hoặc lúc có thai mẹ bị nhiều bệnh.
* Trụ giờ phạm không vong : khắc cha mẹ,
* Hoa cái nếu ở trụ giờ và thai nguyên : là con nuôi.

Nhắc lại : 4T có Hoa cái *nếu xấu* thì đi tu, phiêu bạt giang hồ, hoặc cô quả.
Nếu hoa cái gặp tử, tuyệt, tuần không, phá hoặc tứ trụ tổ hợp không tốt thì tốt nhất là nhờ một hòa thượng hoặc người theo đạo làm thầy, năng lui tới chỗ chùa chiền thì trẻ dễ nuôi, lớn lên ít bệnh tật; nếu không, trước 24 tuổi không tai họa liên miên thì cũng là luôn gặp việc xấu, còn hay bị những bệnh lạ, thậm chí khó qua. Nếu vượt qua tuổi 24, có người suốt đời trắc trở, cô đơn. Thời bé thường bất hiếu với cha mẹ, lười học, hay cãi vã; có đứa tù tội; có đứa bệnh tật liên miên… nhưng sau khi thành tâm sửa chữa có thể sẽ tốt, học giỏi, có tài.

* Nạp âm Giờ sinh của trẻ em khắc nạp âm năm : phải đề phòng chết yểu lúc chưa đầy tháng.
* Nếu thân vượng , 4T nhiều Tỷ Kiếp, và lại có kình dương thì rất xấu, nhất là nếu KD hay Lộc trên lệnh tháng. Nếu 4T lại không có Quan Sát, Thương Thực để chế áp bớt thì mệnh cục thiếu mất 2 hành nên *"thiên khô"*, do đó rất khó nuôi, dễ chết yểu; Sau này có lớn lên thì đời nó cũng toàn gập ghềnh, bất trắc , tai hoạ, thương tật, phạm pháp (chẳng hạn thuộc xã hội đen, đâm thuê chém mướn, vào tù ra khám).
* Trụ giờ gặp thai, mộ, tuyệt, hay tuần không : nếu không phải là sinh đôi tức do mẹ mình sinh ra thì là con nuôi.
* Trụ giờ bính đinh nhiều, bị khắc, xung phá : chết yểu (gọi là đầu gáo chân hương).

* Mão dậu đóng ở trụ giờ : mắt to hoặc lé, bình thường hay lêu lổng chơi bời, thích xa rời cha mẹ. Nếu trong trụ có hình khắc thì có thể chột mắt.

* Trong trụ có kim thủy : chậm biết nói,

* Trong trụ có mộc : sớm biết nói.

Các bạn có thể tìm các thí dụ cụ thể rải rác trong các chương, đặc biệt về bệnh hoạ. Ví dụ :

mệnh một ông Đề đốc : cô nhi;

em bé bị tai nạn ở đầu;

em bé bị tê liệt;

gãy tay chân.

* * *

Chương 15
CÁCH GIẢI NẠN
(HƯỚNG ĐẾN ĐIỀU TỐT, TRÁNH XA CÁI XẤU)

giải thích về hoá giải
hoá giải cho mệnh nữ
tu hành
đặt tên
con cái khắc cha mẹ
các ví dụ :
khắc cha
con cái
hôn nhân

---

1) Giải thích về hoá giải :

Mục đích của dự đoán không chỉ ở chỗ đoán ra những tai hoạ bất ngờ, mà quan trọng hơn hết là ở chỗ hoá giải các tai hoạ đó.

- Hoá tức là gặp hung hoá cát. Khi gặp hung mà trong mệnh cục có cái hoá mất cái hung thì đó chính là có cứu, tức tự nhiên gặp cứu.

- Khi gặp hung mà không có cứu hoặc cứu được mình mà không cứu được người nhà thì nên hoá giải. Giải tức là giải nạn.

Xưa nay dự đoán thì chỉ có đoán chứ không giải. Sở dĩ như thế là vì lẽ : có điều nói được, có điều không tiện nói thẳng. Điều này không phải cố làm thế cho có vẻ huyền bí, mà thực ra là vì sự lý giải đối với nhiều người cần có một quá trình tiếp thu:

Đầu tiên từ trong ngũ hành của tứ trụ đã có thể thấy rõ hành nào không lợi cho ngươi đó, nếu y lại cứ đi tìm sự phát triển ở những phương vị kị thì chắc chắn là tự chuốc lấy thất bại. Còn đi đến phương có lợi có thể bổ cứu cho chỗ ngũ hành còn thiếu, đồng thời phát huy cao độ sự phấn đấu của bản thân thì tốt ra là tiền đồ rộng mở, không tốt cũng được bình an.

Thứ nữa là từ trên ngũ hành có thể thấy rõ thiếu cái gì để qua đặt tên, qua hôn nhân mà tìm ra biện pháp bổ khuyết. Trong họ, tên có thể bổ sung ngũ hành đang khuyết ; nếu theo số nét chữ của tên và họ để chọn được số nét tốt thì cũng hay. Đó là một loại thông tin để hướng đến cái tốt.

Ví dụ với một người dương cứng, chính trực thì khí âm sẽ co lại , nhưng cứng quá thì dễ gãy; cho nên người này phải hiền lành, làm việc thiện . Đúng với câu " Ai tích thiện thì nhiều điều vui, ai tích ác thì nhiều tai vạ". Làm nhiều điều thiện để âm đức lại cho đời sau, làm nhiều điều ác, đời này chưa báo, đời sau phải trả. Vậy làm điều thiện, tích đức cũng là một cách giải nạn.

Nhưng phải thấy rằng nạn có cái giải được, có cái không giải được.

Chẳng hạn như vấn đề hôn nhân, nó rất hiện thực mà cũng rất đau đầu: Nếu tuổi 2 vợ chồng là lục xung thì giữa vợ chồng là không lợi, tính khắc của nó tùy theo vận khí mà tăng giảm, qua dự đoán có thể thấy khi nào thì nên ly hôn hay không.

Song cuộc sống thực tế rất phức tạp, không phải có thể tiếp thu điều đó một cách tùy tiện. Cho nên có thể nói sự việc ra sao là do con người làm. Có một số cặp vợ chồng khí trường giữa họ không thống nhất, ban đầu chưa đến nước phải ly hôn, nhưng các hậu vận lại biểu hiện rõ thông tin chia tay vì tính khắc rất mạnh : Trường hợp này nên tạo một chuyến đi chơi xa (nhưng phải chú ý không đi về phương không lợi, tức phiá trong mệnh xẩy ra tương xung) cho qua thời điểm tương xung. Trường hợp không ly hôn thì sẽ tử biệt thì nên giải quyết bằng ly hôn để giữ được tính mạng.

2) giải pháp cho sự mạnh yếu của mệnh Nữ

Dương cương, âm nhu, đó là bản tính của âm dương. Nam thuộc dương, nữ thuộc âm cũng phải thuận theo lẽ đó. Trong gia đình , giữa vợ chồng âm dương không cân bằng thì dễ có chuyện. Xã hội ngày nay hiện tượng âm thịnh dương suy trong các gia đình chiếm một tỉ lệ nhất định. Nếu người nữ làm chủ trong nhà vừa chuyên quyền độc đoán, lấn át chồng khiến chồng không ngẩng đầu lên được thì gia đình đó chắc chắn sẽ không hưng vượng. Tục ngữ có câu : "Nam ác hay kiện tụng, nữ ác thì bần cùng" là đạo lí đó. Cho dù ngày nay chủ trương nam nữ bình đẳng, song nữ vẫn không thể để mất đi bản tính nhu dịu của mình.

Trong cách cục của tứ trụ, nếu nữ Thân nhược mà có tài quan, vì không phải là chủ nhà nên gia đình yên ổn. Ngược lại, nếu mệnh nữ cương cứng (Thân quá vượng) tất khắc chồng, bại gia. Sự khắc này có nghĩa là không lợi chứ không phải là dẫn đến chết người. Không lợi ở đây là không lợi cho nhà chồng, cho tiền đồ, sức khoẻ của chồng.

Trong tứ trụ của nữ có : thương quan, ngang vai, kiếp tài, kình dương, chi ngày (cung chồng) bị xung khắc đều là tiêu chí thông tin không lợi cho hôn nhân. Khi gặp quan vận, sát vận, thương vận, tỉ kiếp vận và là kị vận thì sự hình khắc càng nặng.

Tuy nhiên, Tứ trụ của người nữ cho dù là vượng hoặc có những thông tin không lợi cho chồng, song chỉ cần tự điều chỉnh thì sẽ giữ được tình cảm với chồng và sự trọn vẹn của gia đình . Nếu mệnh bất lợi cho hôn nhân thì nên biết lựa chọn thời điểm kết hôn :

- Người thân vượng : nên tránh vận tỉ kiếp;
- người thân nhược : nên tránh các vận quan, sát, thương;

vậy kết hôn muộn (đợi cho qua các vận đó) thì có thể giảm được sự đau khổ do hôn nhân.

3) Giải pháp tu hành

Cuộc sống vật chất của con người ngày càng nâng cao nên nhu cầu về cuộc sống tinh thần cũng ngày càng phong phú. Tôn giáo nào, ngoài các tà giáo ra, cũng khuyên người làm việc thiện, làm việc tốt. Sự tín ngưỡng như thế có lợi cho đoàn kết, có ích, chứ không có hại cho xã hội. Cho nên ta không ngạc nhiên khi hiện tượng tôn giáo ngày càng hưng thịnh.

Trong dự đoán mệnh vận, rất nhiều người khi gặp nguy có cứu là nhờ có thờ phụng tổ tiên, thờ phật, hay chúa tùy theo tôn giáo của mình, hay làm việc thiện (cứu giúp người cùng khổ, bệnh tật, hoạn nạn…) nên khi gặp hung hoá cát, được sống lâu (chắc bạn còn nhớ Mộc chủ nhân, khúc trực nhân thọ cách v..v.. ?). Ngày càng nhiều người cảm thấy tích đức, làm việc thiện mang lại điều tốt, do đó mà tự nguyện tín ngưỡng. Người người có từ tâm thì sự tàn sát lẫn nhau giữa con người sẽ giảm đi.

4) Giải pháp đặt tên cho con.

Ở thôn quê trước đây người ta có tập tục đặt tên xấu, hoặc tìm cha mẹ nuôi cho con, hay xin con nuôi vì sinh mấy lần liền con đều mất ; lần sau đặt tên xấu (như đặt tên con là chó, là mèo, hay thứ dơ bẩn) thì nuôi được, vì họ quan niệm những thứ dơ bẩn ma quỉ không dám dây vào, hiện tượng này gặp khá nhiều.

Có người sau khi xin con nuôi thì sau đó sinh con nuôi được ;
Có em bé xem mệnh thấy tính khắc cha mẹ rất mạnh, phải tạm nhờ người khác nuôi để bảo vệ cho cha mẹ.
Có nhà không muốn cho người khác nuôi thì bắt con gọi cha mẹ là dượng hoặc chú, bác, để giảm nhẹ sự khắc đối với cha mẹ đẻ.

Mục đích đều mong có lợi cho cha mẹ và con. Những điều này đều có liên quan với mệnh lý và cũng có cái lý rất sâu về khoa học, đang cần được nghiên cứu tiếp.

Điều này cũng giống như khi đặt tên, hoặc kết hôn *(xem phụ lục « phối hôn » cũng có bàn về giải hoạ)*, người ta tìm cách bổ cứu ngũ hành bị thiếu. Đây là sức sống của các trường phái ứng dụng "Chu dịch", nhất là phái dự đóan mệnh vận và tìm cách cải thiện mệnh vận.

Về việc đặt tên, ý nghĩa mà tên đó tượng trưng có thể được kiểm nghiệm qua nghề nghiệp, sự nghiệp của từng người. Ví dụ :

- Các võ sư, người làm nghề quyền thuật, trong tên thường có các chữ như cương, phong, cường…
- Người làm văn nghiệp trong tên thường đệm các chữ có ý nghĩa cao xa…
- Những người ở địa vị cao của nhà nước hay về quân sự , tên của họ thường có những chữ mang khí phách người lãnh đạo. Ví dụ Trần quốc Tuấn hay Hưng Đạo ; Minh Mạng ; Võ nguyên Giáp (họ là Võ, nguyên là lớn , đầu tiên, bao trùm, như nguyên soái ; Giáp là thiên can đứng đầu 10 Can, hay là khôi giáp ; vì thế ông đã là tổng tư lệnh quân đội).

Nhưng cũng có những bậc bố mẹ mong con thành đạt thật cao, không tự lượng sức, đặt cho con mình những tên hay quá mức, không xứng với mệnh, nên ngược lại làm thương tổn nguyên khí, đưa đến tai nạn : Có người đặt tên của các danh nhân nhưng lại chết yểu. Vậy nên nhớ là việc đặt tên là điều nghiêm túc.

Không những qua tên có thể thấy được những thông tin có liên quan với nghề nghiệp, sự nghiệp, mà số nét chữ của tên cũng có chứa thông tin. Nhưng không phải là đối tượng nghiên cứu ở đây (*chỉ thích hợp cho chữ Hán, và phương pháp chiết tự*).

Việc đặt tên rất quan trọng. Có những người nữ mà qua tên ta biết đó là người sắt đá, thì hôn nhân thường bất lợi (vì trong tên đó đã hàm chứa thông tin này). Cho nên đặt tên có thể bổ khuyết cho ngũ hành đang thiếu để giải cứu cho mệnh. Rất nhiều người về sau được thành đạt , dù mệnh của họ có ngũ hành bất quân bình nghiêm trọng, đều nhờ cha mẹ lúc họ còn bé đã đi coi mệnh cho, và được minh sư chỉ dẫn cách bổ cứu qua đặt tên ; nếu không thì chắc chắn đã phải trải qua rất nhiều gian lao, vất vả, hay tù tội, tật nguyền ...

Đó là một trong những phương pháp rất quan trọng để làm cho mệnh cục bệnh nặng có được thuốc tốt.

5) Tứ trụ của một người có thông tin khắc cha mẹ thì dùng biện pháp gì để hoá giải được?

Căn cứ tổng kết các tứ trụ, phàm những người con có tính khắc mạnh mẽ, nói chung là người ấy có tài, sau khi lớn lên không làm quan to thì cũng là người phú quý giàu sang. Do đó cách giải phải căn cứ vào tính khắc to hay nhỏ mà quyết định. Đối với những người con có tính khắc mạnh thì nên đưa lên chùa để cho những người tu hành nuôi dưỡng. Cũng có người lại nhờ người khác nuôi dưỡng, có người gửi bên ông bà ngoại, có người phải tìm bố mẹ nuôi. Có người từ nhỏ đã phải nhờ các nhà sư làm thầy, như thế sẽ có lợi cho cha mẹ.

Đối với những trẻ em bị cha mẹ khắc cũng làm như thế thì cha mẹ mới vẹn toàn và cũng không bị mất con.

Nếu không dùng cách giải cứu đó thì hoặc cha mẹ không song toàn, hoặc không bảo đảm được con cái. Cho nên xưa nay có không ít những danh nhân hay người giàu ban đầu được lớn lên từ trong chùa, đến khi học được văn võ song toàn sau đó mới ra đời lập nghiệp.

Những Ví dụ về hoá giải :

1) Khắc cha : có một ông họ Hoàng (ở Trung quốc) kể : anh em ông ta có tất cả 9 người. Sau lúc sinh ông, xem mệnh thì thấy ông khắc cha rất nặng nên gia đình đã gửi ông cho người khác nuôi. Về sau không những cha ông không bị khắc mà còn được làm tướng, năm 1949 Tưởng thua Mao, ông ta đã sang Đài Loan. Vì ông ta khắc cha, nên lúc đi ông đã không được cha mang theo. Đến nay cha ông vẫn còn khoẻ mạnh.

- Thực tế chứng minh rằng một người trong *tứ trụ có tiêu chí thông tin khắc cha mẹ, nếu sống xa cha mẹ thì có thể tránh được sự xung khắc đó.*

- **(hoặc khắc con, khắc vợ** cũng thế).

Vì sao lúc sống xa nhau lại có thể tránh được sự xung khắc đó ? Vì sự sinh, khắc giữa con người với nhau đều là khí âm dương ngũ hành gây ra. Nếu hai người xung khắc nhau thường ở cạnh nhau thì người bị khắc sẽ bị tai hoạ. Nếu cách xa nhau, lực khắc sẽ giảm yếu, nên người bị khắc được bình yên vô sự. Điều này cũng giống như kim loại và

các chất hoá học để cạnh nhau, khi đó các chất hoá học sẽ khuếch tán vào không khí làm cho kim loại bị rỉ. Còn nếu đặt xa nhau thì sẽ tránh được hiện tượng đó.

2) Hoá giải về con cái :

2.1) Hai thí dụ sau đây, tuy là để giải hoạ cho con cái*, nhưng việc xác định nguyên nhân phải dùng dự đoán bằng bát quái (xin xem "Tôi học Dự Đoán bằng Bát Quái cùng 1 tác giả)*. Còn 4t thì chỉ cho biết con cái tốt xấu mà thôi. Vậy biết tổng hợp nhiều phương pháp là một ưu điểm.

a) Tháng 8- 1987 có một chuyên gia người Mỹ gốc Hoa con trai đã hơn 10 tuổi nhưng tứ chi hoạt động rất khó khăn. Ông không tiếc tiền đi nhiều nước trên thế giới để tìm thầy chữa, nhưng không có hiệu quả. Về sau, tìm đến TVH. Ông này dùng bát quái xem mồ mã tổ tiên của người xin đoán, rồi đoán : Phần mộ của nhà ông trên đó có 1 cái hốc, *nước chảy qua đó tưới thẳng vào mộ*, nên nhanh về sửa sang lại. Nghe xong ông ta vô cùng kinh ngạc nói : Đúng, năm ngoái tôi nhận được thư nhà từ Đài Loan gửi đến nói : " Mộ tổ có một cái hang, yêu cầu tôi trở về Đài Loan để sửa".

b) Tháng 5- 1991- TVH đoán cho một người bạn, phát hiện thấy *mộ nhà ông ấy, ở bên cạnh một rãnh nước, nước chảy thẳng vào mộ*. Sau khi nghe thế, ông ta hỏi : như thế thì có hại gì ? Trả lời : điều đó không có lợi cho đời sau. Ông ta liền hoảng hốt kêu to: Đúng ! Chẳng trách gì con tôi bị bệnh, nằm trên giường nhiều năm mà không khỏi.

2.2) Về việc MỆNH có con cái không vượng, hoặc bị khắc, hoặc không lợi cho con cái khi chúng trưởng thành (không thành đạt), chỉ cần đoán để biết trước, rồi sau đó mới chọn lúc để có thai; hoặc sau khi sinh con lập tức dự đoán ngay thì có thể hóa giải khỏi tai nạn đó. Ví dụ : có những em bé trong tứ trụ ngũ hành không đầy đủ, hoặc có 1 hành nào đó mạnh quá, sau khi dự đoán biết được, khi đặt tên có thể thêm vào tên những chữ mang hành nó thiếu để bù đắp, nếu chờ khi đã lớn tuổi mới đổi tên thì rất phiền phức, chẳng hạn :

- thiếu hành hỏa thì trong tên cho thêm chữ " hỏa", hoặc những chữ bên cạnh có chữ " hỏa";
- thiếu hành kim thì thêm chữ kim;

Người bệnh có khi phải dùng thuốc rất lâu (trường phục), mệnh bệnh vì thiếu ngũ hành thì đặt tên có hành đặt tên có hành đó cũng như phục thuốc suốt đời cho mệnh (y mệnh).

Những hành cho thêm không những có thể giúp vượt tránh được tai họa mà còn có lợi cho cả đời. Cho nên không phải cứ hễ thấy trong tứ trụ có tai họa, tổ hợp không tốt thì sợ hãi và lo không có cách gì tránh được, như thế là không nên.

3) Hoá giải những tai hoạ về hôn nhân :

Trong chương Hôn nhân, mục 2 và mục 3 đều nói về những tiêu chí thông tin và các sự việc khắc vợ, khắc chồng. Hoạ khắc vợ, khắc chồng là điều mọi người rất quan

tâm. Nhưng tai họa đó có thể hóa giải được không ? Điều đó phải xem hoàn cảnh cụ thể của người ấy, có người hoá giải được, có người không.

Ví dụ về ly hôn, ai cũng hy vọng không xảy ra việc đó và xem nó như 1 tai họa trong đời người, nhưng thực tế có lúc ly hôn lại cũng không phải hoàn toàn là xấu. Vì hai vợ chồng khí âm dương ngũ hành khắc nhau , từ bất hoà phát triển đến giai đoạn đối kháng, trong thời gian đó 2 vợ chồng sẽ có những lúc tức bực, tranh cãi, đánh nhau, việc gì làm cũng không thành. Tuy rằng việc ly hôn còn do nhiều nguyên nhân gây ra nữa, nhưng cũng ít thấy việc ly hôn chỉ do cãi nhau, mà điều chủ yếu là do sự đối kháng của khí âm dương bất hoà nên cuối cùng dẫn đến tan vỡ.

Hôn nhân bất hoà có trường hợp sức khắc mạnh mẽ, nếu không ly hôn thì 1 bên sẽ chết ! Tuy cái chết đó là do nguyên nhân bên ngoài, hoặc bệnh tật gây nên, nhưng thực chất là do mệnh vận tác động . Cho nên có những trường hợp ly hôn không những cứu được 1 mạng người mà sau khi ly hôn mỗi người đều tìm thấy những người bạn đời mới tương sinh, tương hợp với mình, làm cho hai khí âm dương trong cơ thể được cân bằng, tình cảm thoải mái, thúc đẩy sự nghiệp phát triển, có cống hiến cho xã hội. Vậy là lợi cho mọi phiá.

Tuy nhiên, trong vấn đề ly hôn không phải hai bên đều tự nguyện mà thường 1 bên hay nói có chết cũng không ly hôn. Đối với các trường hợp như thế có thể tìm cách hoá giải.

Có 1 biện pháp đơn giản nhưng hữu hiệu : nếu vợ chồng đòi ly hôn thì *tạm thời ly thân* ở riêng ra, sau 1 thời gian vận khắc đó qua đi - nói chung dài từ 5 đến 10 năm - sẽ tránh được hoạ.

* * *

Chương 16
ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP

Thái độ của người dự đoán
Cách diễn đạt
Luôn luôn học hỏi

THÁI ĐỘ CỦA NGƯỜI DỰ ĐOÁN.

Có người cho rằng "thiên cơ bất khả lậu" , hay "người ta có số mệnh què quặt như thế là tại nghiệp báo, nay họ phải trả cái quả do ác nghiệp họ đã gieo trong tiền kiếp, chúng ta đừng dây vào, nếu không phải è cổ ra gánh lấy cái nghiệp ấy cho người ta".... Tôi đã từng nghe ở Chợ lớn có một thanh niên rất giỏi về địa lý, coi nhà cửa,..., anh ta ít khi nói, có trả tiền cũng không nói; anh chỉ nói khi cảm thấy có cái nợ gì đó với gia chủ, cần phải cảnh báo gia chủ để trả món nợ tinh thần đó, nhưng anh ta cũng không nói ngay, mà phải uống rượu say vào rồi mới nói, vì quỉ thần không bắt tội thằng say dại miệng !

Có người cho là việc dự đoán để giúp người hướng đến cái tốt, tránh xa cái xấu là việc làm công đức rất lớn. Ở đời ai cũng có lúc khó khăn trắc trở, nên cần đến dự đoán. Không nên có thái độ bênh phái này, đả kích phái kia, cũng không nên phân biệt phái này cao thượng, phái kia thấp hèn. Nghiên cứu dịch lý ứng dụng (dự đoán) phải gắn chặt với sự đào sâu về dịch lý; và ngược lại, người làm dịch lý mà không hiểu biết về dự đoán thì cũng chỉ là người lý thuyết suông (10 voi không được chén nước xáo !), vì đừng quên là Kinh Dịch ban đầu chỉ là sách bói. Hai cái bổ sung cho nhau.

Ngoài ra, một người thành đạt trong dự đoán, không những phải có tấm lòng chân tình với người khác mà bản thân còn phải tích cực tu dưỡng tốt. *Thông thường họ đều có mệnh cục đặc biệt, như có sao thương quan, sao hoa cái, và tính cách thanh cao*.

Tôi xem mệnh hay bói Bát quái có lẽ là nghiệp dĩ, bổng không lại cứ miệt mài nghiên cứu, rồi bói chuà, rồi có lấy tiền cũng chỉ ở mức rẻ mạt ở Pháp , có khi chịu lời dè biủ, coi khinh (có người sau đó biết tôi là kỹ sư tư vấn tin học , sống với đồng tiền "chân chính" thì họ cũng hết miả mai, nhưng lại xoay sang tội nghiệp cho cái thằng ấy sao nó "hâm" quá !). Nhưng tôi cứ kệ, mình làm điều gì mình thích. Và tôi lấy tiền thì cũng chỉ để làm từ thiện cho người nghèo ở Việt nam, có lẽ lại giải toả được cái câu "nói láo ăn tiền", hay "phải gánh cái nghiệp cuả người ta" v..v..

Trong dự đoán, ta sẽ gặp đủ các loại người, các dạng việc. Người dự đoán đầu tiên phải tự ổn định, giữ cho tính cách và tình cảm bình tĩnh, đối xử chính xác với mọi người và mọi sự việc. Không nói ba hoa trước mặt mọi người; không vì quyền lợi riêng mà quên mất nguyên tắc trung thực; cũng không chê bai người khác, cho mình là người là người giỏi nhất *("mèo khen mèo dài đuôi"* là tự mãn, mà đã tự mãn thì không thể tiến bộ được nữa).

Tránh làm tiền bất chính trên lưng khách hàng, như khuếch đại những tai hoạ, hù doạ người ta, bắt người ta phải ra tiền nhiều để cúng sao, giải hạn v..v...Nên nhớ là tinh thần thanh sạch, thì dự đoán mới tinh nhạy, còn nếu bị mờ ám vì tiền bạc thì trước sau gì cũng bị thui chột dần.

Chẳng những tinh thần phải thanh sạch mà cả thể xác nữa. Không phải vô lý hay mê tín mà ngày xưa trước khi Bói Dịch, thầy bói và người xem bói còn phải trai giới (ăn chay và không được gần đàn bà) trong 3 ngày, phải tắm rữa , thay quần áo sạch sẽ trước khi bói. Người ham nhục dục : ăn nhậu nhiều, dâm dục nhiều không thể nào tinh nhạy trong cảm ứng được khi bói toán. Thiệu Khang Tiết tổ sư cuả Mai Hoa Dịch số chẳng đã từng nhấn mạnh Tam Yếu : Tâm, Nhĩ, Mục ...sao !

CÁCH DIỄN ĐẠT CỦA NGƯỜI DỰ ĐOÁN

Về ngôn ngữ và cách diễn đạt thì vừa phải thành thực, vừa phải căn cứ vào từng người, từng trường hợp mà nói cho thích hợp.

Trong dự đoán, ta thường gặp những trường hợp sau đây :

- Những bậc bố mẹ đến xin đoán khi con họ gặp vận xấu. Người dự đoán vừa phải nói rõ kết quả cụ thể, vừa phải tìm lời lẽ thích hợp sao cho họ tiếp thu được lời nói của mình mà không bị sốc. Có người không chịu đựng nổi sự dự đoán bất ngờ mà ngất ngay tại chỗ, như thế đưa đến tác hại càng lớn hơn. Nên chuẩn bị tâm lý và chỗ lùi cho người đến đoán; diễn đạt một cách uyển chuyển, êm dịu. Ví dụ nói với người nhà em bé nào đó đang bị lừa, bi trói hay bị đánh là: cháu vẫn bình thường, chỉ có điều tạm thời chưa thể về với gia đình được, có hy vọng trước tháng, ngày nào đó cháu sẽ trở về, nếu quá thời gian đó thì đừng tìm nữa; hay cháu lần này không bị nạn, thì ở nhà cũng khó mà yên ổn..v...v. Tóm lại, căn cứ thông tin hiện ra trong dự đoán mà có cách nói sao cho xác đáng, thích hợp, vừa rõ vừa dễ tiếp thu.

- Nếu cả hai vợ chồng đều đến xin đoán thì nên dự đoán riêng cho từng người, vì có những vấn đề riêng tư của từng người mà dù vợ hay chồng họ cũng không nên biết đến, nếu không sẽ đưa đến những mâu thuẫn bất lợi. Có những cặp vợ chồng khi đến xin đoán đã biết rõ họ sẽ ly hôn, hoặc sự khắc của một bên nào đó lớn hơn bên kia, họ chỉ muốn biết (hay để tự an ủi ?) là quyết định của họ không sai với mệnh, thì dù qua dự đoán ta cũng thấy thế, ta cũng chỉ nên nói riêng và khuyên họ nên xử lý mâu thuẫn một cách êm đẹp, ổn thoả.

- Đối với người muốn làm giàu bằng đồng tiền không chính đáng thì không thể giúp. Vì giúp họ cũng đồng thời là làm hại người khác. Hơn nữa họ có dành được đồng tiền bất chính thì cũng không thể giữ nổi mà còn chuốc lấy tai hoạ, ví dụ loại người đánh bạc là không được giúp đỡ. Vừa phải nói cho họ biết mình không giúp được, vừa phải khuyên ngăn họ, khuyên họ đầu tư tiền vào chỗ chính đáng.

- Đối với người lai lịch không quen biết, nếu việc muốn đoán là có ý đồ không tốt hoặc không thể nói cho ai biết, thì kiên quyết từ chối để khỏi trở thành kẻ "nối giáo cho giặc".

Tóm lại là vừa phải khách quan đối với thông tin, vừa phải cẩn trọng lường trước hậu quả của sự việc. Đối với con cái phải khuyên hiếu để với cha mẹ, với cấp dưới phải khuyên trung thành với cấp trên, với chủ, đó là nghĩa vụ và bổn phận người dự đoán.

LUÔN LUÔN TRAU DỒI KIẾN THỨC VÀ KỸ NĂNG

Dự đoán học là môn học để dự đoán tương lai, tính toán, đoán định về xu thế phát triển hoặc kết cục trong tương lai đối với sự vật, sự việc. Có dự đoán ngắn hạn và trung, dài hạn.

Bể học mênh mông, không bao giờ bạn nên tự mãn. Kẻ nào tự mãn thì không tiến bộ được nữa. Phải luôn luôn học hỏi, qua sách vở và qua trao đổi với những người đã có nghiên cứu, thực hành những phương pháp mình đã dùng, qua sự ghi chú những điều đã dự đoán trước đây cho người này, việc nọ; Có khi bạn đã dự đoán sai, vì bản lãnh hồi đó còn non kém, hay vì đã nhắm sai mục tiêu, ví dụ trong phương pháp bói 6 hào bát quái mà bạn đã chọn sai dụng thần; hoặc trong khoa Tử Bình bạn đã sai lầm trong khi xác định Thân vượng hay Thân nhược, vì thế định dụng thần sai, nên kết luận các vận trình xấu thành tốt, hay ngược lại ..., hoặc bạn cho một kết luận chưa tổng hợp được hết những ngoai lệ.... Có sao đâu, biết được cái sai của mình là đã tiến bộ rồi .

Ngoài những khoa mình chuyên môn, cũng nên tham khảo các khoa khác .

Khi dự đoán theo Tứ trụ (hay bất cứ khoa nào khác), nếu biết kết hợp thêm những phương pháp khác, hay cả biết xem chỉ tay, tướng mặt, tướng xương … thì kết quả sẽ chính xác gấp bội.

Nên nhớ rằng, ngoài bầu trời này còn có bầu trời khác, ngoài người giỏi này còn có người khác giỏi hơn. Một người không thể nắm bắt hết, tính hết được mọi việc trên đời, vì vậy nên khiêm tốn nhưng tự tin, và biết vận dụng điểm mạnh sở trường của mình, khắc phục nhược điểm, không ngừng học tập để luôn luôn tiến bộ .

Cũng chỉ với bản lĩnh cao cường thì ta mới làm cho những kẻ hay xuyên tạc không còn kẽ hở mà lợi dụng, chỉ trích. Chỉ trên cơ sở bản thân tu dưỡng tốt, cộng thêm sự học tập chu đáo, dự đoán công phu ta mới có thể có uy tín trong quần chúng.

* * *

CHƯƠNG 17

GIẢI ĐÁP VỀ DỰ ĐOÁN HỌC

THỜI ĐIỂM ỨNG NGHIỆM CÁT, HUNG xx
ỨNG NGHIỆM CỦA THỜI ĐIỂM QUA ĐỜI. xx
Về HƯỚNG ĐẾN ĐIỀU TỐT, TRÁNH XA CÁI XẤU VÀ CÁCH GIẢI NẠN. xx
Về SỰ MẠNH, YẾU CỦA MỆNH NỮ xx
Về TÍN NGƯỠNG TÔN GIÁO xx
Về NHÀ GIÀU ĐẶT TÊN XẤU CHO CON. xx
Về NHỮNG KIẾN THỨC KHÁC TRONG DỰ ĐOÁN xx
Về THÁI ĐỘ CỦA NGƯỜI DỰ ĐOÁN. xx
Về NGÔN NGỮ VÀ CÁCH DIỄN ĐẠT CỦA NGƯỜI DỰ ĐOÁN xx

THỜI ĐIỂM ỨNG NGHIỆM CÁT, HUNG

Thời điểm ứng nghiệm của hung trong dự đoán có :

- dụng thần (ở thiên can hay ở can tàng) bị khắc,
- địa chi hình hợp xung hại dụng thần,
- can của đại vận tổ hợp với thiên can mệnh cục không tốt xung khắc ,
- tổ hợp ba địa chi của mệnh, vận, năm không tốt hung khắc ,
- thần và sát tổ hợp thành hung khắc.

Sự ứng nghiệm rơi vào :
năm khắc hoặc bị khắc , nhất là năm bị khắc,
năm kị thần được sinh.
Ứng vào người hay việc mà mười thần bị khắc đại diện .

Ngược lại thời điểm ứng cát trong dự đoán là thời điểm tổ hợp sinh trợ dụng thần.

Ví dụ thời gian kết hôn có mấy thời điểm lợi cho hôn nhân là :

- nhật can hợp với can vận, hoặc chi ngày sinh hợp với chi vận,
- nhật can hợp với thiên can lưu niên, hoặc chi ngày hợp với chi lưu niên,
- trụ ngày thiên hợp địa hợp với đại vận,
- trụ ngày thiên hợp địa hợp với lưu niên.
- Mệnh nam gặp năm tài, vận tài / mệnh nữ gặp năm quan sát, vận quan sát;
- nếu nhật nhược thì là lúc nhật can được sinh trợ,
- tứ trụ cân bằng thì chọn năm hay vận đại cát.

retour

ỨNG NGHIỆM CủA THỜI ĐIểM QUA ĐờI.

Người mà gặp :
- vận dụng thần bị khắc,
- năm kị thần vượng tướng

là có sự lo lắng về sinh mệnh.

nếu tổ hợp của nó tương ứng với người thân và khi không chịu đựng nổi sự xung khắc đó thì người ấy sẽ bị ; nhưng trong trường hợp đó thông thường bản thân của đương số cũng có tai hoạ ốm đau.

Muốn biết tai hoạ đó có nguy hiểm đến tính mạng hay không thì :

- Thứ nhất phải xem tổ hợp của tuế vận tứ trụ đó có cứu hay không?
- Thứ hai phải xem có được hoá giải không, ví dụ nhờ âm phúc hay có biện pháp hoá giải cũng là có cứu.

Có cứu hay không căn cứ như sau :

- Người cùng gặp tuế và vận, tức đại vận và lưu niên giống nhau : không chết mình thì cũng chết người khác trong lục thân. Thật ra không nhất thiết như vậy : chỉ xấu khi có SD, thất sát; còn Tài, Quan, Ấn thì vẫn tốt .

- Đại vận thiên khắc địa xung trụ tháng, tức là xung khắc đề cương. Thông thường trong phạm vi từ 50 – 69 tuổi, trong 10 năm thì năm gặp xung là quan trọng nhất. Nếu chi tháng giống chi khác trong tứ trụ thì sinh mệnh thường không có nguy hiểm, nhưng khi đề cương lệnh tháng nhược là dụng thần mà bị đại vận thiên khắc địa xung thì tai hoạ cực lớn. Nếu mình không chết, thì cha mẹ hoặc anh chị em nhất định có tổn thất (vì trụ tháng là cung phụ mẫu, hay cung anh em).

- Gặp năm (lưu niên / thái tuế) thiên khắc địa xung với trụ năm là các năm : tròn 6 tuổi, 54 tuổi, 66 tuổi. Tai họa có nặng không chủ yếu quyết định bởi đại vận là hung hay là cát. Nếu đại vận cát thì phần nhiều gặp nguy có cứu, còn đại vận hung thì không chết mình cũng chết người nhà (thường là bậc ông bà hay cha mẹ).

- Trụ năm TKĐX tuế vận là rất nặng.

- Năm tuổi : gặp năm tuổi thì thường mệnh không thuận, ví tuổi Ngọ gặp năm Ngọ ; tuổi Mùi gặp năm Mùi. Cụ thể cái gì sẽ không thuận là tùy thuộc các mệnh cục khác nhau mà khác nhau ; nếu tổ hợp ngũ hành của MC thiên khô thì điều hung sẽ ứng nghiệm.

- Trụ ngày TKĐX LN là có hại ; nếu gặp năm Quan là điều kỵ : luôn luôn mất bố.

- Người mà ngũ hành thiên khô thì các năm của vận cực nhược hoặc cực vượng thường có nguy hiểm về tính mệnh.

- Khi tổ hợp của tuế vận và 4T gặp năm có 1 xung 3, hoặc 3 xung 1 cũng rất nguy hiểm.

- Mệnh Nam sợ lùi, mệnh nữ sợ tiến (Nam sinh năm âm hay nữ sinh năm dương xếp vận tính ngược) : chỗ giao thời chuyển sang vận khác – nói chung là lúc thoát

khỏi bại vận - thường bản thân hoặc gia đình có tai hoạ, lại thường là họa về tính mệnh.

- Năm 73, 84 tuổi thường không thuận, nếu nghiêm trọng thì không vượt qua nổi.

- Lúc DT bị khắc, Nhật can nhập mộ, hoặc mộ gặp LN xung phá : đều có thể nguy hiểm đến tính mạng.

! ! ! ! !

retour

Về HƯớNG ĐếN ĐIềU TốT, TRÁNH XA CÁI XấU VÀ CÁCH GIảI NạN.

Mục đích của dự đoán không chỉ ở chỗ đoán ra những tai hoạ bất ngờ, mà quan trọng hơn hết là ở chỗ hoá giải các tai hoạ đó.

- Hoá tức là gặp hung hoá cát. Khi gặp hung mà trong mệnh cục được hoá, đó chính là có cứu, tức tự nhiên gặp cứu.

- Khi gặp hung mà không có cứu hoặc cứu được mình mà không cứu được người nhà thì nên hoá giải. Giải tức là giải nạn.

Xưa nay dự đoán thì chỉ có đoán chứ không giải. Sở dĩ như thế là vì lẽ : có điều nói được, có điều không tiện nói thẳng. Điều này không phải cố làm thế cho có vẻ huyền bí, mà thực ra là vì sự lý giải đối với nhiều người cần có một quá trình tiếp thu:

Đầu tiên từ trong ngũ hành của tứ trụ đã có thể thấy rõ hành nào không lợi cho ngươi đó, nếu người đó lại cứ đi tìm sự phát triển ở những phương vị kị thì chắc chắn là tự chuốc lấy thất bại. Đi đến phương có lợi có thể bổ cứu cho chỗ ngũ hành còn thiếu, đồng thời phát huy cao độ sự phấn đấu của bản thân thì tốt ra là tiền đồ rộng mở, không tốt thì còn có được sự bình yên.

Thứ nữa là từ trên ngũ hành có thể thấy rõ thiếu cái gì để qua đặt tên, qua hôn nhân đều có thể tìm ra biện pháp bổ khuyết. Trong họ, tên có thể bổ sung ngũ hành đang khuyết, nếu theo số nét chữ của tên và họ để chọn được số nét tốt thì cũng hay. Đó là một loại thông tin để hướng đến cái tốt.

Ví dụ với một người dương cứng, chính trực thì khí âm sẽ co lại ; cho nên người này phải hiền lành, hay làm việc thiện . Đúng với câu " Ai tích thiện thì nhiều điều vui, ai tích ác thì nhiều tai vạ". Làm nhiều điều thiện để âm đức lại cho đời sau, làm nhiều điều ác, đời này chưa báo, đời sau phải trả. Làm điều thiện, tích đức cũng là một cách giải nạn.

Nạn có cái giải được, có cái không giải được.

Như vấn đề hôn nhân rất hiện thực mà cũng rất đau đầu: Nếu đã là lục xung thì giữa vợ chồng là không lợi, tính khắc của nó tùy theo vận khí mà tăng giảm, và khi nào thì có thể thấy được nên ly hôn hay không.

Song cuộc sống thực tế rất phức tạp, không phải có thể tiếp thu điều đó một cách tùy tiện. Cho nên chỉ có thể nói sự việc ra sao là do con người làm. Có một số cặp vợ chồng khí trường giữa họ không thống nhất, ban đầu chưa đến bước phải ly hôn, nhưng các hậu vận lại biểu hiện rõ thông tin chia tay vì tính khắc rất mạnh. Trường hợp này nên tạo một chuyến đi chơi xa (nhưng phải chú ý không đi về phương không lợi, tức phiá trong mệnh xẩy ra tương xung) cho qua thời điểm tương xung. Trường hợp không ly hôn thì sẽ tử biệt thì nên giải quyết bằng ly hôn để giữ được tính mạng.

retour

Về Sự MạNH, YếU CủA MệNH Nữ

Dương cương, âm nhu, đó là bản tính của âm dương. Nam thuộc dương, nữ thuộc âm cũng phải thuận theo lẽ đó. Trong gia đình âm dương không cân bằng thì dễ có chuyện. Xã hội ngày nay hiện tượng âm thịnh dương suy trong các gia đình chiếm một tỉ lệ nhất định. Nếu người nữ làm chủ trong nhà vừa chuyên quyền độc đoán, lấn át chồng khiến chồng không ngẩng đầu lên được thì gia đình đó chắc chắn sẽ không hưng vượng. Tục ngữ nói : "Nam ác hay kiện tụng, nữ ác thì bần cùng" là đạo lí đó. Cho dù ngày nay chủ trương nam nữ bình đẳng, song nữ vẫn không thể để mất đi bản tính nhu diụ của mình.

Trong cách cục của tứ trụ, nữ Thân nhược mà có tài quan, vì không phải là chủ nhà nên gia đình yên ổn. Ngược lại, mệnh nữ cương cứng (Thân quá vượng) tất khắc chồng, bại gia. Sự khắc này có nghĩa là không lợi chứ không phải khắc là dẫn đến chết người. Không lợi ở đây là không lợi cho nhà chồng, không lợi cho tiền đồ, sức khoẻ của chồng.

Trong tứ trụ của nữ có : thương quan, ngang vai, kiếp tài, kình dương, chi ngày (cung vợ) bị xung khắc đều là tiêu chí thông tin không lợi cho hôn nhân. Gặp quan vận, sát vận, thương vận, tỉ kiếp vận và là kị vận thì sự hình khắc càng nặng.

Tứ trụ của người nữ cho dù là vượng hoặc có những thông tin không lợi cho chồng, song chỉ cần tự điều chỉnh thì sẽ giữ được tình cảm với chồng và sự trọn vẹn của gia đình . Nếu bất lợi cho hôn nhân thì nên biết lựa chọn thời điểm kết hôn :

- Người nhật vượng : nên tránh vận tỉ kiếp;
- người thân nhược : nên tránh các vận quan, sát, thương;
- kết hôn muộn có thể giảm được sự đau khổ do hôn nhân.

retour

Về TÍN NGƯỡNG TÔN GIÁO

Cuộc sống vật chất của con người ngày càng nâng cao nên nhu cầu về cuộc sống tinh thần cũng ngày càng phong phú. Tôn giáo nào, ngoài tà giáo ra, cũng khuyên người làm việc thiện, làm việc tốt. Sự tín ngưỡng như thế có lợi cho đoàn kết, có ích, không có hại cho xã hội. Cho nên không có lý do gì phải ngạc nhiên khi hiện tượng tôn giáo ngày càng hưng thịnh.

Trong dự đoán mệnh vận, rất nhiều người khi gặp nguy có cứu là nhờ có thờ phụng tổ tiên, thờ phật nên gặp hung hoá cát. Ngày càng nhiếu người cảm thấy tích đức, làm việc thiện mang lại điều tốt, do đó mà tự nguyện tín ngưỡng. Ngày nay ở trường đại học có dạy giáo trình phật học, học sinh nghe giảng rất đông, chứng tỏ đó là xu thế tự nhiên. Người người có từ tâm thì sự tàn sát lẫn nhau giữa con người sẽ giảm đi.

Về tín ngưỡng tôn giáo, một gia tộc hoặc một gia đình cùng tín ngưỡng một tôn giáo thì tốt. Nếu mỗi người đi theo sự tín ngưỡng của riêng mình thì cũng chẳng can hệ gì, miễn là sự tín ngưỡng đó không dẫn đến sự tranh giành bất lợi cho hạnh phúc gia đình là được.

retour

Về NHÀ GIÀU ĐặT TÊN XấU CHO CON.

Nông thôn trước đây có tập tục đặt tên xấu hoặc tìm cha mẹ nuôi cho con. Có người đặt tên con là chó, là mèo, có người gọi cha mẹ đẻ là bác, là dượng. Mục đích đều mong có lợi cho cha mẹ và con. Có gia đình sinh mấy lần liền con đều mất, lần sau đặt tên xấu thì nuôi được, hiện tượng này gặp khá nhiều. Có em bé tính khắc rất mạnh, phải tạm nhờ người khác nuôi để bảo vệ cho cha mẹ. Có nhà không muốn cho người khác nuôi thì bắt con gọi cha mẹ là dượng hoặc bác, hoặc tìm bố mẹ nuôi để giảm nhẹ sự khắc đối với cha mẹ đẻ. Những điều này đều có liên quan với mệnh lý và cũng có cái lý rất sâu về khoa học, đang cần được nghiên cứu tiếp. Điều này cũng giống như khi đặt tên, hoặc kết hôn tìm cách bổ cứu ngũ hành đang thiếu. Đây là sức sống của các trường phái ứng dụng "Chu dịch", nhất là phái dự đóan mệnh vận và tìm cách kéo dài, phát triển mệnh vận.

Về việc đặt tên, ý nghĩa của tên đó tượng trưng có thể được kiểm nghiệm qua nghề nghiệp của từng người. Ví dụ :

- Các võ sư, người làm nghề quyền thuật, trong tên thường có các chữ như cương, phong, cường…
- Người làm văn nghiệp trong tên thường đệm các chữ có ý nghĩa cao xa…
- Những người ở địa vị cao của nhà nước như Trạch Đông, Diệu Bang, Quốc Phong, Tử Dương, Trạch Dân v.v… đều có những chữ mang khí phách người lãnh đạo.

Nhưng cũng có những bậc bố mẹ mong con thành đạt thật cao, đặt cho con những tên hay quá mức, không xứng với mệnh, nên ngược lại làm thương tổn nguyên khí, đưa lại tai nạn. Có người đặt tên với các danh nhân nhưng lại chết yểu. Vậy ta có thể thấy được là việc đặt tên là điều nên nghiêm túc.

Không những qua tên có thể thấy được những thông tin có liên quan với nghề nghiệp, mà số nét chữ của tên cũng có chứa thông tin. Nhưng không phải là đối tượng nghiên cứu ở đây (*chỉ thích hợp cho chữ Hán, và phương pháp chiết tự*).

Đặt tên rất quan trọng. Có những người nữ vừa xưng tên ra Thiệu Vĩ Hoa đã biết đó là người sắt đá. Sở dĩ thế là vì trong tên đó đã hàm chứa thông tin. Cho nên trong tên có thể bổ khuyết cho ngũ hành đang thiếu để giải cứu cho mệnh. Rất nhiều người đến dự đoán được thành đạt như ngày nay, nếu không nhờ tên bổ cứu cho thì chắc chắn đã phải trải qua rất nhiều gian lao vất vả.
Đặt tên để bổ khuyết là một trong những phương pháp rất quan trọng trong mệnh cục bệnh nặng có được thuốc tốt.

retour

Về NHỮNG KIẾN THỨC KHÁC TRONG Dự ĐOÁN

Dự đoán học là môn học vấn dự đoán tương lai, là sự tính toán, đoán định về xu thế phát triển hoặc kết cục trong tương lai đối với sự vật. Có dự đoán ngắn hạn và trung, dài hạn.

Phương pháp dự đoán thông thường có ba loại :

1) Phương pháp thứ nhất là căn cứ hiện tượng bề ngoài để dự đoán xu thế phát triển của sự vật. Như chiêm tượng, có tượng thì tất nhiên sẽ ứng nghiệm vào sự vật.

2) Phương pháp thứ hai là qua hình tượng trực quan đoán bên trong của sự vật, như tướng thuật.

3) Phương pháp thứ ba là căn cứ quan hệ nhân quả để tính toán, phán đoán sự vật. Ví dụ như thuật toán "Kỳ môn độn giáp", "Lục nhâm", "Thái ất". Những thuật toán này đều mang nặng bối cảnh thiên văn.

"Kỳ môn độn giáp" là một mánh chiêm thuật phát sinh từ chiêm thuật của " Chu dịch". Lấy chín cung làm gốc, phối hợp với tam kì, lục nghi, các sao để suy đoán, từ đó mà dự đoán cát hung hoạ phúc của thiên - địa - nhân và sự việc.

"Lục nhâm" là một nhánh phát sinh của chiêm phệ "Chu dịch". Chiêm thuật lục nhâm lấy chiêm bốc để đoán việc. Phương pháp chiêm bốc gồm 64 bài, dùng thiên bàn, địa bàn. Trên các bàn có khắc can, chi. Địa bàn cố định, sau khi quay thiên bàn tìm được các can chi và trực giờ. Từ đó mà đoán cát hung.

Đặc điểm nổi bật của "Kỳ môn độn giáp" và "Lục nhâm" là có bàn quay quy củ và sự thống nhất hữu cơ với phương vị, thời gian.

4) Phương pháp chiêm thuật của "Chu dịch" bao gồm các phương pháp dự đoán trong dân gian trên cơ sở phát triển của phương pháp chiêm thuật. Trong đó chủ yếu thông qua sự cảm ứng phát sinh giữa sinh mệnh sống và trường vật lý, kết hợp với bát quái của "Chu dịch" để dự đoán. Như dùng bát quái đoán phong thuỷ, dùng khí công kết hợp với bát quái để dự đoán cảm ứng.

Dự đoán học là những môn học tinh thâm và thần bí, là những vấn đề mà trình độ khoa học và các thiết bị đo ngày nay chưa công phá được. Tượng chiêm, tướng thuật, bát quái, dự đoán mệnh vận theo tứ trụ là những môn phổ thông và dễ nắm vững, đồng thời là môn dự đoán có quan hệ mật thiết với dân chúng.

Một vài môn dự đoán cao siêu hơn không những đòi hỏi một đầu óc tư duy tinh tế và nghiêm ngặt mà sự nghiên cứu về dự đoán rất sâu, không thể học được trong một thời gian ngắn, cho nên rất ít người nghiên cứu và vận dụng. Giá trị dự đoán của nó tốt là điều khẳng định. Nhưng thuật dự đoán bát quái của "Chu dịch" ở một mức độ nhất định cũng đã có thể nắm được các mối quan hệ giữa thiên - địa – nhân, đáp ứng được mục đích của việc dự đoán, hơn nữa lại nhanh, chuẩn, có giá trị thực tế.

Khi dự đoán theo Tứ trụ, nếu biết kết hợp thêm với những phư ơng pháp khác trên đây, hay cả biết xem chỉ tay, tướng mặt, t ướng xương … thì kết quả sẽ chính xác gấp bội.

retour

Về THÁI Độ CủA NGƯỜI Dự ĐOÁN.

Việc dự đoán để giúp người hướng đến cái tốt, tránh xa cái xấu là việc làm công đức rất lớn. Ở đời ai cũng có thể có khó khăn trắc trở, nên khi nào cũng cũng cần đến dự đoán. Đồng thời trong các phái nghiên cứu dịch lý và nghiên cứu ứng dụng "Chu dịch", không nên có thái độ bảo vệ phái này, đả kích phái kia, cũng không nên phân biệt phái này cao thượng, phái kia thấp hèn. Nhgiên cứu dịch lý ứng dụng phải gắn chặt với sự đào sâu về dịch lý, ngược lại, người làm dịch lý mà không hiểu biết về dự đoán thì cũng chỉ là người điều binh khiển tướng trên giấy. Cho nên phải bổ sung sức mạnh cho nhau, cùng nhau vì sự chấn hưng văn hoá "chu dịch" mà đoàn kết nhất trí, sáng tạo, cống hiến.

Ngoài ra, một người thành đạt trong dự đoán, không những phải có tấm lòng chân tình với người khác mà bản thân còn phải tích cực tu dưỡng tốt. *Thông thường người dự đoán ngoài có mệnh cục đặc biệt ra, đều còn có sao thương quan, sao hoa cái và tính cách thanh cao*.

Trong dự đoán, ta sẽ gặp đủ các loại người, các dạng việc. Người dự đoán đầu tiên phải tự ổn định, giữ cho tính cách và tình cảm bình tĩnh, đối xử chính xác với mọi người và mọi sự việc. Vừa không nói ba hoa trước mặt mọi người hoặc không vì quyền lợi riêng mà quên mất nguyên tắc trung thực làm người, cũng không chê bai người khác, cho mình là người là người giỏi nhất. Nên nhớ rằng, ngoài bầu trời này còn có bầu trời khác, ngoài người này còn có người khác giỏi hơn. Một người không thể nắm bắt hết, tính hết mọi việc trên đời, vì vậy nên có thái độ khiêm tốn và xác định rõ phương hướng chủ công, giống như thầy thuốc khám bệnh, biết dựa vào sở trường độc đáo của mình, khắc phục nhược điểm, không ngừng học tập, không ngừng tiến bộ thì mới khỏi rơi vào thất bại.

Cũng chỉ có bản lĩnh cao cường thì mới làm cho những kẻ hay xuyên tạc không còn kẽ hở mà lợi dụng, mới có uy tín trong nhân dân. Chỉ trên cơ sở bản thân tu dưỡng tốt, cộng thêm sự học tập chu đáo, dự đoán công phu mới có thể trở thành người có uy tín trong quần chúng.

retour

Về NGÔN NGữ VÀ CÁCH DIễN ĐạT CủA NGƯỜI Dự ĐOÁN

Về ngôn ngữ và cách diễn đạt vừa phải thực sự cầu thị, vừa phải căn cứ vào từng người mà nói cho thích hợp.

Trong dự đoán, ta thường gặp :

- Những bậc bố mẹ đến xin đoán khi con gặp vận xấu. Người dự đoán vừa phải nói rõ kết quả cụ thể, vừa phải tìm lời lẽ thích hợp sao cho các ông bố, bà mẹ đó tiếp thu được lời nói của mình. Có người không chịu đựng nổi sự dự đoán bất ngờ mà ngất ngay tại chỗ, như thế đưa đến tác hại càng lớn hơn. Nên chuẩn bị tâm lý và chỗ lùi cho người đến đoán, diễn đạt một cách uyển chuyển, êm dịu. Ví dụ nói với người nhà em bé nào đó đang bị lừa, bi trói hay bị đánh là: cháu vẫn bình thường, chỉ có điều tạm thời chưa thể về với gia đình được, có hy vọng trước tháng, ngày nào đó cháu sẽ trở về, nếu quá thời gian đó thì đừng tìm nữa; hay cháu lần này không bị nạn, thì ở nhà cũng khó mà yên ổn.v.v. Tóm lại, căn cứ thông tin hiện ra trong dự đoán mà có cách nói sao cho xác đáng, thích hợp, vừa rõ, vừa dễ tiếp thu.

- nếu cả hai vợ chồng đều đến xin đoán thì nên dự đoán riêng cho từng người, vì có những vấn đề thuộc về đời riêng từng người mà dù vợ hay chồng cũng không nên biết đến, nếu không sẽ đưa đến những mâu thuẫn bất lợi. Có những cặp vợ chồng đã biết rõ sẽ ly hôn, hoặc sự khắc của một bên nào đó lớn hơn bên kia, cũng chỉ nên nói riêng và khuyên họ nên xử lý mâu thuẫn một cách êm đẹp, ổn thoả.

- Đối với người muốn làm giàu bằng đồng tiền không chính đáng thì không thể giúp. Vì giúp họ cũng đồng thời là làm hại người khác. Hơn nữa có giành được đồng tiền bất chính thì cũng không thể giữ nổi mà còn chuốc lấy tai hoạ, ví dụ loại người đánh bạc là không được giúp đỡ. Vừa phải nói cho họ biết mình không giúp được, vừa phải khuyên ngăn họ, khuyên họ đầu tư tiền vào chỗ chính đáng.

- Đối với người lai lịch không quen biết, nếu việc muốn đoán là có ý đồ không tốt hoặc không thể nói cho ai biết, thì kiên quyết từ chối để khỏi trở thành kẻ "nối tay cho giặc".

Thái độ người dự đoán vừa phải khách quan đối với thông tin, vừa phải cẩn trọng lường trước hậu quả của sự việc. Dưới tiền đề phải có đầy đủ các điều kiện mà người dự đoán cần có, đối với con cái phải khuyên hiếu để, với cấp dưới phải khuyên trung thành, đó là nghĩa vụ và bổn phận người dự đoán phải làm.

retour

Bảng số của cháu ĐB. (Nữ, sinh ngày 03/02/89 lúc 16h15)

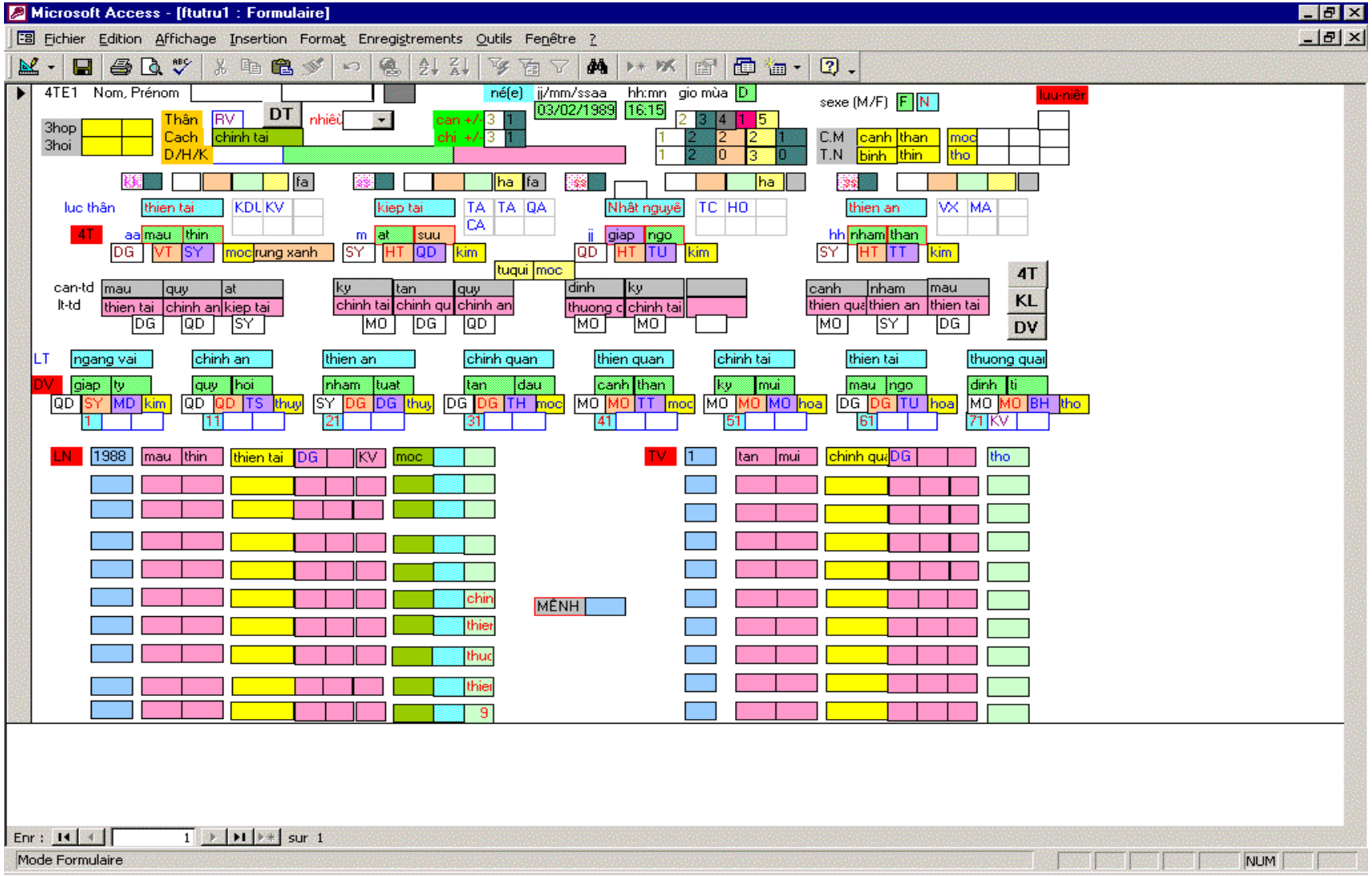

Cháu ĐB - Chi tiết cuả Đại vận 1 - Giáp Tý , từ 1 đến 10 tuổi

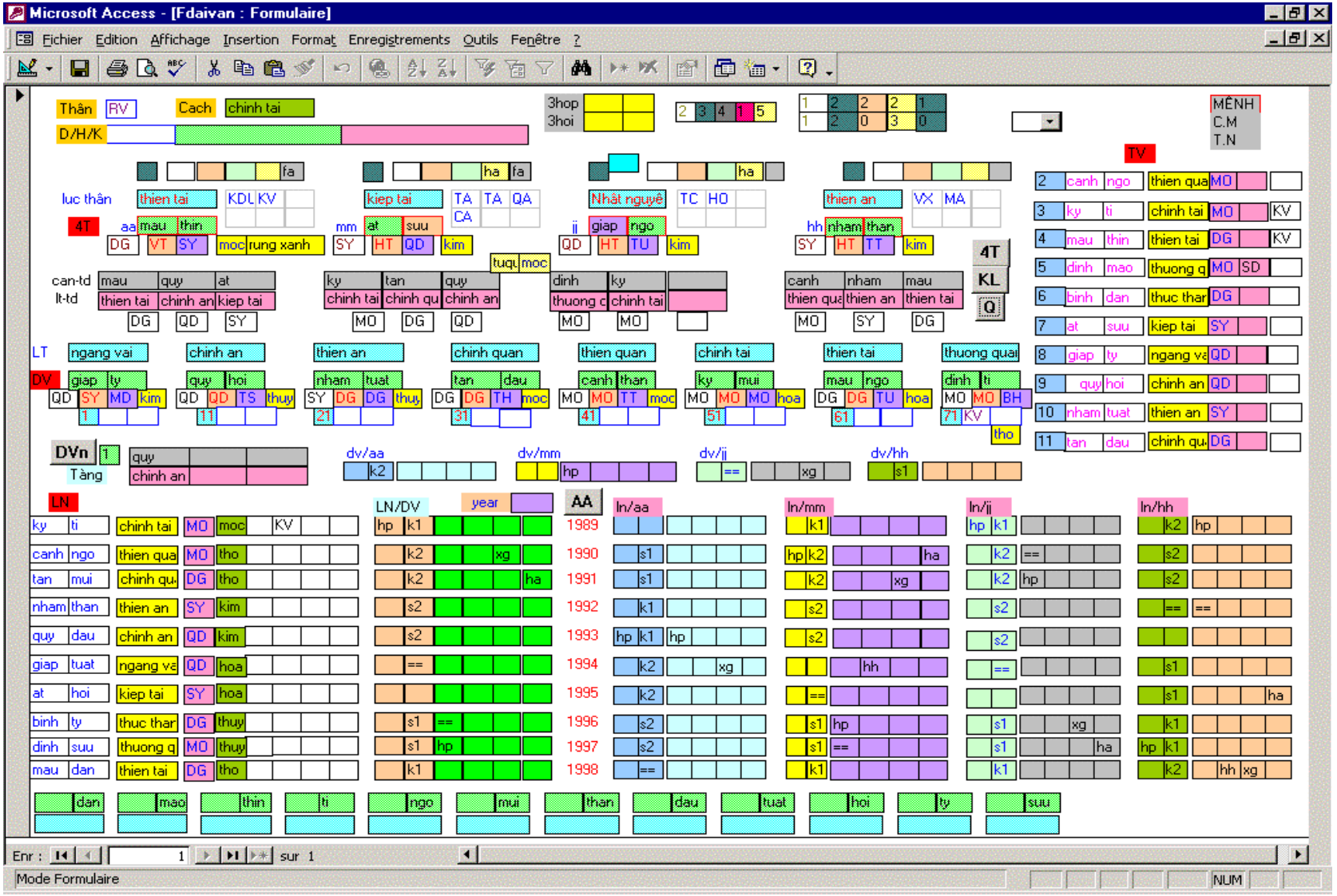

Mệnh của cháu ĐB, con một ông anh họ.
(xem bảng số, và bảng đại vận đính kèm)

Trong một chuyến về SG thăm nhà, tôi có ghé thăm một ông anh họ, thấy có một cháu gái thân thể rất bạc nhược, tuy rằng cháu học hành rất xuất sắc, được đăng lên báo của thành phố về thành tích học tập của cháu. Về Paris tôi có hỏi ngày giờ sinh để xem có giúp được gì cho cháu không. Sau đây là vài nét về mệnh này.

Anh chị ***** thân mến,
xem số cho cháu ĐB tôi có vài điều cần nhắc anh chị :

Tôi cân ngũ hành thì thấy cháu hành Hoả rất yếu (xem hàng 2,3,4,1,5 – Kim mộc Thuỷ Hoả Thổ) Hoả chỉ có 1 mà bị 4 thuỷ khắc, lại còn phải sinh cho 5 Thổ, nên suy kiệt. Mà Hoả tương ứng với tim mạch và ruột non, vậy cháu dễ bị bệnh ở 2 cơ quan này.

Tên cháu (mang suốt đời) lại có ý nghiã muà đông và lạnh giá, nên không phải là thuốc cứu mệnh.

Cháu có Thân Vượng, nhiều Tài, Thiên Tài là Dụng thần , đóng ở Can năm, vậy cha mẹ song toàn, trụ năm là cha mẹ, vượng (nên nhiều con), lại là Tài kho : nên rất giàu, không có Quan nên cha mẹ không là quan chức được.

Cháu thân vượng tài nhiều (xem 2 ô 2/3 màu vàng = 5 Tài) nên sẽ rất giàu, nhưng nên nhớ Tài nhiều thì khắc cha mẹ rất dữ.

Vậy nên theo lời tôi khuyên :

- nếu cho cháu ở với cô, chú (ai có mạng Mộc, Hoả càng tốt) tới tuổi trưởng thành hãy về; tránh ở trực tiếp với cha mẹ (cũng may trụ năm vượng, và như trên đã nói cha mẹ song toàn, nếu không thì đã nguy cho anh rồi);

- phòng cháu ở nên nằm ở phiá Nam, dùng nhiều màu đỏ, cả trong cách ăn, mặc, giày dép, xe cộ , trang trí … càng tốt, nếu không thì cũng là màu xanh lá cây (mộc sẽ sinh Hoả); giường nằm nên bằng gỗ, tránh giường kim loại. Cho nó ở tầng trên , tránh tầng trệt vì giáp với đất thì Thổ rút khí của Hoả. Không nên dùng màu đen hay xanh nước biển, vì Thuỷ khắc Hoả.

- chị nên vào Chợ lớn nhờ ông Tàu nào đó, kiếm cho cháu một cái tên có 1,2 bộ Hoả nhé.

Cháu gặp nghịch vận cho tới 30 tuổi mới hanh thông, nặng nhất từ 1 đến 10, 11 đến 20 còn nặng nhưng đỡ hơn, 21 đến 30 cũng xấu nhưng nhẹ dần. Hôn nhân muộn , từ 31 trở đi mới nên.

Đại vận 1-10 : xấu nhất cho cháu , và gia đình, là các năm 91,94, 98, nhất là 98 (phải là năm bà nội cháu mất không ?

* * *

Được biết đúng cháu ấy bị bệnh về đường ruột, và tim yếu;
Mẹ cháu đã tìm được một cái tên có Hoả rất mạnh, và có theo các lời dặn, trừ chuyện cho cháu ở với cô hay chú. Đến nay thì tình hình sức khoẻ cuả cháu ngày càng đỡ dần.

Cha mẹ cháu là thương gia, ngày càng khá giả.

Mệnh cuả DiepVN ; nữ, sinh ngày 21-12-1973 sau 18 giờ

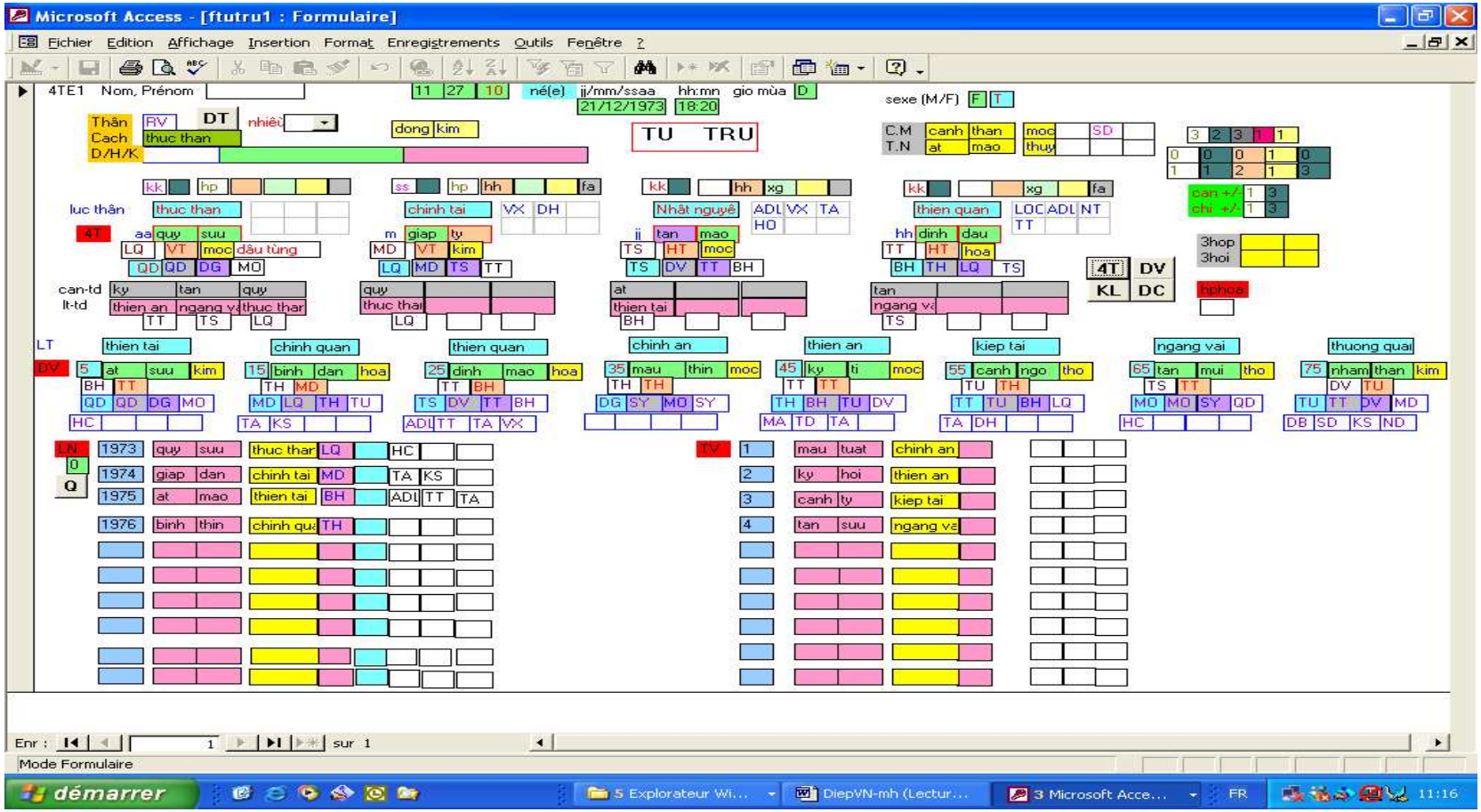

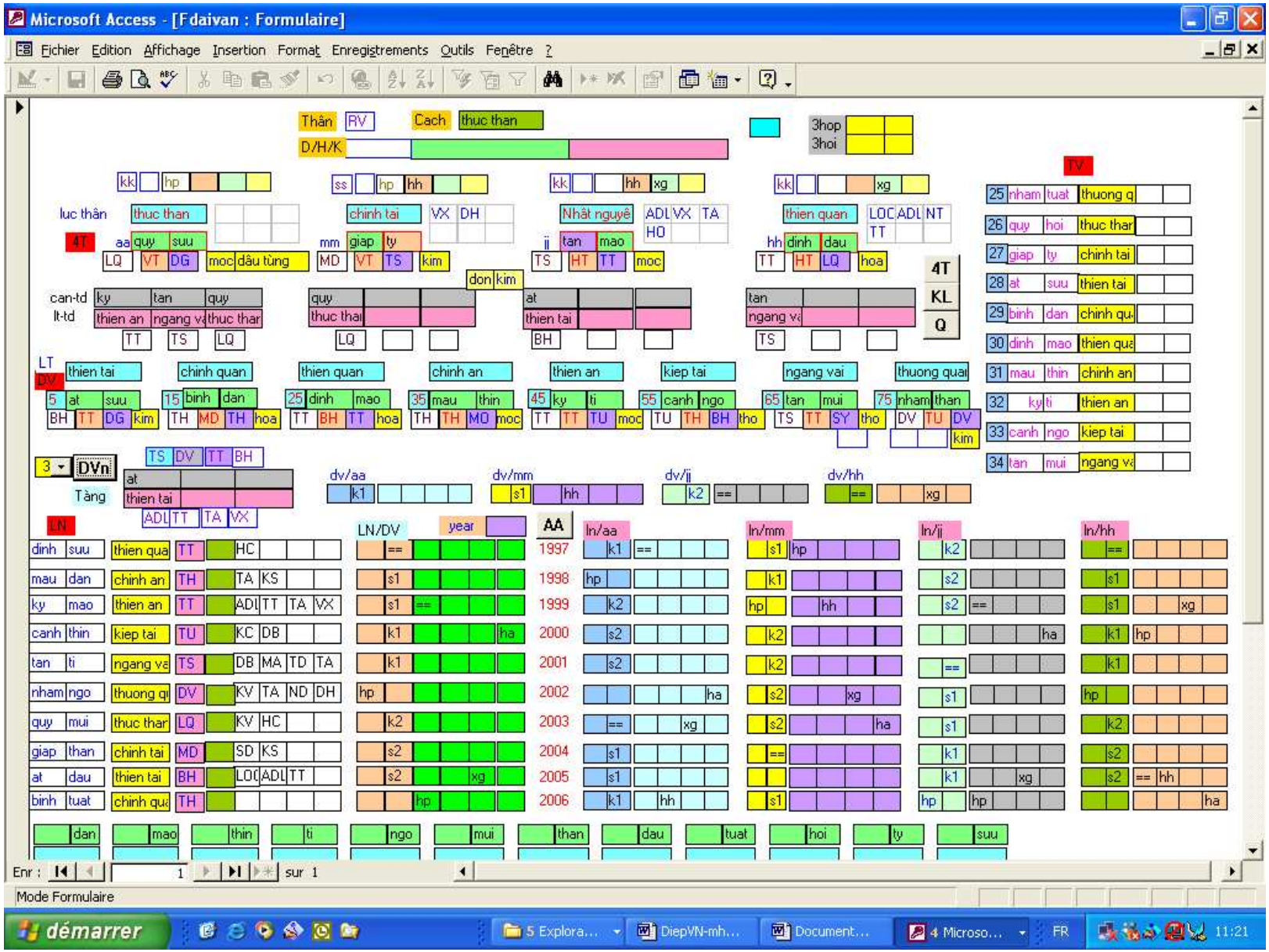
Microsoft Access - [Fdaivan : Formulaire]
Fichier Edition Affichage Insertion Format Enregistrements Outils Fenêtre ?
Thân RV Cach thuc than
D/H/K
3hop
3hoi
TV
luc thân thuc than
4T aa quy suu
LQ VT DG moc dâu tùng
chinh tai VX DH
mm giap ty
MD VT TS kim
Nhât nguyê ADL VX TA HO
jj tan mao
TS HT TT moc
thien quan LOC ADL NT TT
hh dinh dau
TT HT LQ hoa
don kim
can-td ky tan quy
lt-td thien an ngang v thuc thar
quy thuc thai
at thien tai
tan ngang v
4T KL Q
LT DV
thien tai chinh quan thien quan chinh an thien an kiep tai ngang vai thuong quai
5 at suu 15 binh dan 25 dinh mao 35 mau thin 45 ky ti 55 canh ngo 65 tan mui 75 nham than
BH TT DG kim TH MD TH hoa TT BH TT hoa TH TH MO moc TT TT TU moc TU TH BH tho TS TT SY tho DV TU DV kim
3 DVn
TS DV TT BH
at
thien tai
Tàng
ADL TT TA VX
dv/aa k1
dv/mm s1 hh
dv/jj k2 ==
dv/hh == xg
LN
LN/DV
year
AA
ln/aa
ln/mm
ln/jj
ln/hh
1997 1998 1999 2000 2001 2002 2003 2004 2005 2006
dinh suu thien qua TT HC
mau dan chinh an TH TA KS
ky mao thien an TT ADL TT TA VX
canh thin kiep tai TU KC DB
tan ti ngang v TS DB MA TD TA
nham ngo thuong q DV KV TA ND DH
quy mui thuc thar LQ KV HC
giap than chinh tai MD SD KS
at dau thien tai BH LOC ADL TT
binh tuat chinh qu TH
dan mao thin ti ngo mui than dau tuat hoi ty suu
Enr : 1 sur 1
Mode Formulaire
démarrer
5 Explora...
DiepVN-mh...
Document...
4 Microso...
FR
11:21

Giải Mệnh cuả DiepVN :

Nói chung, mệnh cháu tình duyên trắc trở, phải muộn màng mới tốt , vì khắc chồng rất mạnh. Chồng hay người tình cuả cháu đều 'dưới cơ" cháu. Nói chung, cháu phải có nhiều mối tình, hay ít nhất cũng không thể một đời chồng được. (Chồng được xem là người có cuộc sống "chồng vợ" với mình một thời gian).

Vậy cháu có gia đình muộn hoá ra lại hay hơn là lấy chồng sớm, vì lấy sớm cũng phải gảy thôi. Cháu thuộc loại THÂN Vượng; một mình có thể gây dựng cơ đồ. Tiền bạc dồi dào, nhưng Nữ mà thân vượng thì lại khắc chồng !

Nhưng nên nhớ rằng thời cơ tốt cho cháu, về mọi mặt, không còn lâu, từ 35 tuổi là hết thời vàng son. Từ 35t trở đi cháu sẽ có khó khăn. Do đó chuyện chồng con phải lo cho xong trong giai đoạn này.

Số cháu có tiền bạc nhiều, vậy nếu bung ra làm ăn phải tận dụng ngay, từ nay đến năm 34 tuổi. Ba má cháu nếu muốn giúp cháu cũng nên giúp ngay, không chần chờ gì nữa.

Con cái sẽ không khá lắm, chắc là không bằng cháu được. Vậy không nên có con nhiều.
Cha mẹ rất khá. Mẹ khắc cha rất nặng, nhưng nhờ cha Vượng, nên mẹ không khắc nổi, nếu không ba cháu đã đi buôn muối lâu rồi !

Chú chỉ chú trọng chuyện tình duyên cuả cháu :

2002 : đỡ, nhưng không khá lắm, bạn đời xung khắc cha mẹ ;
2003 : đỡ, nhưng cũng không khá lắm, cũng xung khắc cha mẹ ;
2004 : tốt, nên tận dụng;
2005 : xấu nhất, coi chừng gảy, hay bi tai hoạn !!! (thiên khắc địa xung) ;
2006 : thuận buồm xuôi gió, cực kỳ tốt (thiên hợp địa hợp) ; kể ra trời đãi cháu năm này (sẽ có người trị được cháu); trước khi bước qua những đại vận xấu. Năm đó mà cháu không nên cơm cháo gì thì mệt đấy. Chỉ xấu cho bậc bề trên (cha mẹ, ông bà).

Chú ý : Mệnh cháu chú cân ngũ hành thì thấy hành hoả và thổ yếu. Do đó nếu bạn đời có mệnh hoả hay thổ sẽ "bổ túc" cho cháu. Đó là vài yếu tố để chọn.

Bảng số cuả Hàng17 (nam, sinh ngày 06/12/49 lúc 08h30 - miền Nam ; giờ đã được chỉnh lại)
Đại vận 39-48t Tân mùi / Kiếp tài

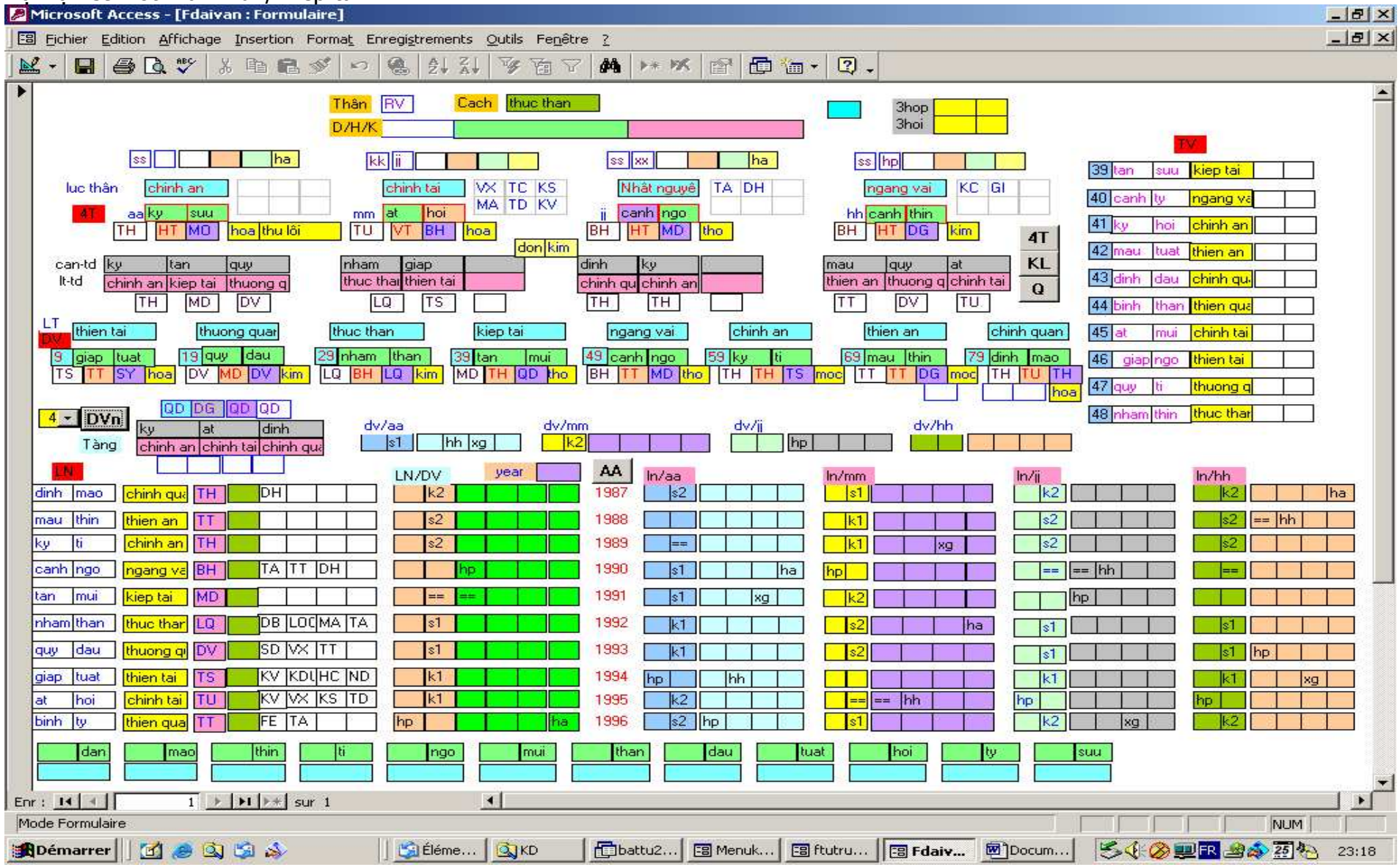

Đại vận 49-58t Canh-ngọ / Tỷ kiên

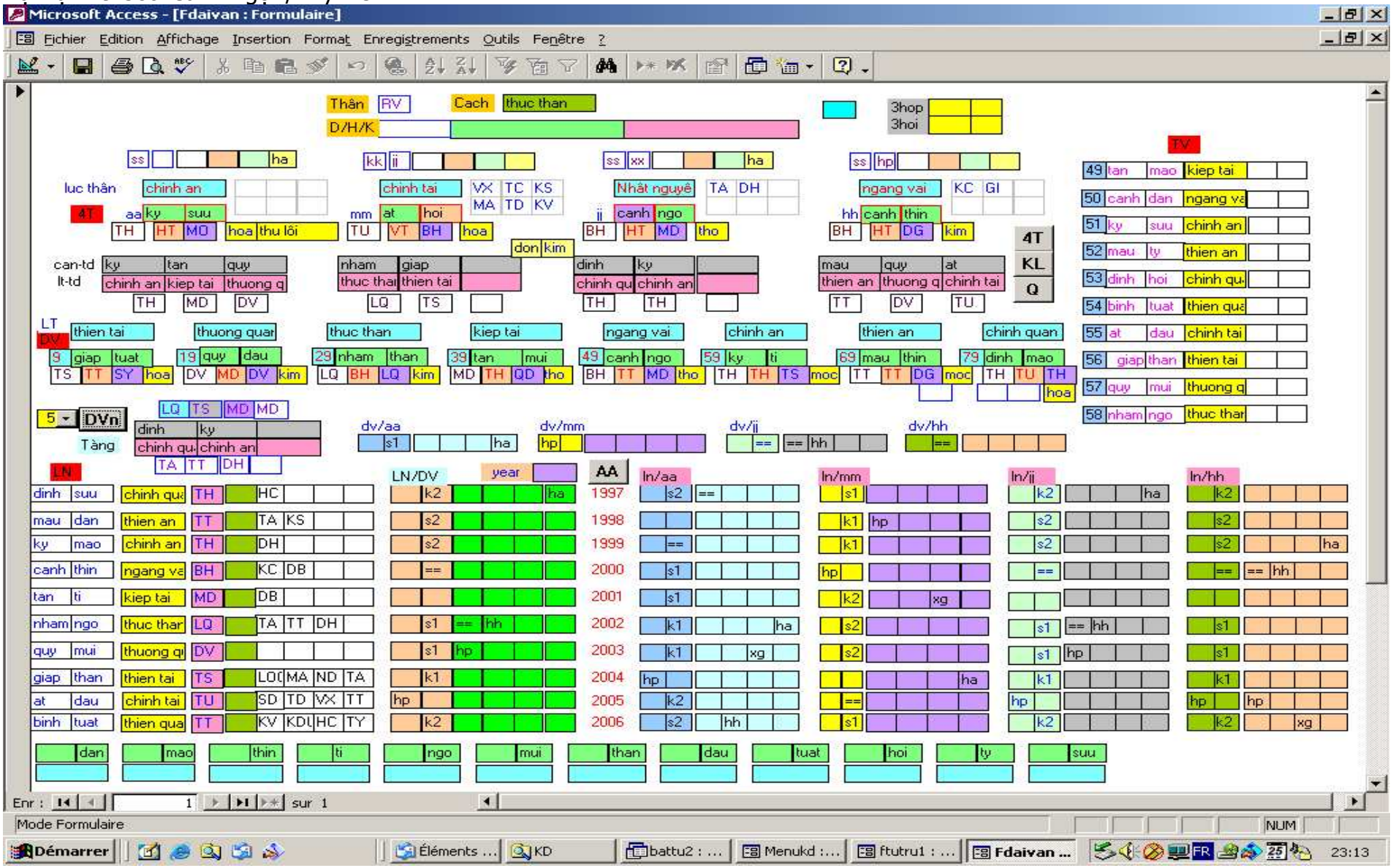

Mệnh cuả bà Nathalie (sinh ngày 14/4/58 03h25)

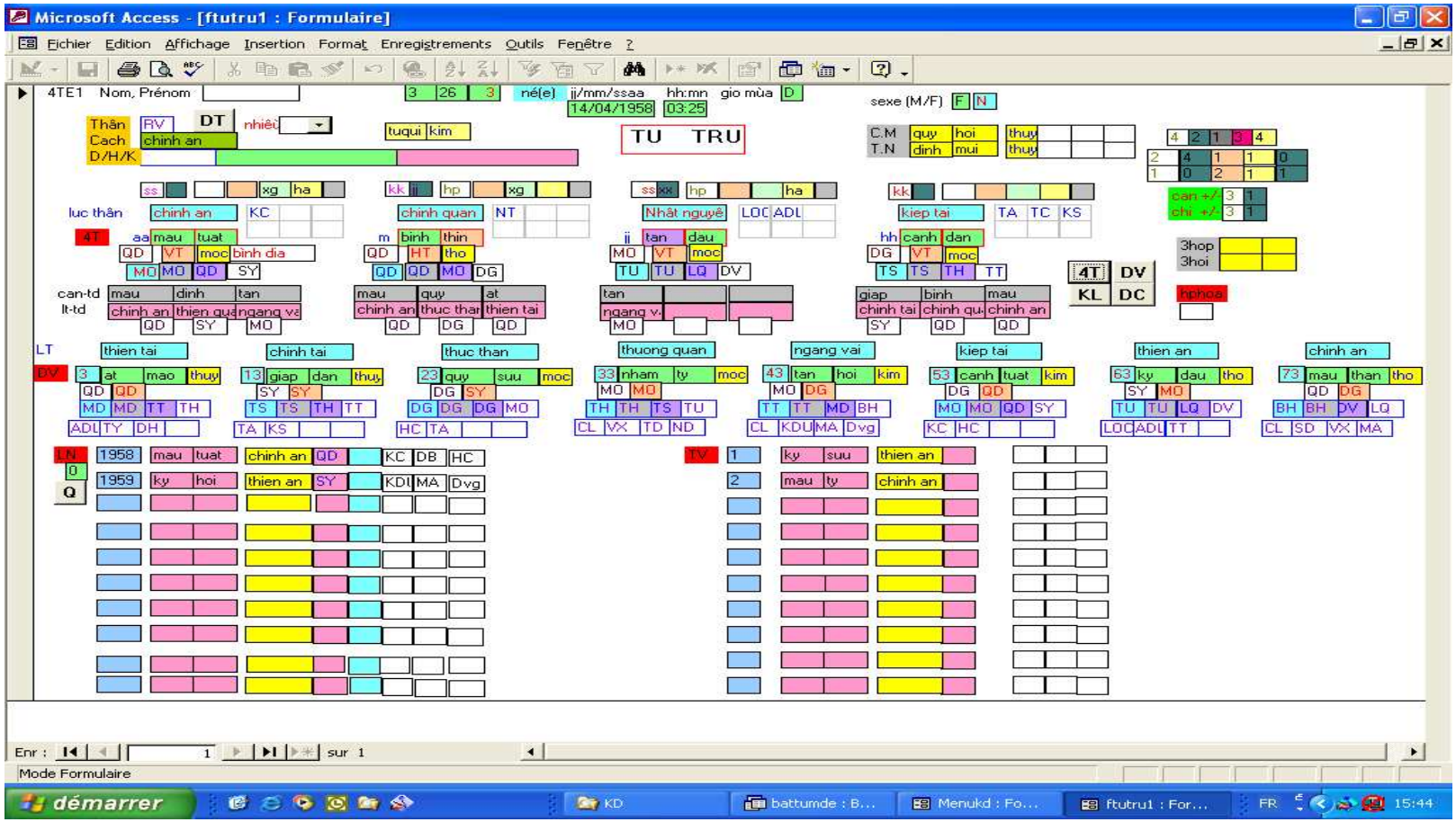

Bà : Trần Nathalie
Ngày sinh (DL) : 14/4/1958 03h25

TỔNG QUÁT

Điểm đáng chú ý nhất của Mệnh này là rất bất lợi về đường tình duyên và hôn nhân; e phải có nhiều đời chồng hoặc nhiêù người đàn ông khác nhau trong đời.

1-Nhân dáng

2-Tính tình
- hiền, nhưng cầu an, ít chí tiến thủ; chậm chạp; chịu đựng;
- tự tin thái quá mà dẫn đến thất bại.
- Không tham lam;

3-Tổ nghiệp, Ông bà

4-Cha mẹ
cha mẹ bất hoà; e rằng cha cũng lắm bà. Rất có thể là có hai mẹ (theo nghiã người nuôi nấng mình);
mẹ hiền ; cha mẹ tương đối khá giả;
cũng xung khắc bà con họ hàng;

5-Anh chị em
-anh chị em rất khắc nhau , không sống gần nhau được, dù kính trọng lẫn nhau; cũng không nên sống gần nhau vì có hại.
- anh em có công danh địa vị;

6- Con cái

rất ít con, và con cái không khá, e là chỉ có 1 đứa, và nó cũng không làm mẹ vui lòng lắm. Nếu có con thì có thể là đã sinh khoảng trước 23 tuổi, chứ về sau thì rất khó khăn về đường con cái.

7- Học tập, Danh tiếng
thông minh

8-Sức khoẻ, Tai nạn, Bệnh tật, Rủi ro
- thời tuổi trẻ mặt có thể có nhiều mụn; tuổi già rất dễ bị lãng tai;
- chân tay có thể có lần bị thương thành tật; phổi yếu; coi chừng bệnh về máu huyết;
- cuộc đời tình ái có thể để lại đau nhức mỏi mệt khi có tuổi;

TRONG ĐIỂM

1-Vận trình suốt đời (đại vận)

Từ 3 tuổi đến 12 tuổi : xấu, bất lợi cho cha mẹ, nhất là cho mẹ
Từ 13 tuổi đến 22 tuổi : xấu, bất lợi cho cha mẹ, nhất là cho mẹ
Từ 23 tuổi đến 32 tuổi : xấu
Từ 33 tuổi đến 42 tuổi : rất xấu cho bản thân, và nhất là hôn nhân , rất có thể
bản thân và/hoặc chồng bị tai họa (1992, 1996); chồng có thể chết !
Từ 43 tuổi đến 52 tuổi : ra khỏi bại vận, rất khá; nếu còn cha thì cha có thể
qua đời ở vận này. Tuy nhiên có nhiều việc làm hao tài .
Từ 53 tuổi đến 62 tuổi : tốt; nếu còn cha thì cha có thể qua đời ở vận này
năm 2018 coi chừng chồng qua đời. Cũng có nhiều việc làm hao tài .
Từ 63 tuổi đến 72 tuổi : tốt hơn

Từ 73 tuổi đến tuổi : mệnh này càng về già càng tốt ,

2-Hôn nhân

Tốt :

Xấu :

- lấy chồng (hay sống chung) sớm
- nhiều lần kết hôn hay chung sống
- làm vợ chính thường phá vận tô't cuả chồng, bị vợ lẻ lấn át. Nếu làm lẻ , sau sẽ đoạt làm chính. Vậy nên có chiến lược trong tình trường.

3-Tiền tài

Tốt :

số tương đối có tiền; tiền do nghề nghiệp làm ăn chính thức thì lại không được bao nhiêu; ngược lại loại tiền "hoạnh tài (bất chiến tự nhiên thành) thì lại khá hơn. Số giữ được tiền

Nên để của trong bất động sản;

Năm 2002 có thể có thể phát tài lớn; chú ý tháng 3 AL

Xấu :

4-Sự nghiệp, Việc làm, Địa vị xã hội

Tốt :

Xấu :

Hay thay đổi nghề nghiệp, ít khi thay đổi chỗ ở; trừ lần xa đất tổ quê hương;

5- Những năm quan trọng trong đời, cần lưu ý

Năm	Sự việc đã hay có thể xãy ra : *chỉ xét kỹ đại vận 43 – 52 tuổi, theo yêu cầu cuả chị, nhất là cho năm tới*
2001	Là năm rất xấu, vậy phải cẩn thận cho tới ngày cuối năm, chớ coi thường. Nếu có kiện tụng thì đã phát sinh từ năm nay (ly dị ?). Hao tiền tốn của, hao tâm tổn lực; con cái buồn lòng. Nếu không thì cũng coi chừng con cái bị tai nạn hay dính tới pháp luật; cũng có thể có chuyện ghen tuông lôi thôi
2002	tốt; gặp nhiều may mắn, chăc vụ kiện sẽ kết thúc, thắng (chồng cũ ?). Có thể gặp duyên mới (đào hoa !) tốt nhất là tháng 5,6 AL; nên tận dụng năm này, nắm mọi thời cơ : tốt lắm, chỉ có mẹ -nếu còn sống- thì có tí trắc trở, nếu không thì ứng cho việc làm, nhưng không sao. Những tháng tốt là từ 5 đến 10 AL.
2003	cũng rất tốt; nhưng bất lợi hơn cho mẹ (coi chừng); nếu không thì ứng cho việc làm , tuy nặng nhưng có cứu.
2004	bất lợi cho con; có thể có sự dời đổi công ăn việc làm hơn là chỗ ở .
2005	bản thân có vấn đề; rất có thể lại sóng gió trong tình trường ??!
2006	lại sóng gió lớn trong tình trường ??!
2007	khá xấu
3 năm	tốt, không có gì phải lo

Vài câu hỏi phụ của chị :

- xuất hành : nên đợi qua năm mới hãy đi. Dứt khoát không đi trước giao thừa. Nên đi hướng Tây Bắc, hay Đông Nam. Tốt nhất là 11 – 13h
- con cái nhà cửa thay đổi : không thấy có dấu hiệu trong 2002. Nhưng 2001 thì có (xem bảng trên);
- Về chuyện tình duyên, hay kiện tụng : khi có đối tượng, chị có thể xem quẻ bát quái (mỗi khoa có sở trường riêng).

SÁCH THAM KHẢO

Nhập môn Tứ trụ Dự đoán học	Trần Viên 1994
Tứ trụ Dự đoán học	Thiệu vĩ Hoa 1991
Chu Dịch Dự đoán học	Thiệu vĩ Hoa 1993
Tử Bình thuyết minh (*)	Đỗ đình Tuân, Hoa Lư – Saigon 1975
Đông Y Lược Khảo	Đỗ đình Tuân, Hoa Lư – Saigon 1971
Dịch học nhập môn	Đỗ đình Tuân, Hoa Lư – Saigon 1972
Tử Bình nhập môn	Lâm thế Đức, Saigon 1973
Can Chi thông luận	Nguyễn ngọc Hải – NXB Văn Hoá Thông Tin Hà nội 1998.
Tướng mệnh khảo luận	Vũ tài Lục, Ngân hà thư – Saigon 1972
Người đàn bà trong Tướng mệnh học	Vũ tài Lục, Ngân hà thư – Saigon 1974
Quỷ cốc toán mệnh	Dương Đình Lê thứ Chi, tác giả tự xuất bản – Austin – Texas 1990
Tám chữ Hà Lạc và quỹ đạo đời người	Xuân Cang – NXB Văn Hoá Thông Tin Hà nội 2000.
Ngọc hạp chánh tông	Viên Tài Hà Tấn phát – Tín Đức Thư Xã
Diễn cầm tam thế	Dương công Hầu - 1952

Và những sách cổ điển cuả Trung quốc :

Tam mệnh thông hội
Uyên hải Tử Bình
Mệnh lý thám nguyên.
Bát tự tinh giải.

(*) đáng tiếc là sau 1975, tác giả ở Hoa Kỳ không có phương tiện xuất bản quyển "Tử Bình Bí giải" như ông đã giới thiệu trong quyển trên.

Trên đường tìm học Tử Bình, tôi cố tìm tông tích cuả ĐĐT. Năm 2000, mới được biết ông sống ở Philadelphia Hoa Kỳ. Chưa tìm được địa chỉ và số điện thoại để liên lạc thì sau đó vài tháng ông đã qua đời . Tôi có hỏi thăm gia đình ông ở Paris – anh ruột ông là giáo sư toán học Đỗ minh Tiết – thì được biết là bản thảo đã thất lạc, hay rất có thể còn nằm trong thư viện Đại học Minh Đức - Saigon, mà trước 1975 ĐĐT có giảng dạy ở đó.

MỤC LỤC

Quyển II

Trang

Nội dung
Chương 01 cát thần
Chương 02 hung sát
Chương 03A vòng Trường sinh
Chương 03B giàu sang, nghèo hèn
Chương 04A xem cha mẹ
Chương 04B xem tổ nghiệp
Chương 05 xem anh chi em
Chương 06A xem mệnh nữ
Chương 06B xem hôn nhân
Chương 07 xem con cái
Chương 08 mệnh tu hành
Chương 09 xem Tài vận
Chương 10 xem quan vận
Chương 11 xem công danh
Chương 12 xem bệnh, hoa
Chương 13 xem tính cách
Chương 14 mệnh trẻ em
Chương 15 giải nan
Chương 16 đạo đức nghề nghiệp
Chương 17 giải đáp
Chương 18 Muc luc , Phu luc

Hình bìa, trang trí Hoạ sĩ Trần văn Tuôi, San Jose, USA

Phụ lục quyển II

Một số mệnh điển hình mà tác giả đã xem :

cas 01 dbich
cas 02 hdiep
cas 03 fabre
cas 04 Hàng17
cas 05 HH
cas 06 Nathalie
cas 07 Olga
cas 08 Quang17
cas 09 thanhhuy
cas 10 tran-anh
cas 11 tran-em
cas 12 trantu
cas 13 TS (anh trai cuả HH)

Phụ lục :

pl01	bảng thần sát
pl02A	phối hôn
pl02B	bảng luc giáp và phối hôn
pl03	đại mệnh
pl05	vài giai thoại về đoán mệnh
pl06	tính đồng bộ về mệnh
pl10	sách tham khảo